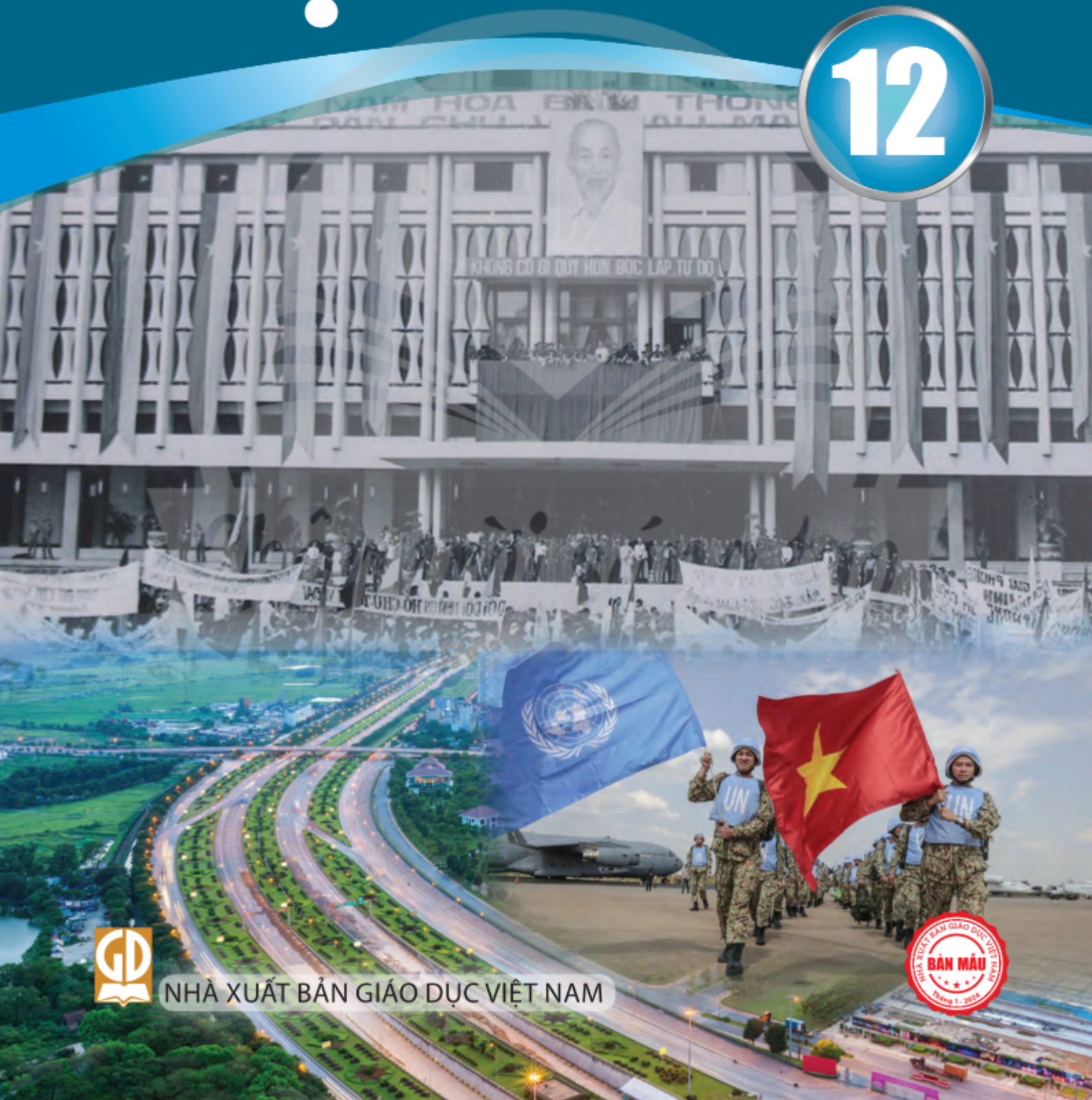
Chân trời sáng tạo

HÀ MINH HỒNG (Chủ biên)
TRẦN THỊ MAI – TRẦN NAM TIẾN – NGUYỄN THANH TIẾN
TRẦN THỊ THANH VÂN – NGUYỄN TIẾN VINH

LỊCH SỬ

12



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG QUỐC GIA THẨM ĐỊNH SÁCH GIÁO KHOA

Môn: Lịch sử – Lớp 12

(Theo Quyết định số 1882/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chủ tịch: TRƯƠNG CÔNG HUỲNH KỲ
Phó Chủ tịch: NGUYỄN VĂN THƯỞNG
Uỷ viên, Thư kí: NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

Các uỷ viên: TRƯƠNG TRUNG PHƯƠNG – NGUYỄN TẤT THẮNG
TRẦN HỮU HOÀ – VŨ VĂN THẢO
NGUYỄN TRUNG HẬU – LÊ THỊ HUYỀN

Chân trời sáng tạo

HÀ MINH HỒNG (Chủ biên)
TRẦN THỊ MAI – TRẦN NAM TIẾN – NGUYỄN THANH TIẾN
TRẦN THỊ THANH VÂN – NGUYỄN TIẾN VINH

LỊCH SỬ



Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

Lời nói đầu 3

Hướng dẫn sử dụng sách 4

Chương 1 – THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH 5

Bài 1. Liên hợp quốc 5

Bài 2. Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh 12

Bài 3. Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh 17

Chương 2 – ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ 22

Bài 4. Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) 22

Bài 5. Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực 28

Chương 3 – CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY) 33

Bài 6. Cách mạng tháng Tám năm 1945 33

Bài 7. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) 38

Bài 8. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) 46

Bài 9. Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay 56

Chương 4 – CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY 63

Bài 10. Khái quát về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay 63

Bài 11. Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay 69

Chương 5 – LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI 77

Bài 12. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945) 77

Bài 13. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay 82

Chương 6 – HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM 91

Bài 14. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh 91

Bài 15. Hồ Chí Minh – Anh hùng Giải phóng dân tộc 96

Bài 16. Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam 107

Bảng thuật ngữ 112

Bảng phiên âm 113

Lời nói đầu

Môn Lịch sử "giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc", giúp học sinh nhận thức và vận dụng được các bài học lịch sử để giải quyết những vấn đề của thực tế cuộc sống, phát triển tầm nhìn, "góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất của công dân Việt Nam, công dân toàn cầu".

Sách giáo khoa ***Lịch sử 12* (bộ sách Chân trời sáng tạo)** được biên soạn gồm 16 bài theo các chủ đề: Thế giới trong và sau Chiến tranh lạnh (3 bài); ASEAN – Những chặng đường lịch sử (2 bài); Cách mạng tháng Tám năm 1945, chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam (từ tháng 8 năm 1945 đến nay) (4 bài); Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay (2 bài); Lịch sử đối ngoại của Việt Nam thời cận – hiện đại (2 bài); Hồ Chí Minh trong lịch sử Việt Nam (3 bài).

Mỗi bài đều có sự thống nhất cấu trúc cơ bản: Mở đầu, Hình thành kiến thức mới, Luyện tập, Vận dụng, trong đó, kết hợp các kênh chữ, kênh hình giữa tuyến chính và tuyến phụ để hình thành kiến thức mới. Kết cấu này trong mỗi bài góp phần phát triển phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù môn Lịch sử.

Các bài học trong sách giáo khoa ***Lịch sử 12* (bộ sách Chân trời sáng tạo)** được biên soạn nhằm tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá; giúp học sinh chủ động, sáng tạo trong hoạt động học.

Hi vọng sách giáo khoa ***Lịch sử 12* (bộ sách Chân trời sáng tạo)** tiếp tục đồng hành, cùng chia sẻ kiến thức với các thầy, cô giáo và các em học sinh trong quá trình học tập, khám phá, vận dụng hiểu biết lịch sử vào thực tế cuộc sống trong năm cuối của cấp Trung học phổ thông.

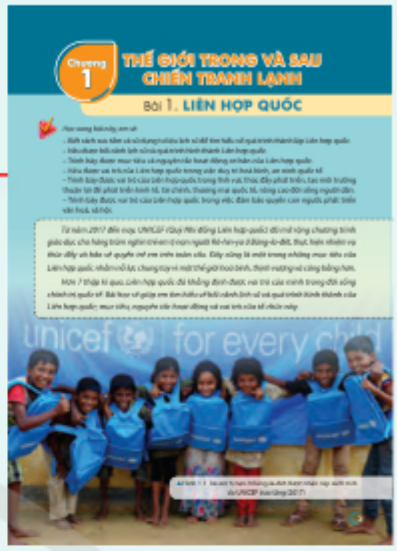
Chúc các em học tập tốt và thành công!

CÁC TÁC GIẢ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mở đầu

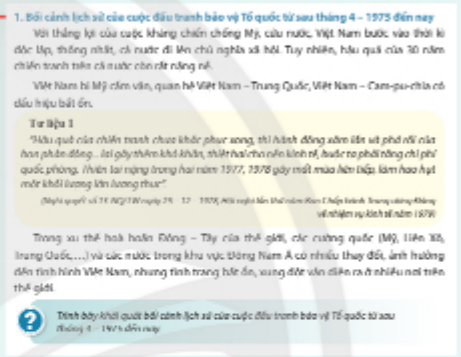
Giới thiệu mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung chính, khơi dậy sự khám phá, tìm hiểu chủ đề, vận dụng kiến thức mới.


Chương 1 THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Bài 1. LIÊN HỢP QUỐC

Hình thành kiến thức mới

- **Tuyến chính:** tổ chức hoạt động học theo nội dung các bài, mục, tư liệu thông qua kênh chữ, kênh hình để lĩnh hội kiến thức.
- **Tuyến phụ:** em có biết, kết nối internet mở rộng thông tin, gợi ý tìm tòi khám phá, liên hệ, vận dụng kiến thức.


1. Bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Việt Nam bước vào thời kì độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, hậu quả của 30 năm chiến tranh tiếp cả nước còn rất nặng nề.

Việt Nam bị Mỹ cấm vận, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam – Cam-pu-chia có dấu hiệu bất ổn.

Tư liệu 1

"Hậu quả của chiến tranh chưa khắc phục xong, thì hành động xâm lấn và phá hoại của bọn phản động... lại gây thêm khó khăn, thiệt hại cho nền kinh tế, buộc ta phải tăng chi phí quốc phòng. Thiên tai nặng trong hai năm 1977, 1978 gây mất mùa liên tiếp, làm hao hụt một khối lượng lớn lương thực."

(Nhiều người viết TS NGUYỄN Duy Trinh, Thắng lợi và bài học lịch sử năm 1975)

Trong xu thế hoà hoãn Đông – Tây của thế giới, các cường quốc (Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc,...) và các nước trong khu vực Đông Nam Á có nhiều thay đổi, ảnh hưởng đến tình hình Việt Nam, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới.

Trình bày khái quát bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.


Em có biết

Tại Nhật Bản, Phan Bội Châu kết thân với một số nhà yêu nước, ủng hộ Việt Nam như Ô-ki-nô-vơ, Cu-ma-mô-tô, Bu-i-nô-ki, bác sĩ A-xa-ki-ta-nô-vơ,... Những nhà yêu nước Nhật Bản đã giúp đỡ tận tình cho Phan Bội Châu và các học sinh Việt Nam trong giai đoạn đầu tiên có mặt chính thức tại Nhật Bản.

Kết nối internet tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của phái đoàn Việt Nam tại Hội nghị Giơ-nơ-vơ.

Lắng nghe lịch sử

Suy ngẫm về một nội dung liên quan đến bài học.


Lắng nghe lịch sử

"Nền ngoại giao Việt Nam hiện đại mang bản sắc dân tộc, nắm kiên định về nguyên tắc, nhưng uyển chuyển linh hoạt về sách lược, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với các mặt trận quân sự, chính trị và các ngành khác; kết hợp thế và lực giữa phấn xuyên chuyển hình thế nọ yếu thành mạnh; gắn lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, dân tộc với quốc tế, dân tộc với thời đại, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thành sức mạnh tổng hợp".

(Nguyễn Dình Bin, Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000, Sđd, trang 16)

Hình 12.12. Đại diện các nước tham gia lễ kí kết Hiệp định CPTPP ở Xan-ti-a-gô (Chi-lê) ngày 08 – 3 – 2018

Luyện tập

Các câu hỏi, bài tập để học sinh củng cố, hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng của bài học.

LUYỆN TẬP

1. Nêu hình thức nhân dân thế giới thể hiện sự tôn vinh đối với những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
2. Lập bảng thống kê những hình thức tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các địa phương Việt Nam hiện nay.

Vận dụng

Các câu hỏi, bài tập giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề, tình huống trong thực tiễn.

VẬN DỤNG

Lập kế hoạch học tập một việc làm, đức tính tốt đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và trình bày cho thầy, cô cùng các bạn trong lớp được biết.

Bảng Thuật ngữ

Giải thích một số thuật ngữ mới.

A	Trang
Anh hùng Giải phóng dân tộc: người có công lao kiệt xuất trong công cuộc đấu tranh giải phóng và phát triển của dân tộc, được nhân dân ca ngợi và lịch sử dân tộc ghi nhận, là biểu tượng và niềm tự hào của dân tộc.	96, 108

Bảng phiên âm

Tra cứu từ phiên âm trong sách với nguyên gốc.

Phiên âm	Nguyên gốc	Trang
A		
A-rập	Arab	87
A-pô-lô	Apollo	16
Ác-hen-ti-na	Argentina	85

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

Chương 1 THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Bài 1. LIÊN HỢP QUỐC

Học xong bài này, em sẽ:

– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình thành lập Liên hợp quốc.
– Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc.
– Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.
– Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế.
– Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân.
– Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.

Từ năm 2017 đến nay, UNICEF (Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc) đã mở rộng chương trình giáo dục cho hàng trăm nghìn trẻ em tị nạn người Rô-hin-ya ở Băng-la-đét, thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy và bảo vệ quyền trẻ em trên toàn cầu. Đây cũng là một trong những mục tiêu của Liên hợp quốc nhằm nỗ lực chung tay vì một thế giới hoà bình, thịnh vượng và công bằng hơn.

Hơn 7 thập kỉ qua, Liên hợp quốc đã khẳng định được vai trò của mình trong đời sống chính trị quốc tế. Bài học sẽ giúp em tìm hiểu về bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành của Liên hợp quốc; mục tiêu, nguyên tắc hoạt động và vai trò của tổ chức này.



▲Hình 1.1. Trẻ em tị nạn ở Băng-la-đét được nhận cặp sách mới do UNICEF trao tặng (2017)

1. Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc

a) Lịch sử hình thành

Bối cảnh lịch sử

Trong giai đoạn cuối của Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình thế giới có sự chuyển biến quan trọng, ưu thế trên chiến trường thuộc về phe Đồng minh chống phát xít. Các nước trong phe Đồng minh nhận thấy vấn đề cấp bách là cần phải thiết lập một tổ chức quốc tế có vai trò thực sự trong việc duy trì hoà bình, an ninh thế giới sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Quá trình hình thành

Ngày 01 – 01 – 1942, đại diện 26 nước Đồng minh họp tại Oa-sinh-tơn (Mỹ), kí *Tuyên bố Liên hợp quốc*, cam kết thành lập một tổ chức quốc tế để giữ gìn hoà bình thế giới sau chiến tranh.

Tại Hội nghị Tê-hê-ran (I-ran, từ ngày 28 – 11 đến ngày 01 – 12 – 1943), ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh thoả thuận thiết lập một tổ chức quốc tế mới nhằm thay thế cho Hội Quốc liên.

Em có biết

Hội Quốc liên là một tổ chức liên chính phủ được thành lập đầu năm 1920 nhằm ngăn ngừa chiến tranh thông qua an ninh tập thể và giải trừ quân bị, giải quyết những tranh chấp quốc tế, duy trì hoà bình thế giới. Đến đầu năm 1935, Hội Quốc liên từng có 58 thành viên nhưng thực tế không có khả năng ngăn chặn chiến tranh.

Tại Hội nghị I-an-ta (Liên Xô, tháng 02 – 1945), ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh đã ra quyết định thành lập Liên hợp quốc và đồng ý triệu tập hội nghị để thông qua *Hiến chương Liên hợp quốc*.

Từ ngày 25 – 4 – 1945 đến ngày 26 – 6 – 1945, tại Hội nghị Xan Phran-xi-xcô (Mỹ), đại biểu 50 nước tham dự (sau có thêm Ba Lan, nâng tổng số thành 51 nước) đã thông qua bản *Hiến chương Liên hợp quốc*.

Ngày 24 – 10 – 1945, *Hiến chương Liên hợp quốc* được Quốc hội các nước thành viên phê chuẩn, Liên hợp quốc chính thức được thành lập.



▲Hình 1.2. Lễ kí kết *Hiến chương Liên hợp quốc* tại Xan Phran-xi-xcô (Mỹ)



▲Hình 1.3. Trụ sở Liên hợp quốc ở Niu Oóc (Mỹ)



▲Hình 1.4. Cờ của Liên hợp quốc

Em có biết

Liên hợp quốc – tiếng Anh là United Nations (UN), trụ sở chính đặt tại Niu Oóc. Cờ của Liên hợp quốc được thông qua ngày 07 – 12 – 1946, có biểu tượng màu trắng trên nền màu xanh. Màu xanh tượng trưng cho tinh thần hướng đến một thế giới yên bình. Biểu tượng được thiết kế trên lá cờ là một bản đồ thế giới, lấy điểm bắt đầu ở Bắc Cực kéo dài đến 60 độ vĩ nam và bao gồm năm vòng tròn đồng tâm, được bao quanh bởi hai nhánh ô liu biểu tượng của hoà bình.

Nêu bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc.

b) Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động

Mục tiêu

Mục tiêu của việc thành lập Liên hợp quốc được quy định trong Điều 1 của *Hiến chương Liên hợp quốc*: 1. Duy trì hoà bình và an ninh quốc tế; 2. Phát triển mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc trên cơ sở tôn trọng quyền bình đẳng, quyền tự quyết dân tộc và củng cố hoà bình thế giới; 3. Thúc đẩy hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hoá, nhân đạo trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người; 4. Trở thành trung tâm phối hợp mọi hành động của các dân tộc nhằm đạt được những mục tiêu nói trên.

Trong số các mục tiêu nêu trên, mục tiêu duy trì hoà bình và an ninh thế giới được Liên hợp quốc chú trọng, làm cơ sở để thực hiện các mục tiêu còn lại.

Nguyên tắc hoạt động

Để đảm bảo Liên hợp quốc là một tổ chức quốc tế thực sự phục vụ mục tiêu chung của cộng đồng, *Hiến chương Liên hợp quốc* đã thể hiện các nguyên tắc hoạt động của tổ chức này.

Tư liệu 1

Các nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc

1. Bình đẳng chủ quyền của tất cả các quốc gia thành viên;

2. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị quốc gia;

3. Cấm đe doạ sử dụng vũ lực hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế;

4. Không can thiệp vào công việc nội bộ các nước;

5. Tôn trọng các nghĩa vụ quốc tế và luật pháp quốc tế;

6. Giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hoà bình.

(Theo Điều 2, *Hiến chương Liên hợp quốc*)

Các mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc mang tính bao quát, phản ánh mối quan tâm toàn diện của tổ chức này với các vấn đề quốc tế.

Em có biết

Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc gồm 15 nước thành viên, trong đó có 5 nước Uỷ viên thường trực, thường được gọi là Nhóm P5, gồm: Mỹ, Anh, Pháp, Liên bang Nga và Trung Quốc, có quyền quyết định các vấn đề trọng đại của thế giới. 10 nước thành viên không thường trực (gọi tắt là Nhóm E10) do Đại hội đồng Liên hợp quốc bầu ra với nhiệm kì hai năm. Việt Nam đã được bầu làm Uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ở nhiệm kì 2008 – 2009 và nhiệm kì 2020 – 2021.

Trình bày mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.

Kết nối internet tìm hiểu quyền phủ quyết (veto) của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

2. Vai trò của Liên hợp quốc

a) Trong lĩnh vực duy trì hoà bình, an ninh quốc tế

Với vai trò là tổ chức quốc tế lớn nhất, Liên hợp quốc đã góp phần giải quyết xung đột và tranh chấp ở nhiều khu vực, khôi phục hoà bình và hỗ trợ tái thiết ở nhiều quốc gia.



▲Hình 1.5. Lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc tại Ma-li (2021)

Em có biết

Liên hợp quốc góp phần giải quyết cuộc khủng hoảng tên lửa ở Cu-ba (1962), chiến tranh Trung Đông (1973), chấm dứt các cuộc xung đột kéo dài ở En Xan-va-đo, Goa-tê-ma-la, Mô-dăm-bích (trong những năm 90 của thế kỉ XX). Liên hợp quốc cũng đã triển khai các hoạt động gìn giữ hoà bình ở nhiều khu vực trên thế giới.

Từ sau năm 1945 đến nay, Liên hợp quốc góp phần thúc đẩy quá trình phi thực dân hoá, xoá bỏ chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn cầu, thủ tiêu các hình thức của chế độ phân biệt chủng tộc.

Liên hợp quốc xây dựng được một hệ thống các công ước, hiệp ước quốc tế về giải trừ quân bị cũng như ngăn chặn phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt, tiêu biểu có *Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân* (1968); *Công ước cấm sử dụng, phát triển và tàng trữ vũ khí hoá học và về việc phá huỷ các loại vũ khí này* (1993); *Hiệp ước cấm thử hạt nhân toàn diện* (1996); *Hiệp ước cấm vũ khí hạt nhân* (2017);...



▲Hình 1.6. Tổng Thư kí Kô-phi An-nan (bên phải) nhận giải thưởng Nô-ben Hoà bình (ngày 10 – 12 – 2001)

Nêu vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hoà bình, an ninh quốc tế.

b) Trong lĩnh vực phát triển

Liên hợp quốc ưu tiên việc tạo môi trường kinh tế quốc tế bình đẳng, hỗ trợ các nền kinh tế kém phát triển thông qua các chương trình, quỹ, các cơ quan chuyên môn,...

Từ năm 1960, Đại hội đồng Liên hợp quốc đề ra các chiến lược phát triển cho từng thập kỉ nhằm huy động sự hợp tác quốc tế cho các mục tiêu phát triển chung. Các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc đã có sự hỗ trợ trực tiếp về vốn, tri thức,... nhằm thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân.

Em có biết

Ngày 17 – 10 hằng năm là Ngày quốc tế xoá nghèo, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua từ năm 1992. Liên hợp quốc muốn kêu gọi tất cả các quốc gia hợp lực, bằng các hoạt động cụ thể nhằm loại bỏ nghèo đói và khổ đau. Chủ đề Ngày quốc tế xoá nghèo năm 2022 được nêu ra là "Nhân phẩm thật sự cho tất cả", với thông điệp kêu gọi nỗ lực vì một thế giới tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người.

Tháng 9 – 2015, tại Hội nghị Thượng đỉnh ở Niu Óóc, Liên hợp quốc thông qua Chương trình nghị sự 2030 với 17 mục tiêu, lấy phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt của ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường.



▲Hình 1.7. Các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc

Tư liệu 2

Chương trình nghị sự 2030 được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua với 17 mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development Goals, viết tắt là SDGs), còn được gọi là Mục tiêu toàn cầu nhằm chấm dứt đói nghèo, bảo vệ hành tinh và đảm bảo hoà bình, thịnh vượng cho tất cả thành viên Liên hợp quốc vào năm 2030.

(Liên hợp quốc tại Việt Nam: https://vietnam.un.org/vi/sdgs)



▲Hình 1.8. Chương trình lương thực thế giới (World Food Programme – viết tắt là WFP) của Liên hợp quốc viện trợ lương thực ở châu Phi

Trình bày vai trò của Liên hợp quốc trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển.

Kết nối Internet tìm hiểu về các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc hoạt động ở Việt Nam.

c) Trong lĩnh vực quyền con người, văn hoá, xã hội

Về quyền con người

Năm 1948, Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua *Tuyên ngôn Nhân quyền*, khẳng định những quyền cơ bản của con người. Văn kiện này làm cơ sở cho việc ra đời hơn 80 công ước và tuyên bố quốc tế về quyền con người, trong đó có *Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá; Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị,…* nhằm đảm bảo việc thực thi quyền con người, xây dựng một thế giới an toàn và công bằng hơn.



▲Hình 1.9. Ê-lin-no Ru-dơ-ven (người đứng đầu Uỷ ban dự thảo) và bản *Tuyên ngôn Nhân quyền* (1948)

Về văn hoá, xã hội

Các cơ quan chuyên môn của Liên hợp quốc như Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO), Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Tổ chức Lao động quốc tế (ILO),... đã góp phần thắt chặt sự hợp tác về giáo dục, khoa học, văn hoá, xã hội giữa các quốc gia thành viên, đảm bảo quyền có việc làm, quyền được chăm sóc y tế,... của người dân.

Các quỹ, chương trình của Liên hợp quốc như Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP),... đã thúc đẩy giải quyết các vấn đề thách thức toàn cầu, chú trọng các vấn đề giáo dục, nhân đạo,...

Trình bày vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hoá, xã hội.

Kết nối internet tìm hiểu về việc tham gia của Việt Nam với các công ước quốc tế về quyền con người.

Lắng nghe lịch sử

"Tuyên ngôn Nhân quyền" của Liên hợp quốc được đánh giá là một "văn kiện đột phá", có tính pháp lí cao, đặt ra các quyền con người, vượt lên những giới hạn về văn hoá, tôn giáo, chính trị và pháp luật. Tuyên ngôn đã được tất cả các nước thành viên phê chuẩn và dịch ra hàng trăm thứ tiếng. Giá trị lớn lao của bản "Tuyên ngôn Nhân quyền" đã được cả nhân loại thừa nhận, trở thành mục tiêu vươn tới của mọi quốc gia, dân tộc. Ngày 10 – 12 hằng năm được Liên hợp quốc lấy làm ngày Quốc tế Nhân quyền, nhằm tôn vinh các giá trị về quyền con người.

LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ các mục tiêu và nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc.
2. Lập bảng thống kê về vai trò của Liên hợp quốc theo gợi ý bên vào vở:

Lĩnh vực	Vai trò
Duy trì hoà bình, an ninh quốc tế	?
Phát triển	?
Quyền con người, văn hoá, xã hội	?

VẬN DỤNG

Chọn 1 trong 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (Hình 1.7) và chuẩn bị bài thuyết trình theo gợi ý:

– Nội dung của mục tiêu.

– Tại sao mục tiêu này phải phát triển bền vững?

– Việt Nam cần phải làm gì để góp phần thực hiện mục tiêu đó?

Bài 2. TRẬT TỰ THẾ GIỚI TRONG CHIẾN TRANH LẠNH

Học xong bài này, em sẽ:

– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

– Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

– Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

– Phân tích được tác động sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đối với tình hình thế giới.

Ngày 13 – 8 – 1961, một bức tường bê tông dọc theo biên giới Tây Béc-lin đã được dựng lên để ngăn cách Đông Đức và Tây Đức. Tồn tại trong gần 30 năm, Bức tường Béc-lin được biết đến với nhiều tên gọi như: "Biên giới bên trong nước Đức", "Rèm sắt",... và từng được xem là biểu tượng của Chiến tranh lạnh. Đây cũng là một trong những nơi biểu hiện tình trạng căng thẳng của trật tự thế giới hai cực, đối đầu giữa hai phe – tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã hình thành và tồn tại như thế nào? Nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự đó và tác động đến tình hình thế giới ra sao? Bài học sẽ giúp em giải quyết các vấn đề trên.



Hình 2.1. Người dân hai bên Bức tường Béc-lin chờ đợi cổng được mở sau gần 30 năm

Chân trời sáng tạo

1. Sự hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a) Quá trình hình thành

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Ba vấn đề quan trọng đặt ra với các nước Đồng minh cần phải giải quyết là nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít; tổ chức lại thế giới sau chiến tranh; phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 04 đến ngày 11 – 02 – 1945, một hội nghị quốc tế được triệu tập tại I-an-ta (Liên Xô) với sự tham dự của lãnh đạo ba cường quốc Liên Xô, Mỹ, Anh.



▲Hình 2.2. Ba nhà lãnh đạo của Liên Xô, Mỹ và Anh tại Hội nghị I-an-ta, hàng đầu từ trái sang phải: Thủ tướng Anh – U. Sớc-xin, Tổng thống Mỹ – Ph. Ru-dơ-ven, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô – I. Xta-lin

Em có biết

Hội nghị I-an-ta là hội nghị thứ hai trong ba hội nghị quan trọng diễn ra giữa ba cường quốc, sau Hội nghị Tê-hê-ran (tháng 12 – 1943) và trước Hội nghị Pốt-xđam (tháng 7 đến tháng 8 – 1945).

Hội nghị đã quyết định: thống nhất tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật; để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, sau khi đánh bại phát xít Đức từ 2 đến 3 tháng, Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật Bản ở châu Á; thành lập tổ chức Liên hợp quốc để duy trì hoà bình và an ninh thế giới; thoả thuận về việc đóng quân và phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

Ở châu Âu, quân đội Liên Xô sẽ đóng quân ở miền Đông nước Đức, Đông Béc-lin và các nước Đông Âu; quân đội Mỹ, Anh, Pháp đóng quân ở miền Tây nước Đức, Tây Béc-lin và các nước Tây Âu. Riêng Áo và Phần Lan được hưởng quy chế trung lập.

Ở châu Á, hội nghị chấp nhận những điều kiện của Liên Xô về việc tham gia chiến tranh tiêu diệt quân phiệt Nhật Bản, bao gồm: duy trì nguyên trạng Mông Cổ; trả lại cho Liên Xô miền Nam đảo Xa-kha-lin và các đảo xung quanh, bốn đảo thuộc quần đảo Cu-rin; quốc tế hoá thương cảng Đại Liên (Trung Quốc) và khôi phục việc Liên Xô thuê cảng Lữ Thuận làm căn cứ hải quân.

Quân đội Mỹ đóng quân ở Nhật Bản; ở bán đảo Triều Tiên lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới, quân đội Liên Xô đóng quân ở miền Bắc và quân đội Mỹ đóng quân ở miền Nam; Trung Quốc cần trở thành quốc gia thống nhất và dân chủ, quân đội nước ngoài rút khỏi Trung Quốc, Chính phủ Trung Hoa Dân quốc cần cải tổ với sự tham gia của Đảng Cộng sản Trung Quốc và các đảng phái dân chủ, trả lại cho Trung Quốc vùng Mãn Châu, đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ.

Các vùng còn lại của châu Á (Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á) vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

Những quyết định của Hội nghị I-an-ta cùng những thoả thuận sau đó của Liên Xô, Mỹ, Anh đã trở thành khuôn khổ của một trật tự thế giới mới, thường được gọi là Trật tự thế giới hai cực I-an-ta. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta với đặc trưng nổi bật là thế giới chia thành hai hệ thống đối lập nhau: tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu và xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu.

Trình bày quá trình hình thành Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

b) Quá trình tồn tại Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

Trật tự thế giới hai cực I-an-ta tồn tại hơn bốn thập kỉ, gắn liền với sự căng thẳng của cuộc Chiến tranh lạnh giữa hai cực Mỹ – Liên Xô.

• ***Giai đoạn từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX:*** giai đoạn xác lập và phát triển của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta, hình thành hai hệ thống xã hội đối lập nhau về hệ tư tưởng, chính trị, quân sự,…

Trật tự thế giới hai cực I-an-ta được định hình với sự thiết lập các khối kinh tế, quân sự đối đầu nhau.

Về kinh tế: tháng 6 – 1947, Mỹ thực hiện Kế hoạch phục hưng châu Âu (Kế hoạch Mác-san), nhằm viện trợ cho các nước Tây Âu khôi phục kinh tế; tháng 01 – 1949, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), nhằm tăng cường sự hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

Về quân sự: năm 1949, Mỹ và các nước tư bản phương Tây thành lập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO); năm 1955, Liên Xô và các nước Đông Âu thành lập Tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va. Cả hai khối chạy đua vũ trang, duy trì sự đối đầu về lực lượng quân sự, vũ khí hiện đại và đặc biệt là vũ khí hạt nhân.

Trong thời kì Chiến tranh lạnh, thế giới đã xuất hiện nhiều cuộc chiến tranh cục bộ và xung đột: chiến tranh xâm lược Đông Dương của Pháp (1945 – 1954), chiến tranh Triều Tiên (1950 – 1953), chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ (1954 – 1975),…; khủng hoảng Xuy-ê (1956), khủng hoảng Béc-lin (1961), khủng hoảng tên lửa ở Cu-ba (1962),… Xung đột giữa hai bên dẫn đến nguy cơ bùng nổ chiến tranh hạt nhân.

Em có biết

Chiến tranh lạnh (từ tiếng Anh là Cold War), bắt đầu từ năm 1947 với sự ra đời của Học thuyết Tru-man, kết thúc với sự tan rã của Liên Xô năm 1991. Đó là "chiến tranh không nổ súng" nhưng luôn gây ra tình trạng căng thẳng để thực hiện "chính sách đối đầu" của Mỹ và các nước tư bản đối với Liên Xô cùng các nước xã hội chủ nghĩa.

• ***Giai đoạn từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX đến năm 1991:*** giai đoạn Trật tự thế giới hai cực I-an-ta suy yếu và đi đến sụp đổ.

Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, mặc dù Chiến tranh lạnh vẫn còn tiếp diễn nhưng xu thế hoà hoãn giữa hai bên cũng tiếp tục phát triển. Năm 1972, Liên Xô và Mỹ tiến hành những cuộc gặp gỡ cấp cao, đạt được những thoả thuận hạn chế vũ khí chiến lược.

Từ nửa sau thập kỉ 80 của thế kỉ XX, Liên Xô và Mỹ đẩy mạnh đối thoại, bình thường hoá quan hệ. Tháng 12 – 1989, trong cuộc gặp không chính thức giữa Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M. Goóc-ba-chốp tại đảo Man-ta (Địa Trung Hải), hai bên đã tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh.

Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu cuối những năm 80 của thế kỉ XX và sự tan rã của Liên Xô (1991) đã chấm dứt Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

Trình bày quá trình tồn tại Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

2. Nguyên nhân và tác động của sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta

a) Nguyên nhân sụp đổ

Cuộc chạy đua vũ trang kéo dài hơn bốn thập kỉ làm suy giảm thế mạnh của cả Mỹ và Liên Xô, buộc hai bên phải từng bước hạn chế căng thẳng.

Phong trào giải phóng dân tộc phát triển thắng lợi, các nước thuộc thế giới thứ ba vươn lên, góp phần phá vỡ khuôn khổ trật tự hai cực.

Sự vươn lên mạnh mẽ của các nước Tây Âu, Nhật Bản, các nước công nghiệp mới (NICs),… làm thay đổi cán cân kinh tế thế giới, tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt với Mỹ.

Sự khủng hoảng và những sai lầm trong công cuộc cải tổ đã làm suy giảm sức mạnh, dẫn tới sự sụp đổ về mặt nhà nước của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba diễn ra mạnh mẽ, đòi hỏi các nước phải tập trung sức mạnh để chiếm lĩnh, phát triển kinh tế.

Nêu nguyên nhân sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta.

b) Tác động

Sau thời gian tồn tại gần nửa thế kỉ (1945 – 1991), sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã tác động lớn đến tình hình thế giới, đưa đến xu thế phát triển mới trong quan hệ quốc tế. Một trật tự thế giới mới dần được hình thành theo xu thế đa cực.

Sự tan rã của Liên Xô đã làm thay đổi so sánh tương quan lực lượng trên thế giới với ưu thế tạm thời thuộc về Mỹ. Tuy nhiên, vai trò của các cường quốc khác, các trung tâm kinh tế, các tổ chức quốc tế, khu vực,... ngày càng gia tăng.

Trật tự thế giới hai cực I-an-ta sụp đổ đã mở ra chiều hướng và điều kiện để giải quyết hoà bình các vụ tranh chấp, xung đột khu vực như ở Áp-ga-ni-xtan, Cam-pu-chia, Na-mi-bi-a,...

Sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã tác động như thế nào tới tình hình thế giới?

Lắng nghe lịch sử

Ngày 12 – 4 – 1961, nhà du hành vũ trụ Ga-ga-rin (Liên Xô) đã trở thành người đầu tiên thực hiện chuyến bay của con người vào Vũ Trụ. Ga-ga-rin chuyển về Trái Đất câu nói: "Từ Vũ Trụ, tôi không còn nhìn thấy biên giới các quốc gia! Trái Đất xanh một màu xanh vĩnh cửu". Ngày 21 – 7 – 1969, phi hành gia Nây Am-xtroong (Mỹ) đã mở cửa mô-đun của tàu vũ trụ A-pô-lô 11 bước ra ngoài và đặt bước chân đầu tiên lên bề mặt Mặt Trăng. Am-xtroong đã có câu nói bất hủ: "Đây là bước đi nhỏ bé của một người nhưng là bước tiến vĩ đại của nhân loại".



▲Hình 2.3. Ga-ga-rin trong chuyến bay vòng quanh Trái Đất (1961)



▲Hình 2.4. Nây Am-xtroong trên bề mặt Mặt Trăng (1969)

LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thống kê quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta (theo gợi ý: thời gian, nội dung chính).

2. Tại sao chạy đua vũ trang là một trong những nguyên nhân quan trọng làm sụp đổ Trật tự thế giới hai cực I-an-ta?

VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu và vận dụng những kiến thức đã học, em hãy cho biết sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực I-an-ta đã tác động như thế nào đến Việt Nam.

Bài 3. TRẬT TỰ THẾ GIỚI SAU CHIẾN TRANH LẠNH

Học xong bài này, em sẽ:

– Nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

– Trình bày được khái niệm đa cực.

– Nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

– Vận dụng được những hiểu biết về thế giới sau Chiến tranh lạnh để giải thích những vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế.

Tháng 9 – 2009, Hội nghị Thượng đỉnh của nhóm 20 nền kinh tế lớn nhất thế giới (G20) diễn ra tại Mỹ, thống nhất đưa G20 trở thành diễn đàn kinh tế lớn nhất thế giới. Hợp tác của G20 năm 2009 đã đánh dấu sự phát triển của kỉ nguyên đa cực trong quan hệ quốc tế.

Bài học sẽ làm rõ các nội dung về xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh cũng như xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế. Từ đó, giúp em hiểu hơn những vấn đề thời sự hiện nay.



▲ Hình 3.1. Lãnh đạo các nước G20 tại Hội nghị Thượng đỉnh ở Pít-xbớc (Mỹ) năm 2009

1. Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh

Sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, thế giới bước vào thời kì mới, phát triển theo các xu thế: đa cực; lấy phát triển kinh tế là trọng tâm; đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế; toàn cầu hoá.

• *Xu thế đa cực*

Đây là xu thế thể hiện rõ ở đầu thế kỉ XXI với sự xác lập trật tự thế giới mới, nhiều cực, nhiều trung tâm trong quan hệ quốc tế.

• *Xu thế lấy phát triển kinh tế là trọng tâm*

Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, lấy kinh tế làm trọng tâm, xây dựng sức mạnh tổng hợp của mỗi quốc gia.



▲Hình 3.2. Bìa sách *The Rise and Fall of the Great Powers*

Em có biết

Trong tác phẩm "The Rise and Fall of the Great Powers" (Sự trỗi dậy và suy tàn của các cường quốc), nhà sử học Mỹ – Pôn Ken-nơ-đi đã nhấn mạnh, các nguồn lực kinh tế, sự phát triển khoa học – kĩ thuật, sức mạnh quân sự tạo nên sức mạnh tổng hợp của đất nước, quyết định vị trí quyền lực của đất nước trong cục diện thế giới. Sự phát triển hay suy thoái của các yếu tố này tạo nên sự hưng thịnh và suy vong không chỉ của các cường quốc mà cả các quốc gia khác trong một thế giới phức tạp, đan xen và phụ thuộc nhau.

• *Xu thế đối thoại, hợp tác trong quan hệ quốc tế*

Các nước điều chỉnh quan hệ với nhau theo chiều hướng hoà hoãn, đối thoại đa dạng hoá, đa phương hoá, xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược ổn định và lâu dài.



▲Hình 3.3. Lễ khai mạc Hội nghị Bộ trưởng WTO (năm 2022) bàn về việc cải tổ hệ thống giải quyết tranh chấp WTO

• *Xu thế toàn cầu hoá*

Dưới sự tác động của cách mạng khoa học – công nghệ, thế giới diễn ra xu thế toàn cầu hoá một cách mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, biểu hiện là sự phát triển nhanh chóng của nền thương mại thế giới, với vai trò ngày càng lớn của các công ty xuyên quốc gia và tính quốc tế hoá của nền tài chính thế giới.

Em có biết

Mặc dù sau Chiến tranh lạnh, hoà bình trên thế giới được củng cố, nguy cơ chiến tranh thế giới bị đẩy lùi nhưng xung đột, tranh chấp và nội chiến vẫn diễn ra ở nhiều khu vực như bán đảo Ban-căng, châu Phi, Trung Á,... Cuộc tấn công khủng bố vào nước Mỹ ngày 11 – 9 – 2001 đã dẫn đến những biến động to lớn trong quan hệ quốc tế kéo dài hơn hai thập kỉ qua. Các quốc gia trên thế giới đều chịu tác động của những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống, buộc phải đứng trước xu thế hợp tác quốc tế, nhằm giữ vững an ninh quốc gia và đảm bảo an ninh con người.



▲Hình 3.4. Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ cứu nạn của Việt Nam tham gia công tác cứu hộ tại khu vực động đất ở Thổ Nhĩ Kỳ (tháng 2 – 2023)

Nêu các xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

Kết nối internet tìm hiểu về quá trình bình thường hoá quan hệ ngoại giao Việt Nam – Mỹ.

2. Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế

a) Khái niệm đa cực

Đa cực là một thuật ngữ trong quan hệ quốc tế, dùng để chỉ một trật tự thế giới có sự tham gia của nhiều nước, nhiều trung tâm, trong đó không một chủ thể nào áp đảo cũng như chi phối sự phát triển của thế giới.

Trong trật tự đa cực, sự gia tăng vai trò của các trung tâm, tổ chức quốc tế phản ánh tương quan so sánh lực lượng mới trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh.

Hãy phân biệt trật tự đơn cực với trật tự đa cực.

b) Xu thế đa cực

Sau Chiến tranh lạnh, trật tự thế giới mới đang hình thành theo xu hướng đa cực, đa trung tâm với sự cạnh tranh giữa Mỹ, Trung Quốc, Liên bang Nga, Liên minh châu Âu (EU), Nhật Bản, Ấn Độ,... về sức mạnh, tầm ảnh hưởng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, đối ngoại. Tuy Mỹ vẫn là cường quốc số một thế giới, song Mỹ đã suy giảm sức mạnh tương đối trong tương quan so sánh với các cường quốc khác.

Nhóm nước đang phát triển có xu hướng tự chủ chiến lược về tài chính, công nghệ và an ninh – quốc phòng, tăng cường tầm ảnh hưởng của mình, ủng hộ thế giới đa cực.

Thông qua quá trình hợp tác, liên kết, cạnh tranh, nhiều trung tâm, nhiều tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế mới đã hình thành, như: Nhóm các nước có nền kinh tế mới nổi (BRIC), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn Hợp tác Á – Âu (ASEM), Cộng đồng ASEAN, Khối thị trường chung Nam Mỹ (MERCOSUR), Khu vực tự do thương mại châu Mỹ (FTAA), Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),...



▲Hình 3.5. Các lãnh đạo APEC với trang phục truyền thống của Việt Nam tại Hội nghị các Nhà lãnh đạo kinh tế APEC lần thứ 14 (Hà Nội, 2006)

Em có biết

Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC) được thành lập tháng 11 – 1989, hiện có 21 thành viên, chiếm khoảng 38% số dân, 62% GDP và gần 50% thương mại thế giới. Việt Nam được kết nạp vào APEC từ năm 1998, là một trong những thành viên tích cực, đề xuất hàng trăm dự án hợp tác trên các lĩnh vực (phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy thương mại điện tử, an ninh lương thực, ứng phó với biến đổi khí hậu,...).

Xu thế đa cực, đa trung tâm đã góp phần củng cố hoà bình, an ninh, giữ vững sự ổn định trật tự thế giới. Tuy vậy, hiện nay vẫn còn nhiều thách thức đặt ra trong quan hệ quốc tế.

Nêu những nét chính về xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế từ sau Chiến tranh lạnh.

Lắng nghe lịch sử

Ngày 11 – 9 – 2001, cả thế giới rúng động khi Toà tháp đôi Trung tâm Thương mại Thế giới ở Niu Oóc (Mỹ) bị lực lượng khủng bố tấn công. Thảm kịch đã làm thay đổi nước Mỹ và tác động sâu sắc vào nền an ninh chính trị quốc tế. Sau hơn hai thập kỉ, nước Mỹ đã vượt qua những đau thương và khó khăn như thông điệp của bộ phim "Xây dựng lại hi vọng: Những đứa trẻ ngày 11 – 9" (Rebuilding Hope: The Children of 9 – 11). Quảng trường tưởng niệm 11 – 9 vẫn luôn là lời nhắc nhở nhân loại không được phép lãng quên bài học về giá trị của hoà bình, tự do, của tinh thần đoàn kết chống lại chủ nghĩa khủng bố và chủ nghĩa cực đoan.



▲Hình 3.6. Tháp Tự do – biểu tượng của Niu Oóc (Mỹ) đầu thế kỉ XXI

LUYỆN TẬP

Vẽ sơ đồ tư duy về các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.

VẬN DỤNG

Theo em, các xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh tạo ra thuận lợi gì cho sự phát triển của quan hệ quốc tế?

Chân trời sáng tạo

Chương 2

ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ

Bài 4. SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á (ASEAN)

Học xong bài này, em sẽ:

– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về quá trình thành lập ASEAN.

– Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN.

– Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.

– Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (từ năm 1967 đến nay).

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào năm 1967 với 5 quốc gia thành viên. Đến năm 2015, ASEAN đã phát triển, trở thành một cộng đồng với sự gắn kết của 10 quốc gia. ASEAN không chỉ tạo nên những nền tảng quan trọng cho sự phát triển của các quốc gia thành viên, mà còn đóng vai trò quan trọng trong các cơ chế hợp tác và cấu trúc khu vực Đông Nam Á, châu Á – Thái Bình Dương. ASEAN có quan hệ hợp tác đa phương với nhiều tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế vì hoà bình, ổn định và phát triển thịnh vượng. Mục đích thành lập, quá trình hình thành và phát triển, các giai đoạn phát triển chính của ASEAN diễn ra thế nào? Bài học sẽ giúp em giải đáp các vấn đề trên.



▲Hình 4.1. Lược đồ các quốc gia Đông Nam Á

1. Quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN

a) Quá trình hình thành ASEAN

Sau khi giành được độc lập, các quốc gia Đông Nam Á bước vào thời kì phát triển kinh tế, yêu cầu hợp tác khu vực trở nên cấp thiết. Xu thế khu vực hoá trên thế giới những năm 50, 60 của thế kỉ XX cổ vũ các nước Đông Nam Á tìm cách liên kết với nhau. Mặt khác, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, các cường quốc bên ngoài đã có sự can dự vào khu vực Đông Nam Á. Sự xuất hiện những nhân tố mới này đã trở thành cơ sở để thành lập nên một tổ chức nhằm thúc đẩy hợp tác, tương trợ lẫn nhau giữa các quốc gia ở Đông Nam Á.

Tháng 01 – 1959, *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác kinh tế Đông Nam Á* (SEAFET), gồm Ma-lai-xi-a và Phi-líp-pin ra đời. Tháng 7 – 1961, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và Thái Lan liên kết thành lập Hiệp hội Đông Nam Á (ASA), Tiếp đó, vào năm 1963, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a và Phi-líp-pin hợp tác thành lập khối MAPHILINDO. Tuy nhiên, những hiệp ước và khối này đã nhanh chóng tan rã do không dung hoà được lợi ích của các nước thành viên.

Sau các cuộc thảo luận về việc thành lập tổ chức khu vực, ngày 08 – 8 – 1967, tại Băng Cốc (Thái Lan), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập trên cơ sở *Tuyên bố ASEAN* (còn gọi là *Tuyên bố Băng Cốc*) giữa Ngoại trưởng năm nước: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan.



▲Hình 4.2. Ngoại trưởng của các nước In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xin-ga-po và Thái Lan kí *Tuyên bố ASEAN* ngày 08 – 8 – 1967



▲Hình 4.3. Cờ của ASEAN

Em có biết

Trên lá cờ biểu trưng cho sự thống nhất của ASEAN có bốn màu: xanh, đỏ, trắng và vàng. Màu xanh biểu trưng cho hoà bình và ổn định; màu đỏ thể hiện sự năng động và lòng can đảm; màu trắng thể hiện sự thuần khiết; màu vàng biểu tượng cho sự thịnh vượng. Vòng tròn màu đỏ viền trắng thể hiện sự thống nhất của Cộng đồng ASEAN. Hình ảnh bó lúa tượng trưng cho ước mơ của các thành viên sáng lập về một ASEAN bao gồm tất cả các nước ở Đông Nam Á, gắn bó với nhau trong tình hữu nghị và đoàn kết.

Trình bày quá trình hình thành của ASEAN.

b) Mục đích thành lập ASEAN

ASEAN được thành lập nhằm mục đích tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá, xã hội, hướng đến thúc đẩy các nước thành viên phát triển; nỗ lực phát triển khu vực Đông Nam Á thành khu vực hoà bình, tự do, thịnh vượng và thống nhất tất cả các nước thành viên.

Tư liệu

Tôn chỉ và mục đích của ASEAN:

1. Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và phát triển văn hoá trong khu vực thông qua các nỗ lực chung trên tinh thần bình đẳng và hợp tác nhằm tăng cường cơ sở cho một Cộng đồng các quốc gia Đông Nam Á hoà bình và thịnh vượng;

2. Thúc đẩy hoà bình và ổn định khu vực bằng việc tôn trọng công lí và nguyên tắc luật pháp trong quan hệ giữa các quốc gia trong vùng và tuân thủ các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc;

3. Thúc đẩy sự cộng tác tích cực và giúp đỡ lẫn nhau trong các vấn đề cùng quan tâm ở các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hoá, khoa học – kĩ thuật và hành chính,...

(Theo *Tuyên bố ASEAN, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998)

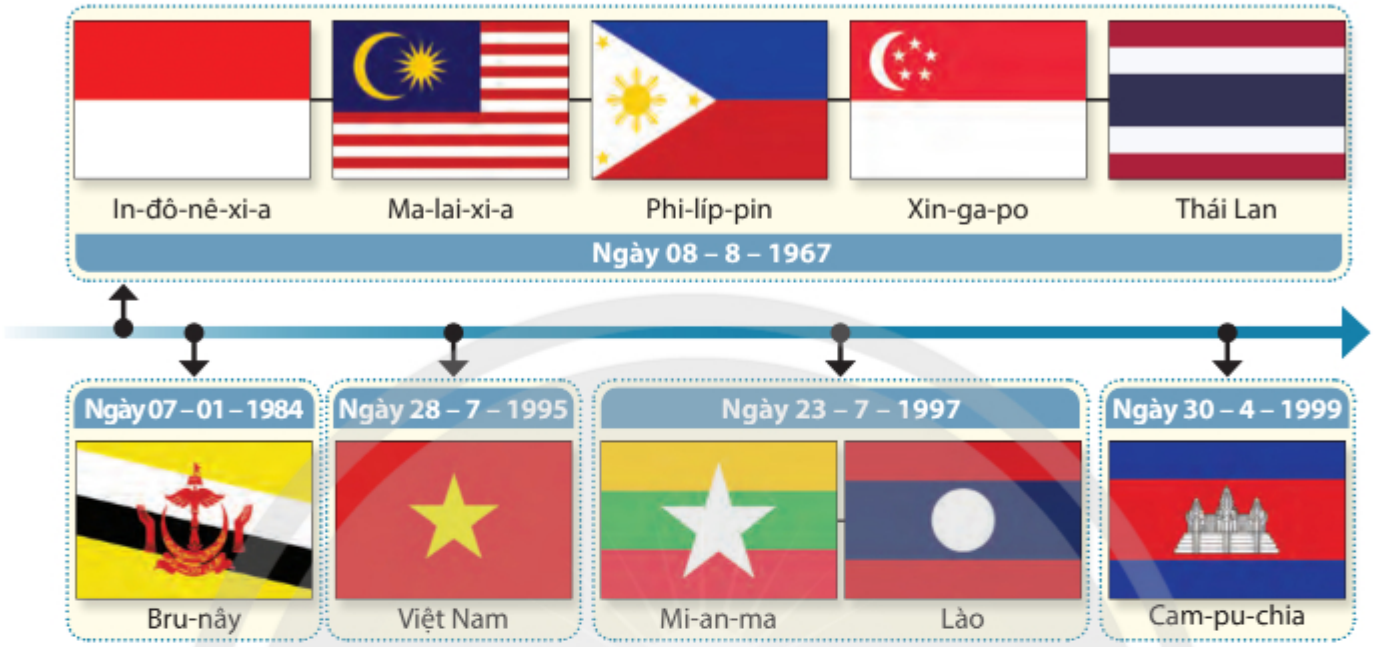
Khai thác Tư liệu 1, trình bày mục đích thành lập của ASEAN.

Kết nối internet tìm hiểu về "Tuyên bố Băng Cốc" ngày 08 – 8 – 1967, từ đó, hiểu thêm về quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN.

2. Hành trình phát triển của ASEAN

a) Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999)

Từ khi thành lập, ASEAN có 5 thành viên (1967), đến năm 1999, phát triển lên 10 thành viên.



▲Hình 4.4. Sơ đồ phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10



▲Hình 4.5. Lễ kết nạp Lào và Mi-an-ma gia nhập ASEAN ngày 23 – 7 – 1997

ASEAN với 10 quốc gia thành viên có sự đa dạng về chế độ chính trị, văn hoá, ngôn ngữ, trình độ phát triển, gắn kết với nhau vì mục tiêu chung.

Em có biết

Năm 1992, Việt Nam (cùng với Lào) trở thành Quan sát viên của ASEAN. Tháng 7 – 1994, Việt Nam được mời tham dự cuộc họp đầu tiên của Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) và trở thành một trong những thành viên sáng lập của diễn đàn này. Ngày 28 – 7 – 1995, tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 28 (AMM – 28) ở Bru-nây, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN.

Trình bày quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10.

b) Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay)

Giai đoạn 1967 – 1976: ASEAN tập trung phát triển cơ cấu tổ chức, hoàn thiện nguyên tắc hoạt động, chú trọng hợp tác giữa các thành viên trong tổ chức; tháng 11 – 1971, ra *Tuyên bố về Khu vực Hoà bình, Tự do và Trung lập* (ZOPFAN).

Giai đoạn 1976 – 1999: năm 1976, ASEAN ra *Tuyên bố về sự Hoà hợp ASEAN I (Tuyên bố Ba-li I)* góp phần phát triển mạnh hệ thống tổ chức, trong đó Hội nghị Thượng đỉnh là cơ chế hoạt động cao nhất của ASEAN; kí *Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á* (TAC) tạo cơ sở cho sự phát triển và hợp tác kinh tế giữa các thành viên, từng bước mở rộng quan hệ hợp tác, đối thoại với các đối tác bên ngoài; mở rộng ASEAN 5 thành ASEAN 10.

Giai đoạn 1999 – 2015: ASEAN chú trọng củng cố sự đoàn kết trong tổ chức, đóng vai trò trung tâm trong quá trình liên kết khu vực Đông Á. Sau khi thông qua *Hiến chương ASEAN* (2007), ASEAN thông qua lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột (2009): Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN (ASCC).

Giai đoạn 2015 – nay: năm 2015, Cộng đồng ASEAN được thành lập, ASEAN tập trung thực hiện các mục tiêu của cộng đồng, thúc đẩy hợp tác nội khối trên cơ sở ba trụ cột APSC, AEC và ASCC. ASEAN chủ động mở rộng quan hệ hợp tác với các chủ thể bên ngoài, tiếp tục phát huy vị thế trung tâm tại các diễn đàn hợp tác trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương nhằm đảm bảo hoà bình và phát triển.

Nêu những nét chính về các giai đoạn phát triển chính của ASEAN từ năm 1967 đến nay.

Lắng nghe lịch sử

Trong quá trình hình thành và phát triển, ASEAN có những đóng góp quan trọng trong việc tạo dựng một môi trường hoà bình, an ninh và ổn định ở khu vực Đông Nam Á và trong quan hệ giữa các nước thành viên với nhau. ASEAN được đánh giá là tổ chức khu vực thành công thứ hai trên thế giới chỉ sau EU. Đến năm 2022, đã có hơn 90 quốc gia ngoài ASEAN đã bổ nhiệm Đại sứ bên cạnh Ban Thư kí ASEAN; 54 Uỷ ban ASEAN tại các nước và các tổ chức quốc tế được thành lập. Năm 2022, ASEAN có quan hệ với 11 đối tác đối thoại.

LUYỆN TẬP

Lập bảng thống kê các giai đoạn phát triển của ASEAN từ khi hình thành (1967) cho đến nay theo gợi ý sau vào vở:

Giai đoạn	Sự kiện
?	?
?	?
?	?

Chân trời sáng tạo

VẬN DỤNG

Thiết kế một infographic hoặc một video clip những hình ảnh, tư liệu về quá trình hình thành và phát triển của ASEAN từ năm 1967 đến nay để giới thiệu với thầy, cô và các bạn trong lớp.

Bài 5. CỘNG ĐỒNG ASEAN: TỪ Ý TƯỞNG ĐẾN HIỆN THỰC

Học xong bài này, em sẽ:

– Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu về quá trình hình thành và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN.

– Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.

– Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.

– Nêu được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN. Có ý thức sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN.

Sự ra đời chính thức của Cộng đồng ASEAN vào ngày 31 – 12 – 2015 là kết quả quan trọng của chặng đường gần 50 năm hình thành và phát triển của tổ chức này. Cộng đồng ASEAN thể hiện sự "gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế và chia sẻ trách nhiệm xã hội" gắn với ba trụ cột vững chắc. Vậy, quá trình hình thành, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN như thế nào? Nội dung của các trụ cột là gì? Cộng đồng ASEAN có những triển vọng và thách thức gì hiện nay? Bài học sẽ giúp em giải đáp các vấn đề trên.

▼ Hình 5.1. Cờ ASEAN và các nước thành viên



Chân trời sáng tạo

1. Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

a) Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN

Ngay khi ra *Tuyên bố ASEAN* (năm 1967), ASEAN đã mong muốn: "xây dựng một cộng đồng thịnh vượng và hoà bình ở Đông Nam Á".

Tháng 12 – 1997, văn kiện *Tầm nhìn ASEAN 2020* xác định mục tiêu đưa ASEAN trở thành một nhóm hài hoà các dân tộc Đông Nam Á gắn bó trong một cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau.

Tháng 10 – 2003, ASEAN kí *Tuyên bố về sự Hoà hợp ASEAN II (Tuyên bố Ba-li II)*, đặt nền móng cho sự hình thành Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột: Cộng đồng An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá – Xã hội.

Tháng 01 – 2007, ASEAN đã quyết định đẩy nhanh tiến trình liên kết nội khối dựa trên cơ sở pháp lí là *Hiến chương ASEAN*, thống nhất mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2015.

Nêu những nét chính về ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN.

b) Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN

Mục tiêu tổng quát của Cộng đồng ASEAN là xây dựng hiệp hội thành một tổ chức hợp tác liên Chính phủ liên kết sâu rộng hơn và ràng buộc hơn trên cơ sở pháp lí là *Hiến chương ASEAN*. Cộng đồng ASEAN trở thành một cộng đồng gắn kết về chính trị, liên kết về kinh tế, có trách nhiệm về xã hội và hợp tác rộng mở với bên ngoài; hoạt động theo luật lệ và hướng tới người dân.

Cộng đồng ASEAN cũng hướng tới mục tiêu làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, giữ vai trò trung tâm ở khu vực thông qua nhiều khuôn khổ và được lồng ghép vào hoạt động của từng trụ cột của Cộng đồng ASEAN.

Nêu mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN.

c) Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN

Tháng 02 – 2009, ASEAN thông qua Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN trong giai đoạn từ 2009 – 2015, kèm theo kế hoạch tổng thể xây dựng ba trụ cột: Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC), Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN (ASCC).

Ngày 09 – 4 – 2010, ASEAN thống nhất chủ đề: "Hướng tới Cộng đồng ASEAN: Từ tầm nhìn đến hành động", tập trung triển khai các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN vào cuối năm 2015.

Ngày 21 – 11 – 2015, ASEAN ra *Tuyên bố Cu-a-la-Lăm-pơ* về việc thành lập Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột: APSC, AEC và ASCC. Sau đó, ASEAN quyết định chọn ngày 31 – 12 – 2015 làm mốc thành lập Cộng đồng ASEAN.

Nêu những nét chính về kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.

2. Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN

a) Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN (APSC)

Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN nỗ lực tạo dựng môi trường hoà bình và an ninh ở khu vực thông qua việc nâng hợp tác chính trị – an ninh ASEAN lên tầm cao mới để các quốc gia trong khu vực sống hoà bình với nhau và với thế giới trong một môi trường bình đẳng, dân chủ, hoà hợp.

Nội dung chính của APSC bao gồm: hoạt động giữa các thành viên dựa trên các giá trị, chuẩn mực chung; gắn kết, hoà bình và tự cường, có trách nhiệm chung bảo đảm an ninh toàn diện; xây dựng một khu vực năng động, quan hệ rộng mở với bên ngoài.

Cộng đồng Chính trị – An ninh ASEAN phát triển dựa trên những nội dung nào?

b) Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)

Cộng đồng Kinh tế ASEAN hướng đến tạo dựng một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và cạnh tranh cao, có sự di chuyển tự do của hàng hoá, dịch vụ và đầu tư, di chuyển tự do hơn của các luồng vốn, phát triển kinh tế đồng đều, giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về kinh tế – xã hội.

Nội dung chính của AEC bao gồm: tạo ra một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất; xây dựng một khu vực có sức cạnh tranh, phát triển đồng đều; đưa Cộng đồng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.

Cộng đồng Kinh tế ASEAN phát triển dựa trên những nội dung nào?

c) Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN (ASCC)

Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN hướng đến xây dựng một cộng đồng lấy con người làm trung tâm; xây dựng tình đoàn kết và thống nhất bền lâu giữa các quốc gia và dân tộc. ASCC chú trọng gìn giữ và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của khu vực, thúc đẩy trao đổi văn hoá, đề cao nguyên tắc thống nhất trong đa dạng.

Nội dung chính của ASCC bao gồm: chú trọng phát triển con người; xây dựng cộng đồng các xã hội đùm bọc lẫn nhau, gắn kết xã hội của khu vực; đảm bảo môi trường bền vững; tăng cường nền tảng gắn kết xã hội của khu vực; tạo dựng bản sắc ASEAN.

Cộng đồng Văn hoá – Xã hội ASEAN phát triển dựa trên những nội dung nào?

3. Cộng đồng ASEAN sau năm 2015

a) Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015

Ngày 21 – 11 – 2015, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN 27 ở Cu-a-la Lăm-pơ (Ma-lai-xi-a), ASEAN thông qua *Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025*.

Tư liệu

"Mục tiêu liên kết sâu rộng hơn; coi trọng hơn cơ sở pháp lí và người dân cũng như đoàn kết, thống nhất và vai trò trung tâm của ASEAN; Mối quan hệ gắn kết và bổ trợ giữa ba trụ cột của cộng đồng được thể hiện đậm nét qua các mục tiêu xuyên suốt (liên kết và gắn kết, dựa trên luật lệ, nâng cao năng lực, hướng tới người dân và phục vụ lợi ích thiết thực của người dân, năng động và sáng tạo, phát triển bền vững, quan hệ rộng mở với bên ngoài trong lúc bảo đảm vai trò trung tâm của ASEAN)".

(Trích trong *Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025*)

Tháng 11 – 2020, tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 ở Hà Nội (Việt Nam), ASEAN triển khai soạn thảo *Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025* theo lộ trình đã đề ra.



▲Hình 5.2. Tranh vẽ cổ động cho *Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025*

Khai thác Tư liệu trên, trình bày tầm nhìn của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015.

b) Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN

- ***Những thách thức của Cộng đồng ASEAN***

Vấn đề an ninh được xem là thách thức lớn nhất mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt. Đặc biệt là sự cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tại không gian chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, trực tiếp là khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, khoa học công nghệ giữa các quốc gia ASEAN gây khó khăn cho các nước trong quá trình hợp tác; việc thực hiện các mục tiêu

mà Cộng đồng ASEAN đề ra cũng trở nên khó khăn. Sự khác biệt trong hệ thống chính trị giữa các nước ASEAN cũng ảnh hưởng đến khả năng hợp tác hoà hợp cộng đồng.

Những vấn đề an ninh phi truyền thống như: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, tội phạm xuyên quốc gia, dịch bệnh,... gia tăng, ảnh hưởng đến sự ổn định để phát triển của các quốc gia Đông Nam Á.

- ***Những triển vọng của Cộng đồng ASEAN***

Cộng đồng ASEAN là một tổ chức liên Chính phủ, tiếp tục phát huy đặc trưng "thống nhất trong đa dạng", tạo dựng sự đoàn kết, tự cường, thích ứng hiệu quả trước những biến động phức tạp của thế giới và khu vực, mở rộng quan hệ hợp tác ngoại khối.

Quá trình hoàn thiện thể chế, chính sách và các cơ chế hợp tác của Cộng đồng tiếp tục được đẩy mạnh, thúc đẩy sự hợp tác và phát triển của các thành viên trong Cộng đồng, đưa khu vực Đông Nam Á trở thành một trong những khu vực phát triển năng động bậc nhất của thế giới.

Trong hoạt động đối ngoại, Cộng đồng ASEAN thông qua tổ chức ASEAN ngày càng mở rộng quan hệ với các đối tác bên ngoài, tham gia và đóng vai trò quan trọng tại nhiều cơ chế, diễn đàn hợp tác ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương và trên thế giới.

Nêu những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN.

Lắng nghe lịch sử

Cộng đồng ASEAN ra đời là bước chuyển mới về chất của một ASEAN gắn kết, chia sẻ lợi ích và phát triển thịnh vượng chung với sự liên kết chặt chẽ trên cả ba trụ cột về Chính trị – An ninh, Kinh tế và Văn hoá – Xã hội, thể hiện vai trò và vị thế ngày càng cao của ASEAN trong khu vực và trên thế giới. Sự hình thành Cộng đồng ASEAN là dấu ấn lịch sử, ghi nhận một chặng đường phấn đấu không mệt mỏi của ASEAN; đồng thời, chuẩn bị nền tảng, định hướng và khuôn khổ cho ASEAN vững tin bước vào giai đoạn mới – giai đoạn củng cố vững mạnh. Cộng đồng hướng tới các mục tiêu liên kết cao hơn với những lợi ích cụ thể, thiết thực cho cả khu vực và từng nước thành viên mà bao trùm là giữ được môi trường hoà bình, ổn định, hợp tác vì phát triển và thịnh vượng.

LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thống kê các sự kiện về sự hình thành Cộng đồng ASEAN.
2. Vẽ sơ đồ tư duy nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.

VẬN DỤNG

Thông qua các nguồn tư liệu trên internet, hãy cho biết những đóng góp của Việt Nam cho sự phát triển của Cộng đồng ASEAN sau năm 2015.

Chương 3

CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)

Bài 6. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Học xong bài này, em sẽ:

– Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– Phân tích được ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 "chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc".

(Theo *Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng*, trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 7, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011)

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã diễn ra trong bối cảnh lịch sử và diễn biến chính như thế nào? Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm ra sao? Bài học này sẽ giúp em hiểu rõ những nội dung quan trọng đó.



▲Hình 6.1. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (ngày 02 – 9 – 1945)

1. Bối cảnh lịch sử

Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc: phát xít Đức đầu hàng Đồng minh không điều kiện (ngày 09 – 5 – 1945); Mỹ ném 2 quả bom nguyên tử xuống Hi-rô-si-ma (ngày 06 – 8 – 1945) và Na-ga-xa-ki (ngày 09 – 8 – 1945) của Nhật Bản; Hồng quân Liên Xô tấn công quân đội Nhật Bản ở Đông Bắc Trung Quốc (ngày 08 – 8 –1945). Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện (ngày 15 – 8 – 1945). Quân đội Nhật ở Đông Dương rệu rã, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang.

Từ tháng 3 đến tháng 8 – 1945, cao trào kháng Nhật, cứu nước diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam góp phần chuẩn bị lực lượng cách mạng, tập dượt quần chúng đấu tranh qua những hoạt động: "phá kho thóc, giải quyết nạn đói", "sắm vũ khí đuổi thù chung", khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền từng bộ phận ở một số địa phương,... Quần chúng cách mạng đã sẵn sàng nổi dậy khởi nghĩa.

Ngày 13 – 8 – 1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Uỷ ban Khởi nghĩa toàn quốc, ban bố *Quân lệnh số 1*, chính thức phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Từ ngày 14 đến ngày 15 – 8 – 1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa và quyết định chính sách đối nội, đối ngoại sau khi giành được chính quyền.

Từ ngày 16 đến ngày 17 – 8 – 1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra *Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam* do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Trình bày khái quát bối cảnh lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Kết nối internet tìm hiểu về bài diễn ca "Mười chính sách của Việt Minh".

2. Diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945



HỠI ĐỒNG BÀO YÊU QUÝ!

▲Hình 6.2. *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa* tháng 8 – 1945

Tư liệu

THƯ KÊU GỌI TỔNG KHỞI NGHĨA

...

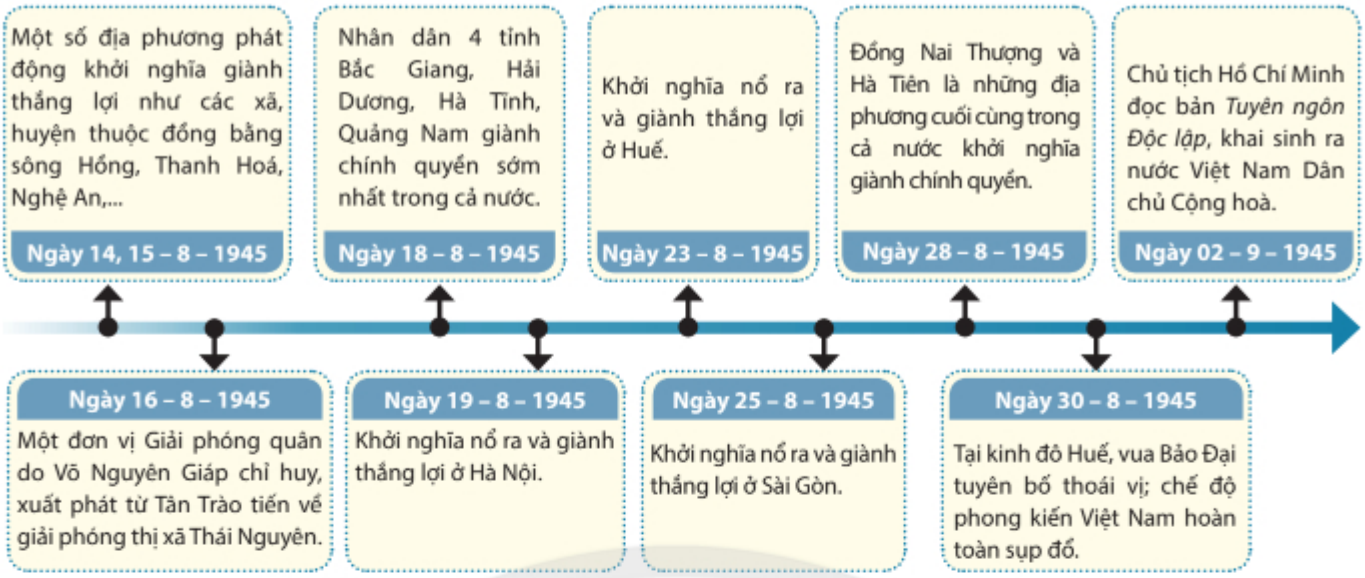
"Hỡi đồng bào yêu quý!

Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang ganh nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ.

Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!".

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 596)



▲Hình 6.3. Sơ đồ diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945



▲Hình 6.4. Quần chúng cách mạng và tự vệ chiếm Phủ Khâm sai (Bắc Bộ Phủ) ngày 19 – 8 –1945

Khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn thành công đã tác động đến các địa phương khác, đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trên cả nước.

Trình bày nét chính về diễn biến của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Nguyên nhân thắng lợi

Cách mạng tháng Tám năm 1945 nhanh chóng giành thắng lợi trên cả nước là do có sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quần chúng nhân dân đã được tập dượt, chuẩn bị và trưởng thành qua các phong trào cách mạng 1930 – 1931, 1936 – 1939 và 1939 – 1945.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là do nhân dân Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần đoàn kết, truyền thống bất khuất. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân Việt Nam đã "đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta".

Thắng lợi của lực lượng Đồng minh và Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít, trực tiếp là quân phiệt Nhật, buộc Chính phủ Nhật phải đầu hàng Đồng minh vô điều kiện, tạo thời cơ chín muồi để nhân dân Việt Nam nổi dậy giành chính quyền.

Nêu nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Kết nối internet tìm hiểu về sự kiện quân phiệt Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện ngày 15 – 8 – 1945.

b) Ý nghĩa lịch sử

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc; đập tan ách thống trị của thực dân Pháp và quân phiệt Nhật, chấm dứt chế độ quân chủ hơn 1 000 năm ở Việt Nam, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở ra kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động làm chủ đất nước, kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp.

Với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám, Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền, tạo ra những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo.

Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đã góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai, cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng.

Phân tích ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

c) Bài học kinh nghiệm

• Bài học về sự lãnh đạo của Đảng

Đảng phải có đường lối chính trị, phương pháp cách mạng đúng đắn và vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

• Bài học về xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc

Đảng cần tập hợp, tổ chức mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất nhằm phát huy sức mạnh to lớn của các tầng lớp nhân dân và sức mạnh đoàn kết dân tộc.

• Bài học về nắm bắt thời cơ

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi đã chứng minh cần nhận định đúng tình hình, chủ động tạo thời cơ và kịp thời chớp thời cơ để đưa cách mạng đi đến thành công.

Phân tích những bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Chân trời sáng tạo

Lắng nghe lịch sử

"Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!".

(*Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà*, trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 3)



Hình 6.5. Nhà số 48 Hàng Ngang, Hà Nội – nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập* ▶

LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thống kê diễn biến chính của cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 theo gợi ý sau vào vở.

Thời gian	Sự kiện
?	?
?	?
?	?

2. Vì sao cuộc Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi nhanh chóng?

VẬN DỤNG

Những bài học kinh nghiệm nào của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay?

Chân trời sáng tạo

Bài 7. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 – 1954)

Học xong bài này, em sẽ:

– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

– Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

– Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

– Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

"Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!".

(*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Sđd, 2011, trang 534)

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam (1945 – 1954) diễn ra trong bối cảnh lịch sử và diễn biến chính như thế nào? Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử ra sao? Bài học sẽ giúp em hiểu rõ hơn những nội dung này.



▲Hình 7.1. Chiến sĩ "Quyết tử" ôm bom ba càng đánh xe tăng địch trong những ngày Hà Nội mở đầu kháng chiến toàn quốc

1. Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc, chủ nghĩa phát xít bị tiêu diệt, hệ thống xã hội chủ nghĩa ra đời, phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh mẽ. Trật tự thế giới hai cực I-an-ta và Chiến tranh lạnh tác động mạnh đến tình hình Việt Nam.

Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời thực sự đã trở thành nước tự do và độc lập; toàn thể dân tộc Việt Nam "quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy".

Chính quyền cách mạng non trẻ vừa ra đời bị các thế lực thực dân, đế quốc câu kết với nhau ra sức chống phá, trong đó, thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị xâm lược hòng lập lại chế độ thuộc địa.

Trình bày khái quát bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

2. Diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

a) Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ (1945 – 1946)

Ngày 02 – 9 – 1945, khi nhân dân Sài Gòn – Chợ Lớn tham gia mít tinh chào mừng ngày Độc lập, quân Pháp bất ngờ xả súng vào dân chúng. Đêm 22, rạng ngày 23 – 9 – 1945, quân Pháp đánh úp trụ sở Uỷ ban nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ Thành phố Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ hai.



▲Hình 7.2. Nhân dân Nam Bộ quyết tâm kháng chiến

Quân dân Sài Gòn – Chợ Lớn cùng quân dân Nam Bộ nhất tề đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược bằng nhiều hình thức như: đốt cháy tàu Pháp vừa cập bến Sài Gòn, đánh phá kho tàng, dựng chướng ngại vật và chiến luỹ trên đường phố.

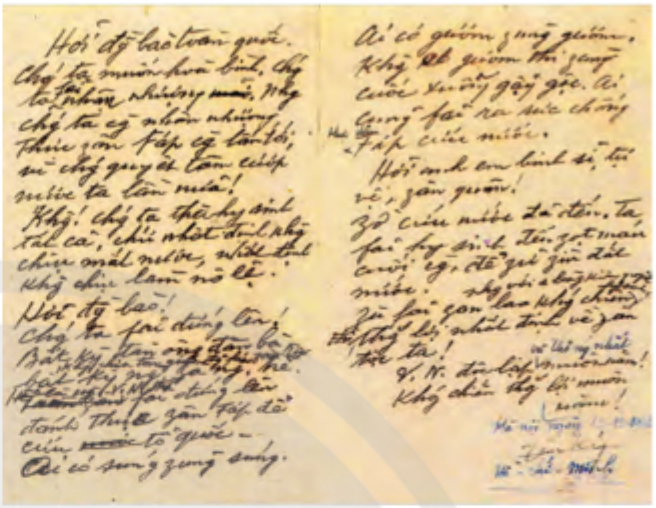
Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tán thành, kêu gọi nhân dân cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ. Hàng vạn thanh niên gia nhập quân đội, sung vào các đoàn quân "Nam tiến" cùng với nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ chiến đấu.

Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ đã giáng đòn đầu tiên vào âm mưu "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, tạo điều kiện để nhân dân Nam Bộ và cả nước chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Trình bày khái quát diễn biến của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược ở Nam Bộ (1945 – 1946).

b) Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1950)

Sau khi thực dân Pháp và Chính phủ Trung Hoa Dân quốc kí *Hiệp ước Hoa – Pháp* (28 – 02 – 1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với Pháp *Hiệp định Sơ bộ* (06 – 3 – 1946). Mặc dù Chính phủ Việt Nam luôn tỏ rõ thiện chí hoà bình, nhưng thực dân Pháp luôn tìm cách phá hoại những điều đã kí kết, đẩy mạnh khiêu khích tiến công quân sự ở Hải Phòng, Lạng Sơn, Đà Nẵng, Hà Nội,... Ngày 18 – 12 – 1946, thực dân Pháp gửi tối hậu thư đòi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để cho quân Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội. Trước tình hình đó, ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*.



▲Hình 7.3. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (ngày 19 – 12 – 1946)

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, quân dân Việt Nam đã từng bước giành được những thắng lợi tiêu biểu.

• Cuộc chiến đấu ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16

Cuộc chiến đấu giam chân quân Pháp đã diễn ra ở các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 như Nam Định, Vinh, Nghệ An, Huế, Đà Nẵng,... đặc biệt là ở Hà Nội, trong 60 ngày đêm (từ ngày 19 – 12 – 1946 đến ngày 17 – 02 – 1947). Lực lượng tự vệ thực hiện "trong đánh ngoài vây", bước đầu làm phá sản kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, tạo điều kiện cho các cơ quan của Đảng, Chính phủ và lực lượng chủ lực rút lên chiến khu xây dựng căn cứ kháng chiến, thực hiện kháng chiến lâu dài.



▲Hình 7.4. Chiến sĩ Vệ quốc quân chiến đấu giữ từng căn nhà trong những ngày đầu toàn quốc kháng chiến (tháng 12 – 1946)

• Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947

Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947 diễn ra từ tháng 10 đến tháng 12 – 1947, khi quân Pháp mở cuộc tiến công lên căn cứ địa Việt Bắc nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến của Việt Nam. Quân và dân Việt Nam chủ động phản công (từ ngày 07 – 10

đến ngày 19 – 12 – 1947), bẻ gãy cuộc tiến công của quân Pháp, đẩy lùi quân Pháp ở một số vị trí như: Chợ Đồn, Chợ Rã, Đoan Hùng, Khe Lau,... làm phá sản hoàn toàn kế hoạch "đánh nhanh, thắng nhanh" của thực dân Pháp, bảo vệ vững chắc căn cứ địa Việt Bắc.

• Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950

Đầu năm 1950, Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã lần lượt công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mở ra những điều kiện mới cho cuộc kháng chiến.

Thu – đông 1950, quân đội nhân dân Việt Nam lần đầu tiên chủ động mở chiến dịch Biên giới (từ ngày 16 – 9 đến ngày 22 – 10 – 1950) nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, khai thông biên giới Việt – Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc. Sau hơn 1 tháng chiến đấu, quân đội Việt Nam đã giải phóng một vùng rộng lớn dọc biên giới Việt – Trung, chọc thủng hành lang Đông – Tây, làm phá sản kế hoạch Rơ-ve của thực dân Pháp. Từ đây, quân đội Việt Nam giành được thế chủ động chiến lược trên chiến trường chính Bắc Bộ.



▲Hình 7.5. Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đài quan sát mặt trận Đông Khê (năm 1950)

Trình bày khái quát diễn biến chính của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1946 – 1950.

c) Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1951 – 1953)

Tháng 02 – 1951, tại chiến khu Việt Bắc, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp và quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam. Đại hội đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình trưởng thành và lãnh đạo cách mạng của Đảng, là "Đại hội kháng chiến thắng lợi". Sau đó, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt (3 – 1951) nhằm củng cố sức mạnh đoàn kết thống nhất toàn dân tộc; đồng thời, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập (11 – 3 – 1951) nhằm tăng cường khối đoàn kết ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung.



▲Hình 7.6. Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương ở Chiêm Hoá (Tuyên Quang)

Nền kinh tế kháng chiến được xây dựng, đáp ứng cơ bản nhu cầu đời sống của nhân dân. Sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế được chú trọng phát triển; các phong trào Thi đua yêu nước được phát động. Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc (1952) được tổ chức tại chiến khu Việt Bắc,...



▲Hình 7.7. Chủ tịch Hồ Chí Minh chụp ảnh kỉ niệm với các đại biểu về dự Đại hội Chiến sĩ thi đua và Cán bộ gương mẫu toàn quốc (tháng 5 – 1952)

Trên mặt trận quân sự, quân đội Việt Nam chủ động mở nhiều chiến dịch trên chiến trường chính Bắc Bộ như: các chiến dịch ở Trung du và Đồng bằng Bắc Bộ (1950 – 1951), chiến dịch Hoà Bình (đông – xuân 1951 – 1952), chiến dịch Tây Bắc (thu – đông năm 1952), chiến dịch Thượng Lào (xuân – hè năm 1953).

Trình bày khái quát bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1951 – 1953.

d) Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp thắng lợi (1953 – 1954)

Tháng 7 – 1953, được sự viện trợ của Mỹ, thực dân Pháp đề ra kế hoạch Na-va với hi vọng trong 18 tháng sẽ giành một thắng lợi quân sự quyết định để "kết thúc chiến tranh trong danh dự".

Tháng 9 – 1953, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp đề ra phương hướng chiến lược cho Đông – Xuân 1953 – 1954 là "tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai; đồng thời, buộc Pháp phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà Pháp không thể bỏ, do phải phân tán lực lượng mà tạo ra cho ta những điều kiện thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của Pháp".

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, quân đội Việt Nam mở cuộc tiến công quân Pháp ở Lai Châu (ngày 10 – 12 – 1953), buộc thực dân Pháp phải tập trung quân xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Đồng thời, liên quân Lào – Việt tiến công quân Pháp ở Trung Lào (đầu tháng 12 – 1953), Thượng Lào (cuối tháng 01 – 1954). Đến tháng 02 – 1954, quân đội Việt Nam tiến công quân Pháp ở Bắc Tây Nguyên; đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sau lưng địch, làm phá sản bước đầu kế hoạch Na-va.

Đầu tháng 12 – 1953, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Trải qua 3 đợt tiến công (từ ngày 13 – 3 đến ngày 07 – 5 – 1954), chiều 07 – 5 – 1954, lá cờ Quyết chiến quyết thắng đã phất cao trên nóc hầm của tướng Đờ Ca-xtơ-ri, đánh dấu thắng lợi của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ.



▲Hình 7.8. Lược đồ chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (năm 1954)

Chân trời sáng tạo

Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo cơ sở cho việc đàm phán và kí *Hiệp định Giơ-ne-vơ* về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương (ngày 21 – 7 – 1954).



▲Hình 7.9. Hội nghị Giơ-ne-vơ (Thuỵ Sĩ) về vấn đề lập lại hoà bình ở Đông Dương năm 1954

1. Trình bày khái quát diễn biến chính của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn 1953 – 1954.

2. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)?

Kết nối internet tìm hiểu về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

3. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

a) Nguyên nhân thắng lợi

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nhờ có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Đông Dương (từ năm 1951 là Đảng Lao động Việt Nam), đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo.

Cuộc kháng chiến thắng lợi do nhân dân ta có truyền thống yêu nước; toàn dân, toàn quân đoàn kết, dũng cảm trong chiến đấu, cần cù trong lao động sản xuất.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là nhờ có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân, mặt trận dân tộc thống nhất, lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không ngừng lớn mạnh, hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

Thắng lợi này có sự đồng tình ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào cùng đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù chung; có sự đồng tình ủng hộ của nhân dân Pháp và các lực lượng dân tộc dân chủ trên thế giới.

Nêu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

b) Ý nghĩa lịch sử

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam, bảo vệ và phát triển thành quả của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Với thắng lợi này, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, đi lên chủ nghĩa xã hội, làm cơ sở hậu phương vững chắc cho sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Thắng lợi của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống xâm lược đã cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

Lắng nghe lịch sử

"Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hoà bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới".

(*Ba mươi năm hoạt động của Đảng*, trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 410)

LUYỆN TẬP

Lập bảng thống kê những thắng lợi quân sự tiêu biểu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954) theo gợi ý sau vào vở:

Giai đoạn	Thắng lợi quân sự tiêu biểu
1946 – 1950	?
1951 – 1953	?
1953 – 1954	?

VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa đối với Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954), sau đó giới thiệu với thầy, cô và các bạn trong lớp của em.

Bài 8. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 – 1975)

Học xong bài này, em sẽ:

– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

– Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

– Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

– Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

– Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước "mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỉ XX". Cuộc kháng chiến ấy đã diễn ra trong bối cảnh lịch sử và các giai đoạn phát triển như thế nào? Thắng lợi của cuộc kháng chiến này do những nguyên nhân nào, có ý nghĩa lịch sử gì? Bài học sẽ giúp em tìm hiểu những nội dung trên!



▲Hình 8.1. Xe tăng quân Giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập trưa ngày 30 – 4 – 1975

1. Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Hệ thống xã hội chủ nghĩa ngày càng lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học – kĩ thuật.

Phong trào giải phóng dân tộc ngày càng phát triển mạnh ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ La-tinh. Phong trào đấu tranh vì hoà bình, dân chủ dâng cao ở các nước tư bản.

Chiến tranh lạnh đã lôi kéo các nước vào cuộc chạy đua vũ trang và đối đầu giữa hai phe tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa. Quan hệ giữa các nước lớn có nhiều diễn biến phức tạp. Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh, đẩy mạnh thực hiện chiến lược toàn cầu nhằm làm bá chủ thế giới.

Sau *Hiệp định Giơ-ne-vơ* năm 1954, miền Bắc hoà bình và đi lên chủ nghĩa xã hội; ở miền Nam, Mỹ thay chân Pháp, dựng lên Chính quyền Ngô Đình Diệm (Chính quyền Sài Gòn), thực hiện âm mưu chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Trình bày khái quát bối cảnh lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

2. Các giai đoạn phát triển của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

a) Giai đoạn 1954 – 1960

Sau khi hoà bình lập lại, nhân dân miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất trong những năm 1954 – 1956, thực hiện "Người cày có ruộng". Công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh được triển khai trong tất cả các ngành, lĩnh vực (nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp,...). Đến cuối năm 1957, nhiều công trình thuỷ nông được xây dựng; nhà nước quản lí 97 nhà máy, xí nghiệp lớn; đặt quan hệ thương mại với 27 nước.

Từ năm 1958 đến năm 1960, miền Bắc tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất, bước đầu phát triển kinh tế – xã hội, tạo tiền đề cho quá trình phát triển trong giai đoạn tiếp theo, đưa miền Bắc trở thành căn cứ địa cách mạng của cả nước.

Ở miền Nam, từ sau *Hiệp định Giơ-ne-vơ*, nhân dân đấu tranh chính trị chống Mỹ – Diệm đòi thi hành *Hiệp định*, đòi các quyền tự do dân chủ, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng.

Nghị quyết 15 của Đảng Lao động Việt Nam (1959) quyết định để nhân dân miền Nam sử dụng bạo lực cách mạng đứng lên khởi nghĩa. Phong trào bắt đầu từ các cuộc nổi dậy của nhân dân ở Vĩnh Thạnh (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận) vào tháng 02 – 1959, Trà Bồng (Quảng Ngãi) vào tháng 8 – 1959, rồi lan khắp miền Nam thành phong trào cách mạng rộng lớn, tiêu biểu là cuộc Đồng khởi ở Bến Tre tháng 01 – 1960.



▲Hình 8.2. "Đội quân tóc dài" biểu tình trong phong trào Đồng khởi ở Bến Tre (1960)

Em có biết

Ngày 17 – 01 – 1960, phong trào Đồng khởi nổ ra ở ba xã điểm là Định Thuỷ, Phước Hiệp, Bình Khánh thuộc huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, rồi nhanh chóng lan ra các địa phương Nam Bộ và toàn miền Nam. Đến cuối năm 1960, chính quyền tự quản của nhân dân được thành lập ở gần 1 400 xã. Vùng giải phóng hình thành và ngày càng mở rộng, nối liền từ Tây Nguyên đến miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên khu V.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã giáng đòn nặng nề vào chính sách thực dân mới của Mỹ, làm lung lay Chính quyền Ngô Đình Diệm, đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, đưa đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20 – 12 – 1960), thúc đẩy lực lượng vũ trang cách mạng phát triển.

Trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1954 – 1960.

b) Giai đoạn 1961 – 1965

Tháng 9 – 1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội. Đại hội đã xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước và cách mạng từng miền; vị trí, vai trò của cách mạng từng miền; mối quan hệ giữa cách mạng hai miền Nam – Bắc.

Miền Bắc tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 – 1965). Nhiệm vụ cơ bản là phát triển công nghiệp, nông nghiệp, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, cải thiện đời sống nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh. Đến năm 1964, miền Bắc đã "tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội, con người đều đổi mới". Miền Bắc là hậu phương lớn, chi viện sức người, sức của cho miền Nam. Trong những năm 1964 – 1965, số lượng bộ đội bổ sung cho chiến trường miền Nam tăng hơn 2 lần so với 2 năm trước đó.



▲Hình 8.3. Xã viên các hợp tác xã ở tỉnh Nam Định cân đỗ nhập kho vào tháng 6 – 1963

Quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961 – 1965) – một hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mỹ, dựa vào vũ khí, phương tiện chiến tranh của Mỹ. Thực chất của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là "dùng người Việt đánh người Việt", tiến hành dồn dân lập "ấp chiến lược", sử dụng chiến thuật mới "trực thăng vận", "thiết xa vận".

Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, quân dân miền Nam chiến đấu chống Mỹ và Chính quyền Sài Gòn kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, trên cả 3 vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng, đô thị) bằng 3 mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận), giành được nhiều thắng lợi quan trọng.

Trên mặt trận chính trị, phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân trong các đô thị lớn như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng dâng cao, tiêu biểu là cuộc đấu tranh của các tín đồ Phật giáo, đội quân tóc dài, học sinh – sinh viên đẩy Chính quyền Sài Gòn lâm vào tình trạng khủng hoảng triền miên.

Trên mặt trận chống bình định, ở nông thôn, phong trào chống phá bình định ngày càng phát triển đã từng bước làm phá sản quốc sách "ấp chiến lược" của Mỹ và Chính quyền Sài Gòn.

Trên mặt trận quân sự, quân và dân miền Nam giành thắng lợi ở trận Ấp Bắc (Mỹ Tho, tháng 01 – 1963) bước đầu đánh bại chiến thuật "trực thăng vận", "thiết xa vận", mở ra khả năng đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Từ đây, phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công" dấy lên khắp miền Nam. Trong những năm 1964 – 1965, quân dân ta giành những thắng lợi ở Bình Giã (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Ba Gia (Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Bình Phước),... gây cho quân đội Sài Gòn những thiệt hại nặng, có nguy cơ tan rã, làm phá sản hoàn toàn chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

Trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1961 – 1965.

c) Giai đoạn 1965 – 1968

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Chiến tranh cục bộ là loại hình chiến tranh thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Mỹ, quân đội một số nước đồng minh của Mỹ và quân đội Sài Gòn. Để thực hiện chiến lược này, quân đội Mỹ mở nhiều cuộc hành quân "tìm diệt" và "bình định" vào căn cứ của quân Giải phóng ở miền Nam.

Quân dân miền Nam tiếp tục chiến đấu, giành những thắng lợi trên các mặt trận chính trị, quân sự, ngoại giao.

Trên mặt trận chính trị, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng đấu tranh phá vỡ nhiều "ấp chiến lược" trong vùng nông thôn. Ở thành thị, phong trào đấu tranh của công nhân, học sinh, sinh viên đòi Mỹ rút về nước, đòi tự do dân chủ phát triển mạnh mẽ. Vùng giải phóng được mở rộng, vị thế và uy tín của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.

Trên mặt trận quân sự, quân dân miền Nam anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi mở đầu ở Núi Thành (Quảng Nam, tháng 5 – 1965), Vạn Tường (Quảng Ngãi, tháng 8 – 1965), mở ra khả năng đánh thắng Mỹ trong chiến lược "Chiến tranh cục bộ". Tiếp đó, quân dân miền Nam đập tan hai cuộc phản công chiến lược mùa khô (1965 – 1966, 1966 – 1967) của Mỹ.

Đầu năm 1968, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy trên toàn miền Nam, trọng tâm là các đô thị, làm lung lay ý chí xâm lược của quân Mỹ, buộc Mỹ phải "phi Mỹ hoá" cuộc chiến tranh (tức là thừa nhận sự thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ").



▲Hình 8.4. Quân Giải phóng Mặt trận Sài Gòn – Gia Định tuyên thệ, nhận nhiệm vụ trước giờ xuất kích (1968)

Ở miền Bắc, Mỹ dựng lên sự kiện "Vịnh Bắc Bộ", gây chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá hậu phương miền Bắc nhằm ngăn chặn sự chi viện sức người, sức của từ miền Bắc vào miền Nam, uy hiếp tinh thần, làm lung lay ý chí chống Mỹ của nhân dân Việt Nam.

Quân dân miền Bắc kịp thời chuyển mọi hoạt động sang thời chiến, vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và thực hiện nghĩa vụ hậu phương cho tiền tuyến miền Nam.

Em có biết

Trong 4 năm (1965 – 1968), miền Bắc chi viện sức người, sức của cho miền Nam hơn 30 vạn cán bộ, bộ đội, cùng hàng chục vạn tấn vật chất, vũ khí đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, thuốc men (tăng gấp 10 lần so với thời kì trước), góp phần quan trọng cho quân dân miền Nam chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ.

Thắng lợi của quân và dân hai miền Nam – Bắc trên các mặt trận đã buộc Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom phá hoại miền Bắc và chấp nhận đàm phán với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Pa-ri (tháng 5 – 1968) để giải quyết cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

Trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1965 – 1968.

Kết nối internet tìm hiểu về chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc (1965 – 1968).

d) Giai đoạn 1969 – 1973

Sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ", Mỹ chuyển sang chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" ở miền Nam (1969 – 1973) và mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" là hình thức chiến tranh thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội Sài Gòn là chủ yếu, có sự phối hợp về hoả lực, không quân, hậu cần Mỹ và do cố vấn Mỹ chỉ huy. Mỹ tăng cường lực lượng cho quân đội Sài Gòn thực hiện chính sách bình định nông thôn ở miền Nam; đồng thời, hỗ trợ quân đội Sài Gòn mở các cuộc hành quân sang Cam-pu-chia (1970), tăng cường chiến tranh ở Lào (1971). Năm 1972, Mỹ còn thực hiện thủ đoạn ngoại giao lợi dụng mâu thuẫn Liên Xô – Trung Quốc, thoả hiệp với Trung Quốc, hoà hoãn với Liên Xô nhằm hạn chế sự giúp đỡ của các nước này đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Quân và dân trên cả hai miền Nam – Bắc chiến đấu chống chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh" và giành nhiều thắng lợi lớn trên các mặt trận.

Trên mặt trận chính trị, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam được thành lập (06 – 6 – 1969), là chính phủ hợp pháp của nhân dân miền Nam trong kháng chiến chống Mỹ; Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương họp (4 – 1970), biểu thị quyết tâm của nhân dân ba nước đoàn kết chiến đấu chống Mỹ.

Trên mặt trận quân sự, quân đội nhân dân Việt Nam phối hợp với quân và dân Campuchia đập tan cuộc hành quân xâm lược của 10 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn sang Cam-pu-chia (1970); phối hợp với quân và dân Lào đập tan cuộc hành quân "Lam Sơn 719" của 4,5 vạn quân Mỹ và quân đội Sài Gòn, buộc Mỹ và quân đội Sài Gòn rút khỏi Đường 9 – Nam Lào (1971); từ đó, giữ vững hành lang chi viện từ hậu phương miền Bắc cho các chiến trường của ba nước Đông Dương.

Em có biết

Tuyến đường Trường Sơn không chỉ trên đất Việt Nam, mà còn đi trên đất Lào và Cam-pu-chia, được nhân dân hai nước hết lòng giúp đỡ mọi mặt cho bộ đội Việt Nam. Tuyến đường vươn tới đâu, bộ đội Việt Nam cùng với quân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia phối hợp chiến đấu chống kẻ thù chung, xây đắp tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia.

Xuân – Hè 1972, quân và dân miền Nam mở cuộc Tiến công chiến lược đánh vào ba phòng tuyến mạnh nhất của quân đội Sài Gòn ở Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, giáng đòn nặng nề vào chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", buộc Mỹ tuyên bố "Mỹ hoá" trở lại (tức thừa nhận sự thất bại của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh").

Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế, chi viện miền Nam. Tháng 4 –1972, Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh bằng không quân, hải quân phá hoại miền Bắc lần thứ hai. Quân dân miền Bắc chủ động, kịp thời đánh trả cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai.

Cuối năm 1972, Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 29 – 12 – 1972) nhằm giành một thắng lợi quân sự quyết định buộc ta kí một hiệp định có lợi cho Mỹ. Quân và dân miền Bắc đã đánh trả không quân Mỹ những đòn đích đáng, đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng đường không bằng B52 của Mỹ; thắng lợi này được coi như trận "Điện Biên Phủ trên không". Trận "Điện Biên Phủ trên không" là thắng lợi quyết định của ta, buộc Mỹ phải ngừng hẳn các hoạt động chống phá miền Bắc và kí *Hiệp định Pa-ri* về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Trên mặt trận ngoại giao, cuộc đàm phán bốn bên ở Pa-ri từ tháng 01 – 1969 đến đầu năm 1973 đã kết thúc thắng lợi. Ngày 27 – 01 – 1973, *Hiệp định Pa-ri* về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được kí kết, mở ra thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.



▲ Hình 8.5. Lễ kí *Hiệp định Pa-ri* về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (ngày 27 – 01 – 1973)

Trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1969 – 1973.

Kết nối internet tìm hiểu về chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc năm 1972.

e) Giai đoạn 1973 – 1975

Với *Hiệp định Pa-ri*, Mỹ buộc phải rút quân về nước; so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam thay đổi có lợi cho cách mạng.

Miền Bắc đã nhanh chóng khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội, đẩy mạnh chi viện cho miền Nam. Trong 2 năm (1973 – 1974), gần 20 vạn bộ đội cùng hàng vạn tấn vật chất từ miền Bắc được tăng cường cho miền Nam, đáp ứng kịp thời nhu cầu của chiến trường.

Ở miền Nam, Mỹ giữ lại hàng vạn cố vấn quân sự và tiếp tục viện trợ cho Chính quyền Sài Gòn tiến hành chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", liên tiếp mở các cuộc hành quân "bình định – lấn chiếm" vùng giải phóng của ta. Thực chất là tiếp tục chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh", phá hoại *Hiệp định Pa-ri*. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 21 của Đảng Lao động Việt Nam, từ cuối năm 1973, quân dân miền Nam kiên quyết đấu tranh chống bình định lấn chiếm, bảo vệ và mở rộng vùng giải phóng. Cuối năm 1974, đầu năm 1975, quân dân miền Nam mở chiến dịch Đường 14 – Phước Long. Chiến thắng Phước Long (1 – 1975) cho thấy sự lớn mạnh và khả năng thắng lớn của quân Giải phóng, sự suy yếu và bất lực của quân đội Sài Gòn, khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự của Mỹ là rất hạn chế.

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, tình hình so sánh lực lượng thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng, Bộ Chính trị đề ra kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam trong hai năm 1975, 1976 và chỉ rõ "nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975".

Từ tháng 3 – 1975, quân dân miền Nam mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 với 3 chiến dịch lớn: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế – Đà Nẵng, Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Chiến dịch Tây Nguyên
04 – 3 đến 24 – 3 – 1975

Quân Giải phóng giành thắng lợi trong trận then chốt Buôn Ma Thuột, khiến hệ thống phòng thủ của địch ở Tây Nguyên sụp đổ. Chiến dịch Tây Nguyên thắng lợi, đã chuyển cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ tiến công chiến lược sang tổng tiến công chiến lược trên toàn chiến trường miền Nam.

Chiến dịch Huế – Đà Nẵng
21 – 3 đến 29 – 3 – 1975

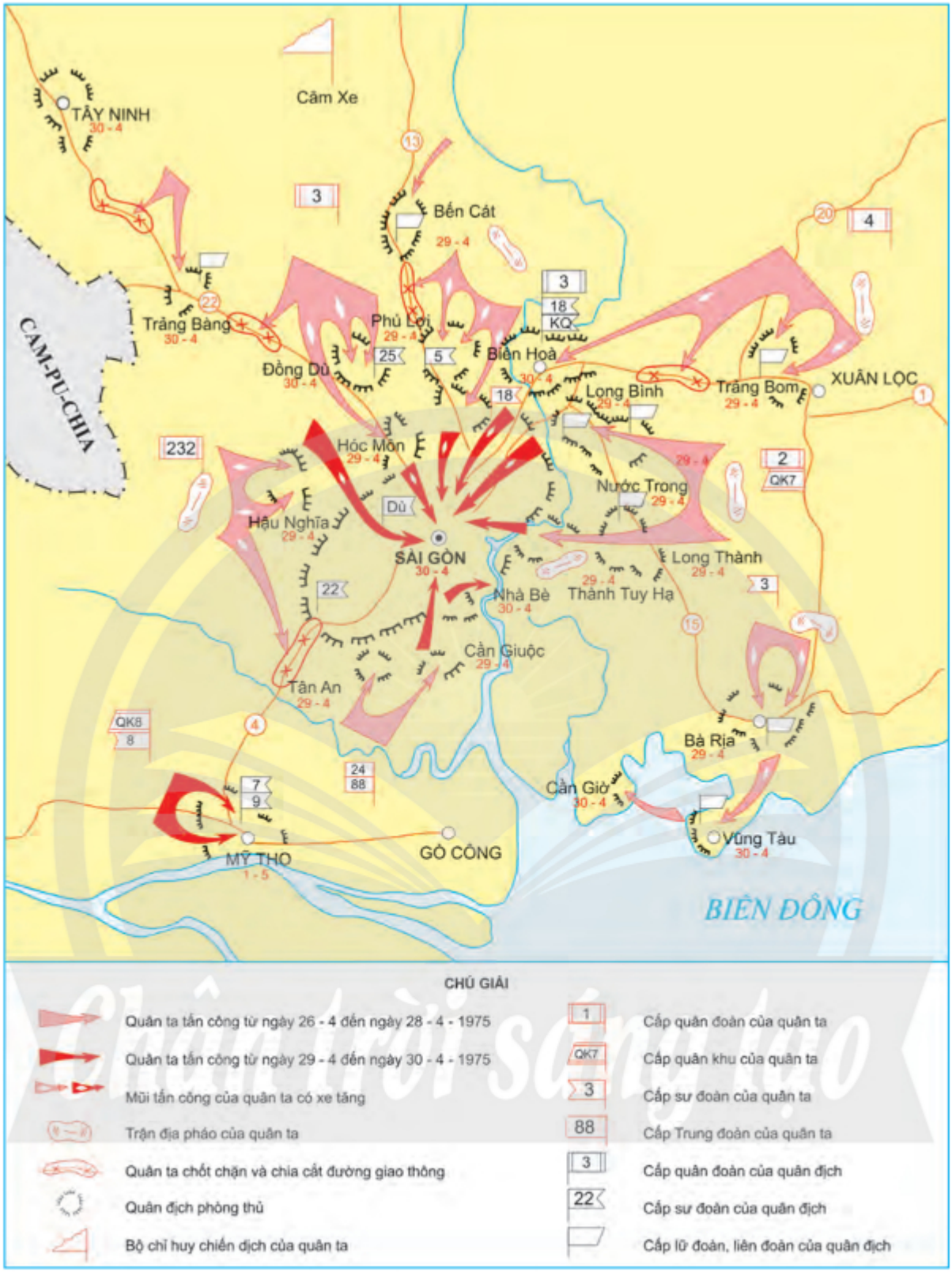
Quân Giải phóng tiến công, giải phóng thành phố Huế, toàn tỉnh Thừa Thiên và thành phố Đà Nẵng, mở ra khả năng hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa (trước tháng 5 – 1975).

Chiến dịch Hồ Chí Minh
26 – 4 đến 30 – 4 – 1975

Quân Giải phóng tiến công, phối hợp với các tầng lớp, nhân dân nổi dậy, giải phóng Sài Gòn. 10 giờ 45 phút ngày 30 – 4, xe tăng và bộ binh ta tiến vào Dinh Độc Lập, bắt toàn bộ nội các Chính quyền Sài Gòn, Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Đến 11 giờ 30 phút cùng ngày, lá cờ cách mạng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

▲Hình 8.6. Sơ đồ cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975

Đến ngày 02 – 5 – 1975, toàn bộ miền Nam cùng các đảo và quần đảo hoàn toàn được giải phóng.



▲Hình 8.7. Lược đồ Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975

Trình bày những nét chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giai đoạn 1973 – 1975.

3. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

a) Nguyên nhân thắng lợi

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi là do có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, quân sự độc lập, tự chủ sáng tạo, tiến hành đồng thời cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là nhờ truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất kiên cường, đoàn kết một lòng của nhân dân trên cả hai miền Nam – Bắc.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi là do có hậu phương miền Bắc không ngừng lớn mạnh, đáp ứng kịp thời yêu cầu của cuộc kháng chiến ở cả hai miền; quân đội nhân dân Việt Nam trưởng thành và phát huy nghệ thuật quân sự của cha ông trong kháng chiến cứu nước.

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có sự phối hợp của nhân dân Lào, nhân dân Cam-pu-chia; sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, nhân dân tiến bộ trên thế giới.



▲ Hình 8.8. Lãnh đạo Cu-ba Phi-đen Cát-xtơ-rô phất cao lá cờ của quân Giải phóng tại Cao điểm 241, ngày 16 – 9 – 1973

Em có biết

Cuối chiều 02 – 11 – 1965, No-man Mo-ri-xơn bế bé Ê-mi-li mới mười tám tháng tuổi đến sát Lầu Năm góc, trụ sở của Bộ Quốc phòng Mỹ, bên dòng sông Pô-tô-mác. Mo-ri-xơn để cháu Ê-mi-li ra xa rồi tưới xăng, châm lửa tự thiêu, ánh lửa bùng lên như một thông điệp của người dân Mỹ đòi chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Nhà thơ Tố Hữu đã viết một bài thơ đầy cảm động, đăng ở báo "Nhân Dân" ngày 08 – 11 – 1965, đó là bài thơ "Ê-mi-li, con"…

Nêu nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

b) Ý nghĩa lịch sử

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ và 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, chấm dứt ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam, thống nhất đất nước.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi đã mở ra kỉ nguyên mới của Việt Nam: kỉ nguyên cả nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã tác động mạnh mẽ đến tình hình nước Mỹ và thế giới, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.

Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975).

Lắng nghe lịch sử

"Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà. Nước ta sẽ có vinh dự lớn là một nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to – là Pháp và Mỹ; và đã góp phần xứng đáng vào phong trào giải phóng dân tộc".

(*Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 15, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 623)

LUYỆN TẬP

Lập bảng thống kê những chiến thắng tiêu biểu của quân và dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975) theo gợi ý bên vào vở:

Thời gian	Chiến thắng tiêu biểu
1954 – 1960	?
1961 – 1965	?
1965 – 1968	?
1969 – 1973	?
1973 – 1975	?

VẬN DỤNG

Sưu tầm tài liệu, giới thiệu với các bạn trong lớp về những tấm gương hi sinh anh dũng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975). Kể tên những việc em đã tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.

Chân trời sáng tạo

Bài 9. ĐẤU TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SAU THÁNG 4 – 1975 ĐẾN NAY. MỘT SỐ BÀI HỌC LỊCH SỬ CỦA CÁC CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

Học xong bài này, em sẽ:

– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

– Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính về cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 – 1975 đến những năm 80 của thế kỉ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở Biển Đông từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

– Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

– Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

– Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử và sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.

"Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị" (Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, Điều 11). Sau năm 1975, Việt Nam đã phải tiến hành nhiều cuộc đấu tranh bảo vệ những điều "thiêng liêng và bất khả xâm phạm" của Tổ quốc. Các cuộc đấu tranh ấy diễn ra trong bối cảnh nào? Diễn biến và ý nghĩa của các cuộc đấu tranh ra sao? Các cuộc đấu tranh để lại những giá trị thực tiễn và bài học lịch sử gì? Em hãy cùng tìm hiểu trong bài học này.



▲Hình 9.1. Trang bìa *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi, bổ sung năm 2013)*

1. Bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Việt Nam bước vào thời kì độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, hậu quả của 30 năm chiến tranh trên cả nước còn rất nặng nề.

Việt Nam bị Mỹ cấm vận, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc, Việt Nam – Cam-pu-chia có dấu hiệu bất ổn.

Tư liệu 1

"Hậu quả của chiến tranh chưa khắc phục xong, thì hành động xâm lấn và phá rối của bọn phản động... lại gây thêm khó khăn, thiệt hại cho nền kinh tế, buộc ta phải tăng chi phí quốc phòng. Thiên tai nặng trong hai năm 1977, 1978 gây mất mùa liên tiếp, làm hao hụt một khối lượng lớn lương thực".

(Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 25 – 12 – 1978, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nhiệm vụ kinh tế năm 1979)

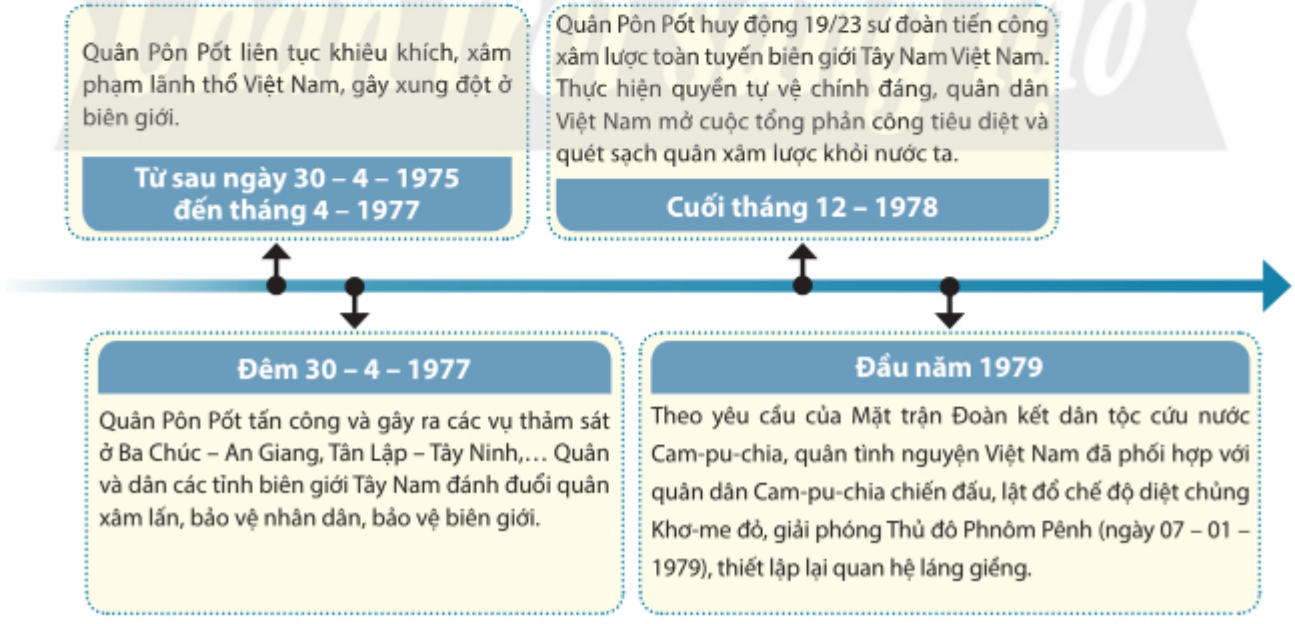
Trong xu thế hoà hoãn Đông – Tây của thế giới, các cường quốc (Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc,...) và các nước trong khu vực Đông Nam Á có nhiều thay đổi, ảnh hưởng đến tình hình Việt Nam, nhưng tình trạng bất ổn, xung đột vẫn diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới.

Trình bày khái quát bối cảnh lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

2. Diễn biến chính của quá trình đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975

a) Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam

Ngay sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, quân dân Việt Nam phải tiếp tục cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam chống lại sự xâm lược của tập đoàn Khơ-me đỏ do Pôn Pốt cầm đầu.



▲Hình 9.2. Sơ đồ diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam



▲Hình 9.3. Các lực lượng vũ trang Cam-pu-chia cùng quân tình nguyện Việt Nam tiến vào giải phóng Thủ đô Phnôm Pênh, trưa ngày 07 – 01 – 1979

Trình bày khái quát diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam.

b) Cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc

Từ giữa năm 1975, quan hệ Việt Nam – Trung Quốc trở nên căng thẳng. Sau đó, Trung Quốc đơn phương chấm dứt các viện trợ kinh tế, kĩ thuật, gây ra vấn đề người Hoa ở Việt Nam, khiêu khích xâm phạm biên giới phía Bắc của Việt Nam.

Sáng ngày 17 – 02 – 1979, Trung Quốc huy động 32 sư đoàn (60 vạn quân), tiến công sang toàn bộ sáu tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu). Để bảo vệ Tổ quốc, quân dân Việt Nam, trực tiếp là quân dân sáu tỉnh biên giới phía Bắc đã đứng lên chiến đấu.



▲Hình 9.4. Bộ đội Việt Nam bên cột mốc số 0 Lạng Sơn, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc

Trước cuộc chiến đấu ngoan cường của quân dân Việt Nam và sự phản đối của dư luận quốc tế, ngày 05 – 3 – 1979, Trung Quốc tuyên bố rút quân.

Tuy nhiên, tình hình trên tuyến biên giới phía Bắc vẫn tiếp tục căng thẳng kéo dài đến năm 1989, đặc biệt là ở Vị Xuyên (Hà Giang).


Nhân Dân

THÊM MỘT CHIẾN CÔNG HIỂN HÁCH GHI VÀO LỊCH SỬ CHỐNG XÂM LƯỢC CỦA DÂN TỘC TA

THẮNG LỢI RẤT OANH LIỆT VÀ TOÀN DIỆN

ĐÁNH BẠI 600 NGHÌN QUÂN TRUNG QUỐC XÂM LƯỢC

BỘ QUỐC PHÒNG RA THÔNG CÁO:

48 đơn vị và 7 cá nhân được tặng thưởng huân chương

▲Hình 9.5. Thông cáo của Bộ Quốc phòng Việt Nam đăng trên báo *Nhân Dân* số ra ngày 20 – 3 – 1979

Trình bày khái quát diễn biến chính của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc.

Kết nối internet tìm hiểu và cảm nhận bài hát "Chiến đấu vì độc lập tự do" của nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác ngày 17 – 02 – 1979.

c) Cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông

Sau Đại thắng Xuân 1975, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quản lí toàn bộ lãnh thổ đất nước, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Trong các năm 1979, 1981, 1988, Việt Nam liên tục công bố *Sách trắng* khẳng định chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải của Việt Nam.

Năm 1982, Việt Nam thành lập huyện đảo Hoàng Sa (thuộc tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng) và huyện đảo Trường Sa (thuộc tỉnh Đồng Nai). Ngày 28 – 12 – 1982, Quốc hội khoá XII ra Nghị quyết sáp nhập huyện Trường Sa vào tỉnh Phú Khánh. Tháng 7 – 1989, sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, huyện đảo Hoàng Sa thuộc thành phố Đà Nẵng, huyện đảo Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hoà.

Để bảo vệ chủ quyền biển đảo quốc gia, Việt Nam triển khai nhiều hoạt động thực thi chủ quyền ở huyện đảo Hoàng Sa và huyện đảo Trường Sa: triển lãm các hiện vật, xây dựng bia chủ quyền, thiết lập ngọn hải đăng, xây chùa, trường học, bưu điện, hỗ trợ cuộc sống người dân,…



▲Hình 9.6. Các chiến sĩ hải quân Việt Nam canh gác bên cột mốc chủ quyền tại đảo Trường Sa của Việt Nam

Việt Nam đã xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, hướng đến mục tiêu đưa Việt Nam sớm trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển, gắn với bảo đảm quốc phòng và an ninh.

Việt Nam tăng cường xây dựng lực lượng quản lí, bảo vệ biển, đảo vững mạnh về mọi mặt; kiên quyết, kiên trì đấu tranh chống các mưu đồ xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông; thực hiện công tác đối ngoại quốc phòng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

Việt Nam kiên quyết, kiên trì giải quyết tranh chấp biển, đảo bằng biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế (đưa công hàm phản đối Trung Quốc về đường chín đoạn ở Biển Đông, phản đối xây dựng các đảo nhân tạo và quân sự hoá các đảo nhân tạo ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa, ngăn chặn các hành vi lợi dụng ấn phẩm văn hoá xâm phạm chủ quyền biển đảo Việt Nam,...).

Em có biết

Năm 2014, Trung Quốc dùng giàn khoan Hải Dương 981 xâm phạm chủ quyền biển đảo của Việt Nam, nhân dân cả nước cùng các lực lượng chức năng phối hợp đấu tranh quyết liệt, bảo vệ vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, buộc Trung Quốc phải rút giàn khoan khỏi vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.

Ngày 14 – 3 – 1988, quân Trung Quốc đánh chiếm Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao của Việt Nam. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ biển đảo, hàng chục chiến sĩ Hải quân Việt Nam đã anh dũng hi sinh. Chính phủ Việt Nam đã thông báo cho Liên hợp quốc về vấn đề này.

Trình bày những hoạt động bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên Biển Đông.

Kết nối internet tìm hiểu về huyện đảo Hoàng Sa và huyện đảo Trường Sa của Việt Nam.

3. Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay

Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc là chiến tranh tự vệ chính đáng của Việt Nam, bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền quốc gia, dân tộc của Việt Nam; góp phần bảo vệ hoà bình ổn định trong khu vực Đông Nam Á.

Tư liệu 2

"Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ biên giới quốc gia; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa;... bảo vệ hoà bình, an ninh, văn hoá, pháp luật, tính uy nghiêm và biểu tượng quốc gia tại biên giới, cửa khẩu. Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác; bảo vệ, phòng thủ vững chắc biên giới quốc gia; góp phần phát triển kinh tế – xã hội gắn với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở khu vực biên giới và cả nước".

(Nghị quyết số 33-NQ/TW của Bộ Chính trị (ngày 28 – 9 – 2018) về Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia)

Chiến đấu bảo vệ và giữ gìn biển đảo khẳng định chủ quyền thực tế của Việt Nam trên Biển Đông. Đó là cuộc đấu tranh chính nghĩa, phù hợp với truyền thống anh dũng, bất khuất chống ngoại xâm của dân tộc, tuân thủ đúng luật pháp quốc tế; thể hiện ý chí quyết tâm của Việt Nam đấu tranh bằng các biện pháp phù hợp bảo vệ chủ quyền, giữ gìn hoà bình, ổn định để phát triển đất nước.

Nêu ý nghĩa của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 – 1975 đến nay.

4. Một số bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay

• Luôn nêu cao tinh thần yêu nước và lòng nhân đạo cao cả của con người Việt Nam

Truyền thống yêu nước và lòng nhân đạo cao cả của người Việt Nam là truyền thống và cũng là bài học lịch sử của cha ông trong đánh giặc giữ nước, đã phát huy trong kháng chiến trường kì chống thực dân đế quốc xâm lược, nay tiếp tục phát huy trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ mối quan hệ lâu đời giữa các nước anh em.

• Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc

Thực tiễn cách mạng Việt Nam muốn thắng lợi cần phát huy vai trò của Mặt trận dân tộc thống nhất nhằm tập hợp các lực lượng của cả dân tộc vào việc phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

• Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của khu vực, quốc tế

Trong kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay, việc kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại là nhân tố quan trọng đưa đến thắng lợi. Biểu hiện thông qua việc tổ chức, phát huy nội lực của toàn dân; đồng thời, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

• Vận dụng sáng tạo và phát huy nghệ thuật lãnh đạo chính trị và quân sự toàn diện, thống nhất trong cả nước

Đó là bản lĩnh bình tĩnh, khôn khéo, thực hiện phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến". Vận dụng sáng tạo, linh hoạt nghệ thuật lãnh đạo chính trị và quân sự, thể hiện qua đường lối và sách lược cách mạng của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của từng thời kì: vừa kháng chiến, vừa kiến quốc trong kháng chiến chống thực dân Pháp, tiến hành đồng thời hai cuộc cách mạng (cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam) trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Về nghệ thuật quân sự, tiến hành chiến tranh nhân dân, kết hợp ba mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận), kết hợp chặt chẽ ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích), phối hợp chiến trường,...

Phân tích giá trị thực tiễn của một bài học lịch sử trong cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

Chân trời sáng tạo

Lắng nghe lịch sử

Trước mỗi lần thử thách của lịch sử, cả dân tộc Việt Nam đều lớn mạnh lên, phát huy cao độ lòng dũng cảm, trí thông minh và tài năng sáng tạo trong sản xuất và chiến đấu: tăng cường lực lượng vật chất và tinh thần để chiến thắng quân thù.

Mỗi bản làng, xí nghiệp, hợp tác xã, thị xã, quận, huyện là một pháo đài kiên cường chống giặc. Mỗi tỉnh, thành là một chiến trường, cả nước là một chiến trường. Bất cứ nơi nào trên đất nước ta đều là những Chi Lăng, Đống Đa; sông biển ta đều là những Bạch Đằng, Hàm Tử.

(*Lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam*, ngày 04 – 3 – 1979)

LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thống kê những sự kiện chính về các cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở biên giới và biển đảo từ sau tháng 4 – 1975 đến nay theo gợi ý sau vào vở:

Thời gian	Sự kiện
?	?
?	?
?	?

2. Nêu những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay.

VẬN DỤNG

Hãy viết một đoạn văn nêu cảm nghĩ của em về các liệt sĩ đã hi sinh trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở biên giới và biển đảo những năm 1979 – 1989.

Chân trời sáng tạo

Chương 4

CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Bài 10. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Học xong bài này, em sẽ:

Trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.

Từ thập niên 80 của thế kỉ XX, kinh tế – xã hội Việt Nam lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân gặp phải những khó khăn gay gắt. Trước tình hình đó, yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam là phải tiến hành đổi mới để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, tiếp tục phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa. Công cuộc Đổi mới đã trải qua những giai đoạn nào? Nội dung chính của mỗi giai đoạn là gì? Bài học sẽ giúp em tìm hiểu về công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.



▲Hình 10.1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12 – 1986) của Đảng Cộng sản Việt Nam mở đầu công cuộc Đổi mới

1. Giai đoạn khởi đầu của công cuộc Đổi mới (1986 – 1995)

Tháng 12 – 1986, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật", Đảng Cộng sản Việt Nam đã phân tích những sai lầm, khuyết điểm trong đường lối xây dựng đất nước và đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nội dung của công cuộc Đổi mới được đề ra tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) và được bổ sung, phát triển tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991). Trải qua hai kế hoạch 5 năm (1986 – 1990 và 1991 – 1995), công cuộc Đổi mới được triển khai trên nhiều lĩnh vực, trọng tâm là đổi mới trên lĩnh vực kinh tế.

Về kinh tế, chủ trương xoá bỏ cơ chế quản lí tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6 – 1991) của Đảng Cộng sản, Việt Nam chủ trương hội nhập về kinh tế quốc tế.

Về chính trị, xây dựng Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, nâng cao hiệu lực quản lí của Nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới nội dung và hình thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị.

Về văn hoá – xã hội, phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi công dân. Nhà nước tạo môi trường và điều kiện để người lao động có việc làm, cải thiện điều kiện lao động. Chủ trương xây dựng nền văn hoá mới, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ, bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân.

Về quốc phòng – an ninh, chủ trương xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, phát triển kinh tế – xã hội đi đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng – an ninh.

Về đối ngoại, chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại nhằm tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam chủ trương quan hệ hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị – xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

Giai đoạn khởi đầu của công cuộc Đổi mới (1986 – 1995) đã tạo cơ sở vững chắc để Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước phát triển trong thời gian tiếp theo.

Tư liệu 1

"... phải dứt khoát sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân theo cơ cấu hợp lí, trong đó các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất có quy mô và trình độ kĩ thuật khác nhau phải được bố trí cân đối, liên kết với nhau, phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định. Để thực hiện sự sắp xếp đó, trước hết phải bố trí lại cơ cấu sản xuất, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư".

(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam)



▲Hình 10.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (tháng 6 – 1991) của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trình bày nội dung cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam giai đoạn 1986 – 1995.

2. Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bước đầu hội nhập kinh tế quốc tế (1996 – 2006)

Từ năm 1996, đường lối đổi mới tiếp tục được bổ sung hoàn thiện. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (tháng 6 – 1996) và lần thứ IX (tháng 4 – 2001) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định nội dung cơ bản của đường lối đổi mới như sau:

Về kinh tế, tiếp tục đổi mới cơ chế quản lí kinh tế, đẩy mạnh phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, chú trọng việc đầu tư phát triển trên nhiều lĩnh vực như nông nghiệp và nông thôn; các ngành công nghiệp, dịch vụ; xây dựng kết cấu hạ tầng; mở rộng thị trường xuất nhập khẩu; tăng sức cạnh tranh của hàng hoá và dịch vụ; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, gắn việc xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.



▲Hình 10.3. Nông dân An Giang thu hoạch lúa Đông Xuân

Về chính trị, tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh công nông và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do đảng cộng sản lãnh đạo. Cải cách tổ chức và hoạt động của nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước.

Về văn hoá – xã hội, xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tăng nhanh mức đầu tư của nhà nước và của xã hội cho sự nghiệp phát triển văn hoá, bảo đảm tự do, dân chủ cho mọi sáng tạo văn hoá, văn học nghệ thuật. Gắn liền tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp; chú trọng giải quyết việc làm cho người lao động, mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội.

Về quốc phòng – an ninh, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước. Xây dựng quân đội nhân dân và công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

Về đối ngoại, tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hoá và đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại. "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển".

Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bước đầu hội nhập kinh tế quốc tế (1996 – 2006) đã tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới, đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam tiến lên một cách vững chắc.

Tư liệu 2

"Phát triển mạnh và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ: thương mại, kể cả thương mại điện tử, các loại hình vận tải, bưu chính – viễn thông, du lịch, tài chính, ngân hàng, kiểm toán, bảo hiểm, chuyển giao công nghệ, tư vấn pháp lí, thông tin thị trường,... Sớm phổ cập sử dụng tin học và mạng thông tin quốc tế (internet) trong nền kinh tế và đời sống xã hội.

Xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng: giao thông, điện lực, thông tin, thuỷ lợi, cấp nước, thoát nước,... Phát triển mạng lưới đô thị phân bố hợp lí trên các vùng. Hiện đại hoá dần các thành phố lớn, thúc đẩy quá trình đô thị hoá nông thôn".

(Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam)

Trình bày nội dung của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1996 đến năm 2006.

3. Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế sâu rộng (từ năm 2006 đến nay)

Đường lối đổi mới tiếp tục bổ sung, hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn. Trải qua các Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ X (2006), lần thứ XI (2011), lần thứ XII (2016) và lần thứ XIII (2021), đường lối đổi mới tiếp tục được phát triển, với các nội dung chủ yếu:

Về kinh tế, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả, phát triển bền vững; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng hiện đại. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Em có biết

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (tháng 4 – 2006) của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: đẩy mạnh toàn diện công cuộc Đổi mới, sớm đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển; huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực để tiếp tục thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với kinh tế tri thức. Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội giai đoạn 2011 – 2020, chú trọng đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Về chính trị, tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, bảo đảm Nhà nước Việt Nam thực sự là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

Về văn hoá – xã hội, đẩy mạnh phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" một cách thiết thực và hiệu quả. Chủ trương mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về văn hoá. Tập trung giải quyết tốt chính sách lao động, việc làm và thu nhập, bảo đảm an sinh xã hội cho người dân.

Về quốc phòng – an ninh, tăng cường tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia và kiến thức quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh; tăng cường cơ sở vật chất – kĩ thuật, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang từng bước được trang bị hiện đại.

Về đối ngoại, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, đẩy mạnh ngoại giao đa phương, chủ động tham gia, phát huy vai trò của mình thúc đẩy định hình, cải tổ các thể chế quốc tế đa phương, gắn sự phát triển của Việt Nam với thế giới.

Trình bày nội dung của công cuộc Đổi mới đất nước ở Việt Nam từ năm 2006 đến nay.



▲ Hình 10.4. Đại lộ Thăng Long – Thủ đô Hà Nội nhìn từ trên cao (khởi công năm 2005, hoàn thành năm 2010)

Lắng nghe lịch sử

"Đổi mới cơ chế quản lí kinh tế nhằm tạo ra động lực thúc đẩy các đơn vị kinh tế và quần chúng lao động hăng hái phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ".

(*Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam*, trích trong *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 47, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, trang 902)



▲ Hình 10.5. Công trình đường dây điện 500 kV, đoạn qua địa phận tỉnh Quảng Bình

Chân trời sáng tạo

LUYỆN TẬP

Vẽ sơ đồ nội dung các giai đoạn của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu, tranh ảnh về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 12 – 1986) để giới thiệu với thầy, cô và các bạn trong lớp của em.

Bài 11. THÀNH TỰU CƠ BẢN VÀ BÀI HỌC CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY

Học xong bài này, em sẽ:

– Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, hội nhập quốc tế.

– Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

Từ khi tiến hành công cuộc Đổi mới đến nay, Việt Nam đã đạt được những thành tựu hết sức quan trọng. Đất nước có sự phát triển về mọi mặt. Đời sống của người dân ngày càng được cải thiện, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao. Vậy, những thành tựu to lớn mà Việt Nam đạt được biểu hiện cụ thể như thế nào? Việt Nam rút ra được những bài học kinh nghiệm gì từ công cuộc Đổi mới đất nước?

1. Thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay

a) Thành tựu đổi mới về chính trị

Công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay, trước hết là đổi mới tư duy chính trị, thể hiện ở việc nhận thức rõ hơn về tình hình thế giới, từ đó, đổi mới chủ trương, đường lối đối ngoại và đổi mới tổ chức cũng như phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Tư duy mới về chủ nghĩa xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Tư liệu 1

"Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức" (Điều 2, Hiến pháp năm 2013). "Đảng lãnh đạo Nhà nước, nhưng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật" (Điều 4, Hiến pháp năm 2013).

Mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội được tăng cường theo quy định của *Hiến pháp*.

Nền hành chính được cải cách để phục vụ người dân ngày càng tốt hơn. Bộ máy hành chính các cấp được sắp xếp theo hướng tinh gọn và hiệu quả.



▲Hình 11.1. Biểu trưng cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam

Trình bày thành tựu về đổi mới chính trị ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

Em có biết

Ý nghĩa biểu trưng và khẩu hiệu của cải cách thủ tục hành chính ở Việt Nam

Màu xanh dương – màu nền chính là màu đặc trưng cho công vụ. Bàn tay được kết nối với nhau bên trong một vòng tròn khép kín là hình tượng hoá câu khẩu hiệu ***"CHUNG TAY CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH"*** *– thể hiện sự quyết tâm, đồng lòng, sự cam kết hoàn thành trách nhiệm của tất cả các bộ, ngành, địa phương, của người dân và doanh nghiệp tham gia vào tiến trình cải cách thủ tục hành chính. Sự sắp đặt các bàn tay tạo nên hình ngôi sao vàng – biểu tượng quốc gia của Việt Nam thể hiện niềm tự hào dân tộc. Màu đỏ chính giữa là màu đặc trưng của công quyền.*

b) Thành tựu đổi mới về kinh tế

Đổi mới trên lĩnh vực kinh tế đạt được nhiều thành tựu to lớn. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng tích cực, hình thành nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước.



▲Hình 11.2. Thành phố Hồ Chí Minh – một trong những địa phương đi đầu trong công cuộc Đổi mới

Chân trời sáng tạo

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là kinh tế nhiều thành phần: kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; các thành phần kinh tế đều được phát huy lợi thế, tiềm năng, nguồn lực trong đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế đất nước. Hệ thống pháp luật về kinh tế hình thành và hoàn thiện dần, tạo cơ sở pháp lí cho các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình sở hữu hoạt động.

Tăng trưởng kinh tế đạt tốc độ cao, giảm dần sự phụ thuộc vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, xuất khẩu thô, lao động nhân công giá rẻ và mở rộng tín dụng, từng bước chuyển sang dựa vào ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

▼ Bảng 11.1. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam, giai đoạn 1986 – 2021

(Đơn vị: %)

Năm	1986	1991	1996	2001	2006	2011	2016	2021
Tốc độ tăng trưởng GDP	2,79	5,96	9,34	6,19	6,98	6,24	6,21	5,64

(Nguồn: Thông tấn xã Việt Nam)

Nông nghiệp phát triển góp phần quan trọng vào mức tăng trưởng chung và giữ vững ổn định kinh tế – xã hội. Việt Nam đã vươn lên thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. An ninh lương thực quốc gia được bảo đảm.

Công nghiệp tăng trưởng và chuyển biến tích cực về cơ cấu sản xuất, chất lượng sản phẩm và sức cạnh tranh. Năm 2005, cả nước có trên 100 khu công nghiệp, khu chế xuất, nhiều khu hoạt động có hiệu quả; đến năm 2020, Việt Nam đã hình thành một số ngành công nghiệp có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh và vị trí vững chắc trên thị trường quốc tế.

Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá tăng mạnh, là động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế. Cơ cấu xuất, nhập khẩu chuyển dịch theo hướng tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, chế tạo, giảm xuất khẩu thô.

Tư liệu 2

"Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá tăng từ 327,8 tỉ USD năm 2015 lên khoảng 517 tỉ USD năm 2019. Năm 2020, mặc dù ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 vẫn đạt 543,9 tỉ USD, tăng gần 1,7 lần và tương đương 200% GDP. Xuất khẩu hàng hoá tăng từ 162 tỉ USD năm 2015 lên 281,5 tỉ USD năm 2020, tăng bình quân 11,7% giai đoạn 2016 – 2020".

(Theo *Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2016 – 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2021 – 2025 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, trích trong *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, trang 7)

Quy mô nền kinh tế được mở rộng, GDP bình quân đầu người ngày càng tăng.

▼ Bảng 11.2. Quy mô GDP (theo giá hiện hành) và GDP bình quân đầu người của Việt Nam, giai đoạn 1996 – 2021

Năm	1996	2006	2016	2021
GDP (nghìn tỉ đồng)	272,0	1 061,5	5 639,4	8 479,6
GDP bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm)	3,7	12,7	60,4	86,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Em có biết

Từ năm 1994, các khu công nghiệp được xây dựng để cung ứng cơ sở hạ tầng thuận lợi, tạo điều kiện dễ dàng cho đầu tư nước ngoài và đặc biệt khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa gia nhập các khu vực công nghiệp. Lợi ích của việc sản xuất tập trung tại các khu, cụm công nghiệp so với phát triển công nghiệp tản mạn là đảm bảo tiết kiệm về kết cấu hạ tầng, quản lí hành chính và quản lí môi trường, mặt khác, cung cấp các dịch vụ thuận lợi.



▲Hình 11.3. Khu chế xuất Tân Thuận (Thành phố Hồ Chí Minh) – khu chế xuất đầu tiên của cả nước, được thành lập ngày 25 – 11 – 1991

Trình bày thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam trên lĩnh vực kinh tế từ năm 1986 đến nay.

c) Thành tựu đổi mới về xã hội

Cùng với đổi mới phát triển kinh tế, chính sách phát triển xã hội cũng đạt nhiều kết quả mới: công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân và bảo hiểm y tế được mở rộng; chỉ số phát triển con người (HDI) tăng đều đặn và liên tục; nhu cầu thiết yếu về ăn, mặc, ở, đi lại, giải trí,... được đáp ứng ngày càng tốt hơn.

Năm 2020, cả nước có gần 1,4 triệu người có công đang hưởng chế độ ưu đãi hằng tháng; các chính sách hỗ trợ phát triển nhà ở được quan tâm; tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm từ gần 10% năm 2015 xuống dưới 3% năm 2020; việc giải quyết vấn đề lao động và việc làm ngày càng hiệu quả; diện bao phủ bảo hiểm xã hội được mở rộng, tăng hơn 1,3 lần so với năm 2015, chiếm gần 33% lực lượng lao động vào năm 2020.

Tư liệu 3

"Đến năm 2022, cả nước có 6 009/8 225 xã đạt chuẩn nông thôn mới; trong đó, có 937 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 110 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Có 255 huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới, 18 tỉnh có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 5 tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới".

(*Xây dựng nông thôn mới gắn với bản sắc, giá trị nông thôn*, Báo *Điện tử Chính phủ*, phát hành ngày 18 – 02 – 2023)



▲Hình 11.4. Đường vào xã nông thôn mới Trường Long Tây, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

Trình bày những thành tựu đổi mới về xã hội ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

d) Thành tựu đổi mới về văn hoá

Giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và cơ sở vật chất. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. Việt Nam đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học năm 2000 và đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trung học cơ sở năm 2010.

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá", "Xây dựng gia đình văn hoá", "Xây dựng nông thôn mới" đạt kết quả tích cực.

Các giá trị văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể truyền thống của Việt Nam được xác định và đánh giá theo tiêu chuẩn quốc tế. Nhiều di sản lịch sử, văn hoá của Việt Nam được UNESCO ghi danh là di sản văn hoá của thế giới.

Tư liệu 4

"Tính đến năm 2020, cả nước có 28 di sản văn hoá vật thể và phi vật thể được UNESCO ghi danh, 301 di sản văn hoá phi vật thể quốc gia; 191 hiện vật và nhóm hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia; 3 489 di tích quốc gia; 122 di tích quốc gia đặc biệt; 168 bảo tàng, thường xuyên lưu giữ và trưng bày khoảng 3 triệu tài liệu, hiện vật".

(Ban Tuyên giáo Trung ương, *Những thành tựu quan trọng của đất nước 5 năm 2016 – 2020*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, trang 55)



▲Hình 11.5. Lễ hội Hoa Lư – nét văn hoá đặc sắc nơi Cố đô (Hoa Lư, Ninh Bình)

Hoạt động văn hoá, văn nghệ, báo chí, xuất bản phát triển sôi động. Hình thành thị trường sản phẩm và dịch vụ văn hoá.

Phong trào thể dục, thể thao phát triển; một số bộ môn đạt thành tích cao trong các kì thi đấu quốc tế.

Trình bày những thành tựu tiêu biểu về văn hoá trong công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

Kết nối internet tìm hiểu các cơ quan báo chí và xuất bản của Việt Nam.

e) Thành tựu đổi mới về hội nhập quốc tế

Hội nhập quốc tế được thực hiện thiết thực và hiệu quả song phương cũng như đa phương, cả trong khu vực và phạm vi toàn cầu. Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trên nhiều cấp độ, đa dạng về hình thức, theo nguyên tắc và chuẩn mực của thị trường toàn cầu.

Ngoại giao song phương tạo tiền đề để Việt Nam phát huy vai trò trên diễn đàn đa phương, qua đó, tạo thuận lợi cho quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng hơn. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 190/200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó, thiết lập được 30 đối tác chiến lược (năm 2022).

Việt Nam tham gia nhiều tổ chức, diễn đàn khu vực, là thành viên chủ động, tích cực, có trách nhiệm cao trong các tổ chức quốc tế. Việt Nam đã được tín nhiệm bầu vào các cơ quan quan trọng của Liên hợp quốc.

Vị thế và uy tín của Việt Nam ngày càng được nâng cao trên thế giới, góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước trong thời kì mới.



▲Hình 11.6. Lễ kí kết *Hiệp định Thương mại tự do* và *Hiệp định Bảo hộ đầu tư Việt Nam – Liên minh châu Âu* tại Hà Nội, tháng 6 – 2019

Em có biết

Việt Nam là thành viên sáng lập ASEM năm 1996, tham gia Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC) năm 1998, đăng cai Hội nghị APEC năm 2006 và 2017. Năm 2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Việt Nam cũng đã kí Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với một số quốc gia và EU,...

Quá trình Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng trong công cuộc Đổi mới đạt được những thành tựu nào?

2. Một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay

• Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Quá trình đổi mới là quá trình làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn, hiệu quả hơn, đó là quá trình xây dựng một xã hội mới xã hội chủ nghĩa, có nhiều khó khăn, thử thách, nhưng nhất định thắng lợi.

Đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

• Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp

Đổi mới toàn diện và đồng bộ, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội; đổi mới từ tư duy, nhận thức đến thực tiễn hành động; đổi mới kinh tế, xã hội, văn hoá, chính trị, đối ngoại; đổi mới sự lãnh đạo của Đảng và quản lí của Nhà nước, cả hệ thống chính trị.

• Đổi mới vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân

Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân nảy sinh từ thực tiễn là nguồn gốc hình thành đường lối đổi mới. Nhân dân được phát huy quyền làm chủ, lao động sáng tạo làm nên những thành tựu đổi mới.

Công cuộc Đổi mới đã giải phóng sức dân khỏi những rào cản của cơ chế kế hoạch hoá, tập trung, bao cấp; khơi nguồn sáng tạo, chủ động và phát huy các nguồn lực của nhân dân trong cơ chế thị trường; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa.

• Kết hợp sức mạnh nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới

Việt Nam phát huy, khai thác các nguồn lực trong nước; đồng thời, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài thông qua hội nhập và hợp tác quốc tế; trong đó, nội lực là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước. Việc kết hợp nội lực và ngoại lực sẽ tạo cho Việt Nam sức mạnh tổng hợp để phát triển nhanh và bền vững.

Nêu các bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

Chân trời sáng tạo

Lắng nghe lịch sử

Việt Nam là một câu chuyện phát triển thành công. Những cải cách kinh tế từ năm 1986 kết hợp với những xu hướng toàn cầu thuận lợi đã nhanh chóng giúp Việt Nam phát triển từ một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới trở thành quốc gia thu nhập trung bình thấp chỉ trong vòng một thế hệ. Từ năm 2002 đến năm 2020, GDP đầu người tăng 3,6 lần, đạt gần 3 700 USD. Tỉ lệ nghèo (theo chuẩn 3,65 USD/ ngày, theo PPP năm 2017) giảm từ hơn 14% năm 2010 xuống còn 3,8% năm 2020... Y tế đạt nhiều tiến bộ lớn khi mức sống ngày càng cải thiện.

(Theo *Tổng quan về Việt Nam*, Ngân hàng thế giới tại Việt Nam)



▲Hình 11.7. Cầu Nhật Tân (Hà Nội) khởi công năm 2009, khánh thành năm 2015

LUYỆN TẬP

1. Nêu những thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.
2. Trong các bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay, em tâm đắc với bài học nào nhất? Tại sao?

VẬN DỤNG

Giới thiệu một thành tựu tiêu biểu (về kinh tế, văn hoá – xã hội,…) gắn liền với công cuộc Đổi mới đất nước ở địa phương nơi em sinh sống.

Chương 5

LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI

Bài 12. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)

Học xong bài này, em sẽ:

Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).

Ngày 14 – 01 – 1926, khi được mời phát biểu tại một sự kiện lớn ở Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc (lúc này có bí danh là Vương Đạt Nhân) đã kêu gọi: "tất cả các dân tộc bị áp bức nào, hễ cùng bị chủ nghĩa đế quốc áp bức, thì phải cùng nhau liên hiệp lại. ... Không phân biệt nước nào, dân tộc nào, tất cả hãy đứng lên chống kẻ thù chung của chúng ta!".

(Theo *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 232)

Đoàn kết với nhân dân thế giới, "thêm bạn, bớt thù" là quan điểm xuyên suốt của các thế hệ người Việt Nam để có đồng minh trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam theo tinh thần trên đã diễn ra như thế nào trong giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945?

1. Hoạt động đối ngoại của các nhà yêu nước Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX

Đầu thế kỉ XX, những chuyển biến kinh tế, xã hội ở Việt Nam dưới tác động từ các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã ảnh hưởng sâu sắc đến phong trào đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam. Một số nhà ái quốc Việt Nam đã nhận ra sự bế tắc của con đường giải phóng dân tộc theo ngọn cờ phong kiến, tìm đến với những trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản, tiến hành các hoạt động đối ngoại để mở ra đường hướng mới cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Đi tiên phong là Phan Bội Châu và tổ chức Duy Tân hội. Từ năm 1905 đến năm 1908, Duy Tân hội tổ chức phong trào Đông Du, đưa gần 200 du học sinh Việt Nam bí mật xuất dương sang Nhật Bản học khoa học – kĩ thuật và quân sự để về nước khôi phục nền độc lập của Việt Nam. Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Duy Tân hội nhằm tìm kiếm sự giúp đỡ của những nhà yêu nước và nhân dân Nhật Bản đối với công cuộc giành độc lập của Việt Nam.



▲ Hình 12.1. Phan Bội Châu (1867 – 1940)

Em có biết

Tại Nhật Bản, Phan Bội Châu kết thân với một số nhà yêu nước, ủng hộ Việt Nam như Ô-ku-mu-ra, Ca-si-qua-ba-ra Bun-ta-rô, bác sĩ A-xa-ba Xa-ki-ta-rô,... Những nhà yêu nước Nhật Bản đã giúp đỡ tận tình cho Phan Bội Châu và các học sinh Việt Nam tham gia phong trào Đông Du đang học trong các trường ở Nhật Bản cả về vật chất lẫn tinh thần.

Tháng 8 – 1908, thực dân Pháp thương lượng với Chính phủ Nhật Bản trục xuất những du học sinh Việt Nam khỏi Nhật Bản. Phan Bội Châu và hội viên Duy Tân hội đã đến Quảng Đông (Trung Quốc), Lào và Xiêm để tiếp tục tìm sự giúp đỡ cho các hoạt động cách mạng. Họ nhận được sự giúp đỡ, ủng hộ vật chất và tinh thần từ những nhà yêu nước, nhân dân ở Trung Quốc, Lào, Xiêm. Đặc biệt, tại Xiêm, các hội viên đã xây dựng được một căn cứ ở Bạn Thẩm để cùng nhau cày cấy, luyện tập võ nghệ chờ ngày phục quốc. Tại Trung Quốc, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang phục hội (1912), cùng các chí sĩ Trung Hoa lập "Chấn Hoa Hưng Á" và cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài (Công sứ Đức, Đại sứ quán Nga,...) nhằm tranh thủ sự giúp đỡ cho phong trào đấu tranh chống Pháp ở Việt Nam.

Năm 1911, Phan Châu Trinh sang Pháp. Tại đây, ông cùng những nhà ái quốc đã thành lập Nhóm những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, liên hệ với một số thành viên trong Liên minh Nhân quyền và Đảng Xã hội Pháp để hoạt động và tranh thủ sự ủng hộ của lực lượng cấp tiến tại Pháp cho cách mạng Việt Nam.



▲ Hình 12.2. Phan Châu Trinh (1872 – 1926)

Nêu tóm tắt những hoạt động đối ngoại của các nhà yêu nước Việt Nam đầu thế kỉ XX.

2. Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1920 đến năm 1945

a) Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1930

Từ năm 1911 đến năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác – Lê-nin, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Trong những năm ở Pháp, Liên Xô, Trung Quốc,... Người tham gia và đóng góp tích cực vào phong trào cộng sản, công nhân và phong trào đấu tranh của các dân tộc thuộc địa. Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc những năm 1920 – 1930 nhằm tìm kiếm sự ủng hộ, giúp đỡ của quốc tế đã đặt nền móng cho quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các tổ chức chính trị cách mạng và các lực lượng dân chủ tiến bộ trên thế giới.



▲Hình 12.3. Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản (1924)

Em có biết

– Giai đoạn 1919 – 1923, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp; tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp; cùng với một số nhà cách mạng các thuộc địa của Pháp thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa, chủ nhiệm kiêm chủ bút báo "Người cùng khổ"; xác lập mối quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động Pháp với nhân dân các thuộc địa trong đó có Việt Nam.

– Giai đoạn 1923 – 1930, Nguyễn Ái Quốc tham gia các hoạt động của Quốc tế Cộng sản tại Liên Xô, Trung Quốc và một số nước Đông Nam Á; tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông; liên hệ mật thiết với phong trào cách mạng thế giới.

Nêu những hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1930.

b) Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 – 1945)

Từ năm 1930, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ tháng 10 – 1930 là Đảng Cộng sản Đông Dương) nhằm xác lập củng cố quan hệ với các đảng cộng sản và phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản thế giới, phục vụ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam.

Tư liệu 1

Từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Đông Dương xác định:

– "Tuyên truyền dân chúng Đông Dương nhận thấy sự can hệ, liên lạc phong trào Đông Dương với quốc tế, đánh tan cái quan niệm quốc gia hẹp hòi thì sự giải phóng dân tộc hoàn toàn khỏi ách đế quốc mới có thể có".

(*Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 6, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, trang 547)

– "Phải ra sức tổ chức Mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi", "liên hệ chặt chẽ với Mặt trận Nhân dân Pháp".

(*Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, tập 2, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, trang 87, 88)

Chân trời sáng tạo

Trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945), Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh liên lạc với phong trào chống quân phiệt Nhật ở các nước Đông Nam Á như Miến Điện, Mã Lai, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a,... đứng về phe dân chủ chống phát xít xâm lược. Đảng Cộng sản Đông Dương thông qua Mặt trận Việt Minh chú trọng triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm thiết lập quan hệ với các nước Đồng minh chống phát xít, trước hết là Trung Quốc và Mỹ.

Tư liệu 2

– Ngày 13 – 8 – 1942, Hồ Chí Minh sang Trung Quốc để liên hệ với các lực lượng Đồng minh.

– Cuối năm 1944, Hồ Chí Minh đi Côn Minh (Trung Quốc) gặp tướng Sê-nôn – Tư lệnh không quân Mỹ đặt cơ sở phối hợp giữa Việt Minh với các lực lượng Đồng minh để kháng Nhật.

(Theo Nguyễn Đình Bin (Chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002)

Sau ngày Nhật Bản đảo chính Pháp (ngày 09 – 3 – 1945), đại diện Mặt trận Việt Minh và Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với người Mỹ, thể hiện thiện chí của Việt Minh muốn tìm kiếm một giải pháp cho vấn đề Đông Dương. Tháng 5 – 1945, biệt đội "Con Nai" – một nhóm đặc nhiệm tình báo thuộc Cơ quan Tình báo Chiến lược (OSS) của Mỹ được thành lập, làm nhiệm vụ phối hợp tổ chức huấn luyện quân sự, cung cấp hậu cần, y tế cho Việt Minh, thu thập thông tin tình báo và chống quân phiệt Nhật.



▲Hình 12.4. Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp chụp ảnh với các thành viên của biệt đội "Con Nai" ở Tân Trào (Tuyên Quang) tháng 8 – 1945

Nêu những hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh (1930 – 1945).

Lắng nghe lịch sử

Trong khuôn viên ngôi chùa Giô-rin-gi (Thường Lâm Tự) ở U-mê-y-a-ma thuộc thành phố Phu-cư-rôi (Nhật Bản), hiện đang bảo tồn bia tưởng niệm bác sĩ A-xa-ba Xa-ki-ra-tô, còn được gọi là bia Báo Ân. Đây là bia đá được Phan Bội Châu đã bí mật đến Nhật Bản vào năm 1918 và cùng với dân làng xây dựng, nhằm thể hiện lòng biết ơn của Phan Bội Châu đối với sự giúp đỡ quý báu của bác sĩ A-xa-ba Xa-ki-ra-tô cho phong trào Đông Du.

Bia tưởng niệm bác sĩ A-xa-ba Xa-ki-ra-tô được ghi danh là "Di sản văn hoá được chỉ định" của thành phố Phu-cư-rôi.



▲Hình 12.5. Phan Bội Châu (hàng đầu thứ hai, từ phải sang) chụp ảnh cùng dân làng trong ngày dựng bia

LUYỆN TẬP

Lập bảng tóm tắt hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 theo gợi ý sau vào vở:

Nhân vật/ Tổ chức	Hoạt động đối ngoại chủ yếu
Phan Bội Châu	?
Phan Châu Trinh và những người Việt Nam yêu nước tại Pháp	?
Nguyễn Ái Quốc	?
Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh	?

VẬN DỤNG

Xây dựng video clip tập hợp những hình ảnh và tư liệu về hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh từ năm 1920 đến Cách mạng tháng Tám năm 1945 để giới thiệu với các bạn trong lớp của em.

Chân trời sáng tạo

Bài 13. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY

Học xong bài này, em sẽ:

– Nêu được những hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

– Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985, giai đoạn từ năm 1986 đến nay.

– Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

"Chính sách ngoại giao của ta biểu hiện bản chất hoà bình của chế độ ta... Chúng ta phải có kế hoạch thiết thực để chấp hành chính sách ngoại giao đó làm cho vị trí của nước ta càng được nâng cao hơn nữa trên thế giới, làm cho nhân dân ta có thể hoàn thành nhanh chóng sự nghiệp xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh".

(*Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 21, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, trang 627)

Em đã biết gì về hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay?



▲ Hình 13.1. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Bí thư thứ nhất Lê Duẩn dự Đại hội lần thứ XXII của Đảng Cộng sản Liên Xô năm 1961

1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Trật tự thế giới hai cực I-an-ta được hình thành. Từ tháng 9 – 1945 đến tháng 7 – 1954, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà phải tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp. Hoạt động đối ngoại Việt Nam trong giai đoạn này có nhiệm vụ trọng tâm là phục vụ cho kháng chiến.

Tư liệu 1

"Phải đặc biệt chú ý những điều này: một là thuật ngoại giao là làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết; hai là muốn ngoại giao được thắng lợi là phải biểu dương thực lực".

(*Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, trang 27)

Từ tháng 9 – 1945 đến tháng 12 – 1946, hoạt động đối ngoại khẳng định tính hợp pháp của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; chủ động triển khai hoà hoãn với Trung Hoa Dân quốc; thực hiện chủ trương "Hoà để tiến", kí *Hiệp định Sơ bộ* ngày 06 – 3 – 1946, bản *Tạm ước* ngày 14 – 9 – 1946 với Pháp để tranh thủ thời gian hoà hoãn chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến; thường xuyên giữ quan hệ với Chính phủ Mỹ.



▲Hình 13.2. Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đại biểu Anh, Mỹ, Trung Quốc tại buổi kí kết *Hiệp định Sơ bộ* ngày 06 – 3 – 1946

Tư liệu 2

– Ngày 03 – 10 – 1945, Bộ Ngoại giao Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra Thông cáo về chính sách đối ngoại Việt Nam khẳng định mục tiêu phấn đấu cho nền độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn của Việt Nam.

– Từ tháng 9 – 1945 đến tháng 02 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thông điệp, thư, điện và công hàm cho Liên hợp quốc, những người đứng đầu chính phủ các nước lớn như Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Quốc khẳng định tính hợp pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

(Theo *Biên niên lịch sử Chính phủ Việt Nam 1945 – 2005*, tập 1, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2006)

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, hoạt động ngoại giao của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thể hiện thiện chí hoà bình, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới, tham gia đại hội sáng lập Hội đồng Hoà bình thế giới (năm 1949).

Từ năm 1950 đến năm 1954, thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh liên minh đoàn kết chiến đấu giữa ba nước Đông Dương qua vai trò của Liên minh

nhân dân Việt – Miên – Lào; tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Ngày 08 – 5 – 1954, phái đoàn ngoại giao Việt Nam do Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Văn Đồng dẫn đầu đã tham dự Hội nghị Quốc tế về Đông Dương và kí *Hiệp định Giơ-ne-vơ* (ngày 21 – 7 – 1954), buộc Pháp rút quân, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

Kết nối internet tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của phái đoàn Việt Nam tại Hội nghị Giơ-ne-vơ.

2. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

Từ năm 1954 đến năm 1975, nhân dân Việt Nam phải tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Hoạt động đối ngoại của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thời kì này đã được triển khai chủ động, tích cực và có những đóng góp to lớn vào công cuộc kháng chiến của cả dân tộc.

Giai đoạn 1954 – 1964, trước những chuyển biến của tình hình thế giới và trong nước không thuận lợi, hoạt động đối ngoại của Việt Nam đã dựa vào cơ sở pháp lí của *Hiệp định Giơ-ne-vơ* đấu tranh chống lại các chính sách và hành động phá hoại hiệp định của Mỹ – Diệm. Đồng thời, tăng cường đoàn kết ba dân tộc Đông Dương; mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước vừa giành được độc lập; thúc đẩy hình thành mặt trận thế giới đoàn kết với Việt Nam.



▲Hình 13.3. Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp Đoàn đại biểu phong trào Hoà bình Pháp thăm Việt Nam ngày 15 – 3 – 1955



▲Hình 13.4. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí *Tuyên bố chung* tại Hội nghị đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và Công nhân quốc tế họp ở Mát-xcơ-va tháng 11 – 1960

Giai đoạn 1965 – 1975, hoạt động đối ngoại Việt Nam đã triển khai các nhiệm vụ: tuyên truyền tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến; tố cáo cuộc chiến tranh xâm lược và tội ác của Mỹ và Chính quyền Sài Gòn tay sai của Mỹ; tiếp tục củng cố mặt trận đoàn kết ba nước Đông Dương; tăng cường đoàn kết và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa; thúc đẩy hình thành phong trào nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới chống chiến tranh, ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Tư liệu 3

"Mặt trận số một chống đế quốc Mỹ là Việt Nam. Mặt trận số hai ở ngay tại nước Mỹ". Mặt trận số hai này gồm cuộc đấu tranh của người da đen chống phân biệt chủng tộc, chống chiến tranh xâm lược Việt Nam kết hợp với phong trào nhân dân da trắng Mỹ chống chiến tranh".

(Theo *Mặt trận số 2 chống đế quốc Mỹ*, trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 15, Sđd, trang 149)



▲Hình 13.5. Biểu tình chống chiến tranh Việt Nam ở Van-cô-vơ, Ca-na-đa (1968)

Tháng 6 – 1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam thành lập, được nhiều nước công nhận. Trong những năm 1969 – 1973, sự phối hợp hoạt động giữa ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam đã góp phần buộc Mỹ phải kí *Hiệp định Pa-ri* về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (ngày 27 – 01 – 1973).



▲Hình 13.6. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình kí *Hiệp định Pa-ri* về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam

Năm 1973, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã thiết lập được quan hệ ngoại giao với 20 quốc gia trên thế giới (Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Anh, Pháp, I-ta-li-a, Hà Lan, Ô-xtrây-li-a, Ác-hen-ti-na,...).

Từ năm 1973 đến năm 1975, hoạt động ngoại giao của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn.

Nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

3. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985

Thập niên 70 và 80 của thế kỉ XX, tình hình thế giới diễn ra nhiều biến động có tính bước ngoặt về chính trị, kinh tế, quan hệ quốc tế, các nước lớn đều có những điều chỉnh quan trọng trong chính sách đối ngoại. Nhiệm vụ của hoạt động đối ngoại Việt Nam giai đoạn 1975 – 1985 là phải ra sức tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Việt Nam chủ động tăng cường quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa. Qua đó đã tranh thủ được sự ủng hộ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ngày 29 – 6 – 1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), tham gia các hoạt động của SEV. Ngày 03 – 11 – 1978, *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam – Liên Xô* được kí kết.



▲Hình 13.7. Nhà máy thuỷ điện Hoà Bình do Liên Xô giúp đỡ Việt Nam xây dựng

Tư liệu 4

"Kiên trì chính sách hữu nghị và láng giềng tốt với nhân dân Trung Quốc, chúng ta chủ trương khôi phục quan hệ bình thường giữa hai nước trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau và giải quyết những vấn đề tranh chấp bằng con đường thương lượng...".

(*Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, trích trong *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 43, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, trang 149, 150)

Đối với Trung Quốc, Việt Nam chủ động tiến hành đàm phán để giải quyết những bất đồng, xung đột về biên giới trên đất liền và trên biển, kiên quyết bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia, khôi phục quan hệ hữu nghị, láng giềng giữa hai nước.

Quan hệ hữu nghị và hợp tác trên mọi lĩnh vực giữa Việt Nam và Lào phát triển mạnh mẽ. Năm 1977, hai nước kí *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác*.



▲Hình 13.8. Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Thủ tướng Cay-xỏn Phôm-vi-hẳn kí *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác* giữa hai nước Việt Nam và Lào (ngày 18 – 7 – 1977)

Năm 1976, Việt Nam đưa ra *Chính sách bốn điểm* làm cơ sở thiết lập và phát triển quan hệ đối thoại với các nước Đông Nam Á. Cũng trong năm này, Việt Nam đã thiết lập được quan hệ với tất cả 5 nước thành viên ASEAN.

Tư liệu 5

Ngày 05 – 7 – 1976, Việt Nam công bố "Chính sách bốn điểm" trong quan hệ với các nước Đông Nam Á:

1. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm lược nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hoà bình.

2. Không để lãnh thổ nước mình cho bất cứ nước ngoài nào sử dụng làm căn cứ xâm lược và can thiệp vào các nước khác trong khu vực.

3. Thiết lập quan hệ hữu nghị láng giềng tốt, hợp tác kinh tế và trao đổi văn hoá trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. Giải quyết những vấn đề tranh chấp giữa các nước trong khu vực thông qua thương lượng theo tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.

4. Phát triển hợp tác vì sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh theo điều kiện riêng mỗi nước vì lợi ích độc lập dân tộc, hoà bình, trung lập thật sự ở Đông Nam Á, góp phần vào sự nghiệp hoà bình trên thế giới.

(Theo Nguyễn Đình Bin (Chủ biên), *Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000*, Sđd)

Giai đoạn 1975 – 1985, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 30 nước thuộc nhóm các nước trong phong trào Không liên kết; phát triển quan hệ với Ấn Độ và một số nước A-rập; tích cực và chủ động tham gia thực hiện các mục tiêu của Hội nghị cấp cao không liên kết lần thứ V, VI và VII.

Em có biết

Phong trào Không liên kết (NAM) là một tổ chức quốc tế của các quốc gia không thuộc hoặc không chống lại bất kì khối nước lớn nào. Tổ chức này ra đời ngày 01 – 9 – 1961 với các nguyên tắc đóng vai trò nền tảng gồm: 1. Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau; 2. Không xâm lược lẫn nhau; 3. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; 4. Bình đẳng và hai bên cùng có lợi; 5. Cùng tồn tại hoà bình.

Trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi, Việt Nam đã tích cực mở rộng quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa phát triển và các tổ chức quốc tế. Những hoạt động đối ngoại tiêu biểu trong giai đoạn này là: kiên quyết đấu tranh chống lại chính sách bao vây, cấm vận, mềm dẻo trong triển khai các chính sách ngoại giao nhân đạo với Mỹ; đẩy mạnh quan hệ



▲Hình 13.9. Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh dự lễ kéo cờ Việt Nam tại trụ sở Liên hợp quốc ngày 20 – 9 – 1977

với các nước tư bản chủ nghĩa, thiết lập các cơ quan đại diện ngoại giao với Nhật Bản, Ca-na-đa, Cộng hoà Liên bang Đức, Ô-xtrây-li-a; mở rộng quan hệ kinh tế, thương mại, văn hoá, khoa học với các nước Tây Âu và Bắc Âu; tham gia 33 tổ chức quốc tế và 19 điều ước quốc tế. Năm 1977, Việt Nam chính thức gia nhập Liên hợp quốc.

Nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1975 đến năm 1985.

4. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay

Từ năm 1986, hoạt động đối ngoại của Việt Nam đã tích cực đóng góp vào công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và đẩy mạnh hội nhập quốc tế.

Tư liệu 6

"Hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị – xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình".

(*Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 51, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 118)

Với khu vực Đông Nam Á, Việt Nam cùng các nước tích cực tham gia tìm giải pháp chính trị cho vấn đề Cam-pu-chia. Quan hệ song phương và đa phương giữa ba nước Đông Dương ngày càng củng cố và mở rộng. Việt Nam kí nhiều hiệp ước hợp tác với các thành viên ASEAN và chính thức gia nhập ASEAN vào tháng 7 – 1995.

Với Trung Quốc, Việt Nam và Trung Quốc đã bình thường hoá quan hệ (tháng 11 – 1991), hai nước kí kết *Hiệp ước về biên giới trên đất liền* (tháng 12 – 1991), kí *Hiệp định về phân định vịnh Bắc Bộ* (tháng 12 – 2000). Năm 2008, quan hệ song phương giữa hai nước đã nâng lên tầm đối tác chiến lược toàn diện.

Với Hoa Kỳ, nỗ lực ngoại giao hoà bình của Việt Nam đã đem lại thành công: phá bỏ cấm vận (1994), thiết lập quan hệ ngoại giao (1995), kí *Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ* (2000), cải thiện và nâng cấp quan hệ giữa hai nước lên đối tác chiến lược toàn diện (2023).



▲Hình 13.10. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng hội đàm với Tổng thống Giô Bai-đơn tại Hà Nội vào ngày 10 – 9 – 2023

Việt Nam đã tăng cường hợp tác nhiều mặt với Liên bang Nga, đổi mới quan hệ với các nước Đông Âu và bạn bè truyền thống; cải thiện và tăng cường quan hệ với các nước tư bản chủ nghĩa có nền công nghiệp phát triển.

Đến năm 2022, Việt Nam đã là thành viên của 63 tổ chức và diễn đàn khu vực, quốc tế; tham gia nhiều công ước, điều ước quốc tế; chủ động phát huy vai trò, sáng kiến đóng góp vào xây dựng, định hình các thể chế đa phương; hợp tác với cộng đồng quốc tế giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Em có biết

Việt Nam thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 6 nước: Trung Quốc (2008), Liên bang Nga (2012), Ấn Độ (2016), Hàn Quốc (2022), Mỹ (2023), Nhật Bản (2023).

Việt Nam đã kí kết nhiều hiệp định thương mại tự do với nhiều đối tác ở các châu lục, tiêu biểu như: năm 2018, kí "Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương" (CPTPP); năm 2020, kí "Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu" (EVFTA).

Cộng đồng quốc tế đã tín nhiệm bầu Việt Nam làm Uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì 2008 – 2009 và 2020 – 2021, thành viên Hội đồng Nhân quyền nhiệm kì 2014 – 2016 và 2023 – 2025.

Tư liệu 7

"Tiếp tục mở rộng, làm sâu sắc hơn quan hệ và tạo thế đan xen lợi ích kinh tế với các đối tác. Với các đối tác quan trọng, nhất là các nước láng giềng, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện phải chủ động, tích cực tạo lập, hoàn thiện các khuôn khổ hợp tác, gắn kết chặt chẽ quan hệ chính trị, đối ngoại với hợp tác kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hoá, giáo dục và khoa học – công nghệ...".

(Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10 – 8 – 2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030)



▲Hình 13.11. Toàn cảnh cuộc họp Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ngày 06 – 6 – 2019 bầu Việt Nam làm Uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an nhiệm kì 2020 – 2021

Trình bày các hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

Kết nối internet tìm hiểu về hoạt động đối ngoại chủ yếu giữa Việt Nam và EU từ năm 2001 đến nay.

Lắng nghe lịch sử

"Nền ngoại giao Việt Nam hiện đại mang hồn dân tộc, rất kiên định về nguyên tắc, nhưng ứng xử tinh tế và linh hoạt; phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng với các mặt trận quân sự, chính trị và các ngành khác, kết hợp thế và lực góp phần xoay chuyển tình thế từ yếu thành mạnh; gắn lợi ích dân tộc với lợi ích giai cấp, dân tộc với quốc tế, dân tộc với thời đại; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thành sức mạnh tổng hợp".

(Nguyễn Đình Bin, *Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000*, Sđd, trang 18)



▲Hình 13.12. Đại diện các nước tham gia lễ kí kết *Hiệp định CPTPP* ở Xan-ti-a-gô (Chi-lê) ngày 08 – 3 – 2018

LUYỆN TẬP

Lập bảng tóm tắt hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1945 đến nay theo gợi ý sau vào vở:

Giai đoạn	Hoạt động
1945 – 1954	?
1954 – 1975	?
1975 – 1985	?
1986 đến nay	?

VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu về hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay, sau đó, giới thiệu với thầy, cô và các bạn cùng lớp.

Chương 6

HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

Bài 14. KHÁI QUÁT VỀ CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH

Học xong bài này, em sẽ:

– Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

– Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

– Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh.

– Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

"Từ những năm 20 của thế kỉ này, một con người đã trở thành hiện thân của quá trình gặp gỡ lịch sử giữa một dân tộc, một thời đại, làm nên một sự nghiệp cách mạng lớn lao. Con người ấy là Hồ Chí Minh. Dân tộc ấy là dân tộc Việt Nam. Thời đại ấy là thời đại quá độ trên toàn thế giới từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Sự nghiệp ấy là sự nghiệp cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam".

(Phạm Văn Đồng, *Hồ Chí Minh – Một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023)

Những yếu tố nào đã ảnh hưởng đến cuộc đời, sự nghiệp của Hồ Chí Minh? Những nét cơ bản trong tiểu sử và tiến trình hoạt động của Hồ Chí Minh là gì? Bài học này sẽ giúp em hiểu rõ những vấn đề đó.



▲Hình 14.1. Mùa sen nở ở quê Chủ tịch Hồ Chí Minh (Kim Liên, Nghệ An)

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

Sau khi hoàn thành cuộc xâm lược, thực dân Pháp chia Việt Nam thành 3 xứ để cai trị và tiến hành khai thác thuộc địa. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp xâm lược ngày càng gay gắt.

Phong trào yêu nước chống thực dân Pháp theo hệ tư tưởng phong kiến (phong trào Cần vương, khởi nghĩa Yên Thế,…) và phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh,…) cũng không thành công; cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước diễn ra sâu sắc, đòi hỏi phải tìm con đường cứu nước mới để giải phóng dân tộc.

Nghệ An là vùng đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống và văn hoá, hiếu học, người dân cần cù, chịu khó. Đây cũng là nơi có nhiều nhà khoa bảng, nhiều sĩ phu yêu nước lãnh đạo các phong trào đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm. Các nhà Nho "xứ Nghệ" đương thời đã tiếp xúc với sách báo mới, họ thường bàn luận về các phong trào yêu nước chống thực dân xâm lược và phong kiến tay sai.

Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình nhà Nho yêu nước, có nền nếp, giàu lòng thương người, trọng nghĩa khí. Bố là ông Nguyễn Sinh Sắc (1862 – 1929) – một tấm gương kiên trì về ý chí vượt khó vươn lên, người thầy mẫu mực trong dạy chữ, dạy người. Mẹ là bà Hoàng Thị Loan (1868 – 1901) – người cần mẫn, nhân hậu, đảm đang; nuôi dưỡng các con bằng tình thương yêu và những điệu hò câu ví của dân ca xứ Nghệ.

Tư liệu 1

"Nhân dân Việt Nam, trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ".

(Hồ Chí Minh trả lời nhà văn Mỹ, An-na Lu-y Xtơ-rông, Báo *Nhân Dân* số 4062, ngày 18 – 5 – 1965)



▲Hình 14.2. Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc – thân phụ Chủ tịch Hồ Chí Minh



▲Hình 14.3. Cụ Hoàng Thị Loan – thân mẫu Chủ tịch Hồ Chí Minh

Nêu những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

• *Từ năm 1890 đến năm 1911*

Hồ Chí Minh (lúc nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung) sinh ngày 19 – 5 – 1890 tại quê ngoại là làng Hoàng Trù (làng Chùa), lớn lên ở quê nội là làng Kim Liên (làng Sen), cùng trong xã Chung Cự, thuộc tổng Lâm Thịnh, huyện Nam Đàn (nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn) tỉnh Nghệ An.



▲Hình 14.4. Ngôi nhà ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An – nơi Nguyễn Sinh Cung cất tiếng khóc chào đời và sống 5 năm tuổi ấu thơ (1890 – 1895)

Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung theo cha mẹ vào Huế sinh sống. Sau khi mẹ qua đời (1901), Nguyễn Sinh Cung về quê, lấy tên mới là Nguyễn Tất Thành và theo học ở Trường Tiểu học Pháp – Việt (Vinh).

Năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế, học ở Trường Tiểu học Pháp – Việt Đông Ba, Trường Quốc học Huế,...

Năm 1910, Nguyễn Tất Thành đi vào Phan Thiết (Bình Thuận), dạy học ở Trường Dục Thanh, được các sĩ phu duy tân tạo điều kiện tìm đường cứu nước.

Tư liệu 2

"Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương. Anh nhận điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương.

Cụ Phan Bội Châu hi vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì "đưa hổ cửa trước rước beo cửa sau".

Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo lời người ta kể thì cụ còn nặng cốt cách phong kiến".

(Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1975, trang 12, 13)

Ngày 05 – 6 – 1911, từ cảng Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành lấy tên Văn Ba bắt đầu "ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta".

Chân trời sáng tạo



▲Hình 14.5. Bến Nhà Rồng, Sài Gòn đầu thế kỉ XX

Tư liệu 3

Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do – Bình đẳng – Bác ái. Đối với chúng tôi, người da trắng nào cũng là người Pháp. Người Pháp đã nói thế. Và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy.

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 1, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 461)

• *Từ năm 1911 đến năm 1941*

Từ năm 1911 đến năm 1917, Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ để tìm đường cứu nước và tìm hiểu cuộc sống của nhân dân lao động.

Từ cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp.

Năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, gửi tới Hội nghị Véc-xai bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*.

Tháng 7 – 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin, Người tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc – con đường cách mạng vô sản. Tháng 12 – 1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Người đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Từ giữa năm 1921 đến tháng 6 – năm 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp; Người cùng một số nhà cách mạng thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa* (1921), ra báo *Người cùng khổ*,...

Từ tháng 6 – 1923 đến cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Liên Xô. Tháng 11 – 1924, Nguyễn Ái Quốc rời Liên Xô đến Quảng Châu (Trung Quốc). Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* và ra báo *Thanh niên*.

Từ giữa năm 1927 đến cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động cách mạng ở Pháp, Đức, Xiêm,...

Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ngày 28 – 01 – 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

• *Từ năm 1941 đến năm 1945*

Tháng 5 – 1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8, sáng lập Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh).

Tháng 8 – 1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh, sang Trung Quốc bắt liên lạc với lực lượng Đồng minh chống phát xít. Tháng 9 – 1944, Người về nước, tiếp tục lãnh đạo cách mạng; ra *Chỉ thị Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân* (12 – 1944).

Tháng 8 – 1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi; được cử làm Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Ngày 02 – 9 – 1945, Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

• ***Từ năm 1945 đến năm 1969***

Từ tháng 9 – 1945 đến tháng 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền, chống thù trong giặc ngoài.

Từ tháng 12 – 1946 đến tháng 7 – 1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954), chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (02 – 1951).

Từ tháng 7 – 1954 đến tháng 9 – 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9 – 1960), lãnh đạo công cuộc xây dựng cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cuộc kháng chiến chống Mỹ và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Ngày 02 – 9 – 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tại Thủ đô Hà Nội.

Trình bày những nét cơ bản về tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

Lắng nghe lịch sử

"Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là tiếc rằng không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa.

...

Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới."

(*Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 15, Sđd, trang 623, 624)

LUYỆN TẬP

Lập bảng tóm tắt những giai đoạn hoạt động của Hồ Chí Minh theo gợi ý bên vào vở:

Giai đoạn	Hoạt động
1911 – 1941	?
1941 – 1945	?
1945 – 1969	?

VẬN DỤNG

Sưu tầm câu chuyện kể về Bác Hồ học ngoại ngữ trong hành trình hoạt động cách mạng, sau đó giới thiệu với thầy, cô và các bạn cùng lớp.

Bài 15. HỒ CHÍ MINH – ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Học xong bài này, em sẽ:

– Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ.
– Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh và ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước.
– Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941), thành lập Mặt trận Việt Minh, thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
– Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19 tháng 5 năm 1941) và vai trò của Hồ Chí Minh.
– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám (1945 – 1946) khi thực hiện chủ trương "hoà để tiến" thông qua việc kí *Hiệp định Sơ bộ* (ngày 06 tháng 3 năm 1946) và bản *Tạm ước* (ngày 14 tháng 9 năm 1946).
– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954).
– Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1969).
– Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

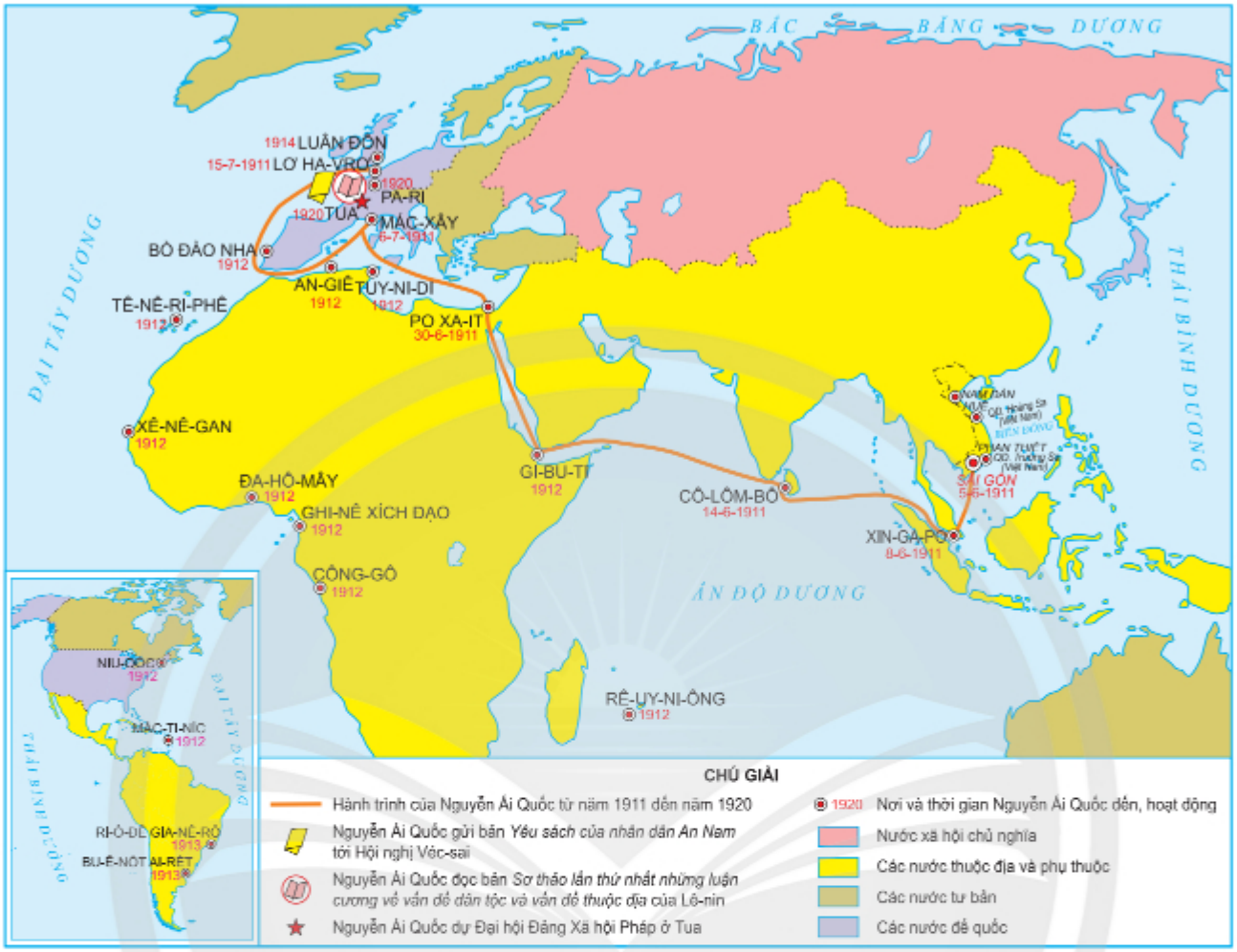


▲Hình 15.1. Chân dung Hồ Chí Minh (1890 – 1969)

Khi tôn vinh Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên hợp quốc (UNESCO) ghi nhận Người là "biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội". Bài học này sẽ giúp em hiểu, cảm phục, tự hào và trân trọng công lao, đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam.

1. Hành trình tìm đường cứu nước (1911 – 1920)

Năm 1911, từ Sài Gòn (Việt Nam), Nguyễn Tất Thành (Văn Ba) làm phụ bếp trên con tàu La-tu-sơ Tơ-rê-vin, bắt đầu hành trình tìm đường cứu nước.



▲Hình 15.2. Lược đồ hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (1911 – 1920)

Trên hành trình đó, Nguyễn Tất Thành đi qua các châu lục, nhiều quốc gia; vừa lao động, vừa tìm hiểu, học hỏi, Người thấy rõ: "Ở đâu chủ nghĩa thực dân đế quốc cũng tàn bạo, ở đâu những người lao động cũng bị áp bức cùng cực".

Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ nước Anh trở lại Pháp, tham gia Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp.

Năm 1919, thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, gửi bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* đến Hội nghị Véc-xai đòi quyền lợi cho người dân An Nam.

Giữa năm 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin (in trên báo *Nhân đạo* của Đảng Xã hội Pháp), tìm thấy con đường cứu nước giải phóng dân tộc – con đường cách mạng vô sản.

Tư liệu 1

"Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: "Hỡi đồng bào bị đoạ đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!".

Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lê-nin, tin theo Quốc tế thứ ba".

(*Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lê-nin*, trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 12, Sđd, trang 562)



▲Hình 15.3. Nguyễn Ái Quốc tại Đại hội Tua (Pháp) năm 1920

Nguyễn Ái Quốc hướng con đường cứu nước theo Cách mạng tháng Mười Nga – giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện độc lập dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội để "dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật".

Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản".

Tại Đại hội lần thứ XVIII (tháng 12 – 1920) của Đảng Xã hội Pháp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên và là một trong những người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Với việc tìm ra con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã góp phần trực tiếp vào việc giải quyết cuộc khủng hoảng đường lối trong phong trào giải phóng dân tộc ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

1. Quan sát Hình 15.2, trình bày hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc giai đoạn 1911 – 1920.

2. Nêu ý nghĩa của việc Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước.

Kết nối internet tìm hiểu về bài thơ "Người đi tìm hình của nước" của nhà thơ Chế Lan Viên.

2. Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

a) Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam

Sau khi tìm thấy con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho việc thành lập một Đảng cách mạng "để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi".

Tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc tham gia sáng lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa ở Pháp (năm 1921), ra báo tiếng Pháp *Người cùng khổ (Le Paria)*, viết bài trên báo *Nhân đạo* (Pháp), viết *Bản án chế độ thực dân Pháp* (năm 1925),... Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc khơi dậy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, vạch trần bản chất và tội ác của chủ nghĩa đế quốc, thực dân, tập hợp lực lượng và tuyên truyền con đường cách mạng vô sản.

Năm 1923, Nguyễn Ái Quốc sang Liên Xô tham dự Hội nghị Quốc tế Nông dân, Đại hội Quốc tế Cộng sản (năm 1924), tìm hiểu kinh nghiệm xây dựng Đảng Cộng sản Liên Xô và Chính quyền Xô viết, viết bài cho *Tạp chí Cộng sản, Thư tín quốc tế* (1923 – 1924),... Qua đó, Nguyễn Ái Quốc đã vận dụng nhiều vấn đề lí luận chủ nghĩa Mác – Lê-nin, hình thành những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa.

Tại Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (năm 1925), ra báo *Thanh niên* (số báo đầu tiên ra ngày 21 – 6 – 1925), mở các lớp đào tạo huấn luyện cán bộ cách mạng, trang bị lí luận cách mạng giải phóng dân tộc cho các hội viên; các bài giảng tại các lớp đào tạo cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được tập hợp và in thành tác phẩm *Đường Kách mệnh*, xuất bản năm 1927.



▲ Hình 15.4. Bìa cuốn sách *Đường Kách mệnh*

Tư liệu 2

Vì sao phải viết sách này?

"5. Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: (1) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải cách mệnh. (2) Vì sao cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người. (3) Đem lịch sử cách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. (4) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. (5) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? (6) Cách mệnh thì phải làm thế nào?...".

(*Đường Cách mệnh*, trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 2, Sđd, trang 282, 283)

Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã thúc đẩy phong trào công nhân, phong trào yêu nước phát triển mạnh mẽ, dẫn đến sự ra đời ba tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản đảng (tháng 6 – 1929), An Nam Cộng sản đảng (tháng 8 – 1929), Đông Dương Cộng sản liên đoàn (tháng 9 – 1929).

? *Trình bày quá trình Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

b) Triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Các tổ chức cộng sản ra đời đã thúc đẩy phong trào cách mạng trên cả nước phát triển, nhưng các tổ chức này hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng với nhau làm cho cách mạng Việt Nam có nguy cơ dẫn đến sự chia rẽ lớn. Vì vậy, cần phải hợp nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng cộng sản.

Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc về Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản. Hội nghị thảo luận và thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua các văn kiện do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo (gồm *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt, Điều lệ vắn tắt* của Đảng).

Tư liệu 3

"…Chúng tôi họp vào ngày mồng 6 – 1.

Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng.

Chúng tôi cùng nhau xác định cương lĩnh và chiến lược theo đường lối của Quốc tế Cộng sản.

Các đại biểu phải tổ chức một Trung ương lâm thời gồm 7 uỷ viên chính thức và 7 uỷ viên dự khuyết. Các đại biểu trở về An Nam ngày 8 – 2".

(*Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản*, trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 3, Sđd, trang 13)

Nêu vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

c) Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm tất yếu của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

Sự ra đời của Đảng là sự kiện lịch sử trọng đại, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam: chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo của cách mạng Việt Nam; mở ra thời kì cách mạng giải phóng dân tộc đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sự ra đời của Đảng cũng là sự chuẩn bị đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt của cách mạng và dân tộc Việt Nam.

Nêu ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đầu năm 1930.

3. Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945

a) Triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8, thành lập Việt Minh

Trước yêu cầu cấp bách ở trong nước đối với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 28 – 01 – 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

Tháng 5 – 1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 tại Pác Bó (Cao Bằng). Hội nghị đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước ở Đông Dương. Hội nghị xác định hình thái của cuộc khởi nghĩa ở Việt Nam là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa và nhấn mạnh: chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân.

Theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc, Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) được thành lập (ngày 19 – 5 – 1941), nhằm tập hợp và đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các dân tộc, tôn giáo, các giới "cốt thực hiện hai điều mà toàn thể đồng bào đang mong ước: 1. Làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; 2. Làm cho dân Việt Nam được sung sướng, tự do".

Em có biết

Ngày 28 – 01 – 1941, Nguyễn Ái Quốc cùng đồng chí Hoàng Văn Thụ và các đồng chí đi đón Người đã vượt qua mốc 108 (nay là cột mốc 675) biên giới Việt Nam – Trung Quốc, về đến Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Những ngày đầu về nước, Người ở tại nhà ông Lý Quốc Súng (Máy Lỳ), dân tộc Nùng, ở thôn Pác Bó – một cơ sở cách mạng. Ngày 08 – 02 – 1941, Người chuyển đến hang Cốc Bó ở thôn Pác Bó, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng để sống và làm việc.



▲Hình 15.5. Lán Khuổi Nặm, Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng) – nơi diễn ra Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5 – 1941)



▲Hình 15.6. Bút tích của Nguyễn Ái Quốc trên báo *Việt Nam độc lập*, ra ngày 21 – 8 – 1941

Tư liệu 4

Mười chính sách của Việt Minh

"Việt Nam độc lập đồng minh
Có bản Chương trình đánh Nhật, đánh Tây.
Quyết làm cho nước non này,
Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền:
Làm cho con cháu Rồng, Tiên,
Dân ta giữ lấy lợi quyền của ta.
Có mười chính sách bày ra,
Một là ích nước, hai là lợi dân…"

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 3, Sđd, trang 242)

Chân trời sáng tạo

Mặt trận Việt Minh đã chuẩn bị trực tiếp về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang, căn cứ địa,... Tổ chức Việt Minh nhanh chóng phát triển khắp nơi, trở thành khối thống nhất sức mạnh quật khởi của dân tộc, đóng vai trò nòng cốt, có ý nghĩa quyết định cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

1. Nêu vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với việc triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5 – 1941).

2. Nêu ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh (tháng 5 – 1941).

b) Thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân

Để tiến tới cuộc khởi nghĩa vũ trang, trên cơ sở các đội du kích và Cứu quốc quân đã phát triển, Hồ Chí Minh ra *Chỉ thị thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân*, nhằm mục đích "lập ra đội chủ lực".

Ngày 22 – 12 – 1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập. Vừa ra đời, Đội đã đánh thắng hai trận Phay Khắt, Nà Ngần ở Cao Bằng (ngày 25 và 26 – 12 – 1944).

Tư liệu 5

Chỉ thị thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân

"Tên Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền… Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân là đội quân đàn anh, mong cho chóng có những đội quân đàn em khác.

Tuy lúc đầu quy mô của nó còn nhỏ, nhưng tiền đồ của nó rất vẻ vang. Nó là khởi điểm của giải phóng quân, nó có thể đi suốt từ Nam chí Bắc, khắp đất nước Việt Nam".

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 3, Sđd, trang 539 – 540)

Nêu vai trò của Hồ Chí Minh trong việc thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

c) Lãnh đạo Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

Dự báo đúng tình hình và nắm bắt rõ thời cơ chín muồi, Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì Hội nghị toàn quốc của Đảng (ngày 14 và 15 – 8 – 1945) thông qua kế hoạch lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa.

Tiếp đó, Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì Đại hội Quốc dân tại Tân Trào (ngày 16 và 17 – 8 – 1945), tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, "hiệu triệu nhân dân toàn quốc" thi hành 10 chính sách lớn của Việt Minh; quyết định Quốc kì và Quốc ca của Việt Nam; thành lập *Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam* do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Ngay sau đó, Người có *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa*.

Ngày 28 – 8 – 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cải tổ Uỷ ban Dân tộc giải phóng thành Chính phủ lâm thời và bắt tay vào soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập*. Ngày 02 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trịnh trọng công bố bản *Tuyên ngôn Độc lập*, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.


TUYÊN-NGÔN ĐỘC-LẬP

CỨU QUỐC

▲Hình 15.7. Báo *Cứu Quốc* số ra ngày 05 – 9 – 1945 đăng bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh trịnh trọng công bố ngày 02 – 9 – 1945 tại Ba Đình (Hà Nội)

Tư liệu 6

Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà

"... chúng tôi – Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà – trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy".

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Sđd, trang 3)

Nêu vai trò của Hồ Chí Minh trong việc trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

4. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước từ năm 1954 đến năm 1969

a) Giai đoạn 1945 – 1946

Ngay sau Cách mạng tháng Tám, đất nước trong tình thế "nghìn cân treo sợi tóc", Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ động lựa chọn những đối sách đúng đắn nhằm giải quyết kịp thời, có hiệu quả những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp của tình hình cách mạng Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra những công việc cấp bách, lãnh đạo Chính phủ thực hiện những nhiệm vụ cơ bản đầu tiên của nền dân chủ cộng hoà, giải quyết nạn đói, nạn dốt và chống thù trong giặc ngoài.

Theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập (tháng 5 – 1946) để mở rộng khối đoàn kết toàn dân.

Người chủ động thiết lập mối liên hệ và tranh thủ sự ủng hộ của Liên hợp quốc, các nước Đồng minh về nền độc lập của Việt Nam.

Người khởi xướng và thực hiện sách lược "hoà để tiến" lợi dụng triệt để những mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, mở rộng Chính phủ thành Chính phủ liên hiệp, kí với Pháp *Hiệp định Sơ bộ* (ngày 06 – 3 – 1946) và bản *Tạm ước* (ngày 14 – 9 – 1946) nhằm tranh thủ thời gian hoà hoãn chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.



▲Hình 15.8. Chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1946

Tư liệu 7

Lời tuyên thệ nhậm chức

"Chúng tôi, Chính phủ kháng chiến nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Tối cao cố vấn đoàn và Uỷ viên kháng chiến hội, trước bàn thờ thiêng liêng của Tổ quốc, trước Quốc hội, thề xin cương quyết lãnh đạo nhân dân kháng chiến, thực hiện nền dân chủ cộng hoà Việt Nam, mang lại tự do hạnh phúc cho dân tộc. Trong công việc giữ gìn nền độc lập, chúng tôi quyết vượt mọi nỗi khó khăn dù phải hi sinh tính mệnh cũng không từ".

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Sđd, trang 223)

Nêu vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 – 1946.

b) Giai đoạn 1946 – 1954

Đêm 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, phát động cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Người cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng hoạch định đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh.

Tại chiến khu Việt Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng (tháng 02 – 1951). Đây là Đại hội kháng chiến thắng lợi.

Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ từng bước mở rộng hoạt động ngoại giao, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các nước anh em, các nước láng giềng và bạn bè quốc tế.

Người cùng Trung ương Đảng chỉ đạo nhiều chiến dịch quân sự trong kháng chiến chống thực dân Pháp: Việt Bắc thu – đông năm 1947, Biên giới thu – đông năm 1950, cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.



▲Hình 15.9. Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng các đồng chí trong Bộ Chính trị bàn bạc quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ

Nêu vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954).

c) Giai đoạn 1954 – 1969

Trong bối cảnh đất nước bị chia cắt thành hai miền, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Thống nhất nước nhà là con đường sống của nhân dân ta. Đại đoàn kết là một lực lượng tất thắng".

Tại Thủ đô Hà Nội, Người chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ III (tháng 9 – 1960) đề ra đường lối "Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước".



▲Hình 15.10. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu lần thứ III (ngày 05 – 9 – 1960)

Người thay mặt Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam đi thăm và tăng cường mối quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước anh em, bạn bè, tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ quốc tế cho cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Người cùng Trung ương Đảng hoạch định đường lối chiến lược và sách lược cho cách mạng hai miền Nam – Bắc; cùng Chính phủ tổ chức điều hành cuộc kháng chiến vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, xây dựng hậu phương miền Bắc, tăng cường sức mạnh cho tiền tuyến miền Nam.



▲Hình 15.11. Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp các nhân sĩ Mỹ phản đối chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam (ngày 17 – 01 – 1967)

Người nêu cao chân lí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" và ý chí quyết tâm cho toàn dân tộc: "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi". Người viết thư, gửi điện thăm hỏi, cổ vũ, động viên cán bộ, chiến sĩ và các tầng lớp nhân dân, đọc thơ chúc tết đồng bào ta ở trong và ngoài nước mỗi dịp xuân về,…

Tư liệu 8

"…Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!"

(*Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 17 – 7 – 1966*, trích trong *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 15, Sđd, trang 131)

Tư liệu 9

Thư Chúc mừng năm mới

"…Nhân dịp năm mới 1969, thay mặt nhân dân cả nước ta, tôi nhiệt liệt chúc mừng và cảm ơn các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước bầu bạn và nhân dân yêu chuộng hoà bình, công lí trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ, đã hết lòng ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam. Tôi thân ái chúc đồng bào, chiến sĩ, cán bộ và bà con Hoa kiều cả hai miền Nam – Bắc và kiều bào ta ở nước ngoài, năm mới đoàn kết, chiến đấu, thắng lợi. Và có mấy lời mừng Xuân như sau:

"Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.
Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho nguỵ nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,
Bắc – Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!"

Xuân 1969
HỒ CHÍ MINH

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 15, Sđd, trang 531, 532)

Nêu vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969.

Kết nối internet để cảm nhận và thấu hiểu bài hát "Như có Bác trong ngày đại thắng" của nhạc sĩ Phạm Tuyên.

Lắng nghe lịch sử

"Thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam ngót nửa thế kỉ nay mãi mãi gắn liền với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, người khai sinh nền Cộng hoà Dân chủ Việt Nam, người vun trồng khối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, vị lãnh tụ thiên tài của giai cấp công nhân và nhân dân ta, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế…".

(*Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, trích trong *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 37, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, trang 460)

LUYỆN TẬP

Lập bảng thống kê những sự kiện lịch sử gắn với vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam theo gợi ý sau vào vở:

Thời kì	Sự kiện	Vai trò, Ý nghĩa
Tìm đường cứu nước (1911 – 1920)	?	?
Chuẩn bị thành lập Đảng (1920 – 1930)	?	?
Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám (1941 – 1945)	?	?
Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)	?	?
Kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (từ năm 1954 đến năm 1969)	?	?

VẬN DỤNG

Em hãy đọc Tư liệu 8 và viết một bài cảm nhận về *Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 17 – 7 – 1966* nhân dịp kỉ niệm ngày sinh của Người.

Bài 16. DẤU ẤN HỒ CHÍ MINH TRONG LÒNG NHÂN DÂN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Học xong bài này, em sẽ:

– Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

– Nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi đối với dân tộc Việt Nam.

– Có ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

"Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta" (Trích trong "Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng" đọc tại Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 09 – 9 – 1969). Tại sao nhân dân thế giới và nhân dân Việt Nam đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh? Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng dân tộc Việt Nam? Bài học này sẽ giúp em giải đáp các vấn đề trên.



▲ Hình 16.1. Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn đọc *Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam* trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 09 – 9 – 1969 (Hà Nội)

1. Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới

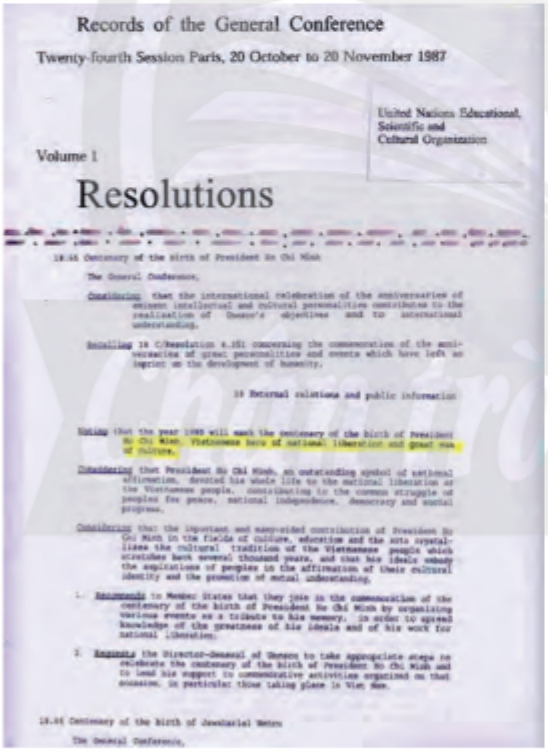
Chủ tịch Hồ Chí Minh là người tìm ra con đường giải phóng dân tộc và lãnh đạo nhân dân Việt Nam giành độc lập dân tộc, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh vì hoà bình, dân chủ, tự do và tiến bộ xã hội trên thế giới. Người là biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới.

Chủ tịch Hồ Chí Minh hội tụ tinh hoa, giá trị cả văn hoá phương Đông và văn hoá phương Tây. Người đã phát triển quyền con người thành quyền dân tộc; những tư tưởng lớn của Người mang tầm vóc vĩ nhân của thời đại, lại được biểu hiện một cách chân thực, rất mực giản dị và gần gũi với mọi người.

Em có biết

"Sự nghiệp văn hoá quan trọng nhất của Người là đã lãnh đạo toàn dân đánh đuổi giặc ngoại xâm trong thời đại mới, giành lại cho nhân dân những quyền sống của con người, một cuộc sống có văn hoá,... Hồ Chí Minh đã cùng với loài người loại trừ một trở lực to lớn trên con đường tiến lên thế giới văn minh, xoá đi một vết nhơ trong lịch sử là chế độ thuộc địa". (Đại tướng Võ Nguyên Giáp)

Năm 1987, tổ chức UNESCO tôn vinh "Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hoá kiệt xuất Việt Nam".



Records of the General Conference

Twenty-fourth Session Paris, 20 October to 20 November 1987

United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization

Volume 1

Resolutions

▲ Hình 16.2. Nghị quyết 24C/18.6.5 của UNESCO

Tư liệu

Nghị quyết số 24C/18.6.5 ngày 20 – 11 – 1987 của UNESCO ghi nhận Hồ Chí Minh: "cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội"; "kết tinh của truyền thống văn hoá hàng nghìn năm của dân tộc Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc trong việc khẳng định bản sắc văn hoá của mình và mong muốn tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc".

(Theo *UNESCO với sự kiện tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc – Nhà văn hoá kiệt xuất*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2013)

Vì vậy, nhiều nơi trên thế giới xây dựng nhà lưu niệm, khu tưởng niệm Hồ Chí Minh; nhiều quốc gia, dựng tượng đài kỉ niệm, bia tưởng niệm Hồ Chí Minh; nhiều thành phố cổ kính và hiện đại trên các châu lục đặt tên Hồ Chí Minh cho các đại lộ, con đường, trường học, công viên,...



▲Hình 16.3. Bia tưởng niệm tại khách sạn Can-tơn (Mỹ), nơi Nguyễn Tất Thành làm việc năm 1913



▲Hình 16.4. Tượng đài phù điêu Hồ Chí Minh tại Quảng trường Hồ Chí Minh ở Mát-xcơ-va (Liên bang Nga)



▲Hình 16.5. Tượng Chủ tịch Hồ Chí Minh tại công viên Bảo tàng Văn minh châu Á (Xin-ga-po)

Em có biết

Ở 22 quốc gia trên thế giới đã có 36 tượng, tượng đài Hồ Chí Minh; 6 bia tưởng niệm, 14 khu tưởng niệm, 5 trường học, 6 đại lộ, 7 con đường trên thế giới mang tên Hồ Chí Minh (15 nước thuộc các chế độ khác nhau ở nhiều châu lục như: Liên bang Nga, Pháp, Anh, Cu-ba, Thái Lan, Phi-líp-pin, Mông Cổ, Mê-hi-cô, Xri Lan-ca, Ma-đa-ga-xca,... đã dựng tượng đài Hồ Chí Minh).

Vì sao thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh?

2. Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam

Nhân dân Việt Nam gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh là Bác Hồ – Người đã hiến trọn đời mình cho dân tộc. Người "chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do".

Người đã đặt ra những cơ sở đảm bảo và chỉ dẫn, soi đường cho quá trình "Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới".

Người đã để lại cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam "muôn vàn tình thương yêu" và di sản hết sức quý báu là bản *Di chúc*, cùng tư tưởng Hồ Chí Minh và tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Toàn dân Việt Nam kính yêu quý trọng Bác Hồ, luôn luôn học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách và tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hình ảnh của Người được khắc sâu trong tâm trí người Việt Nam, được tôn thờ trong đạo lí, tín ngưỡng của dân tộc.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, theo nguyện vọng của nhân dân cả nước, Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bảo tàng Hồ Chí Minh được xây dựng.

Em có biết

Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, nơi gìn giữ thi hài lãnh tụ Hồ Chí Minh (khởi công ngày 02 – 9 – 1973, khánh thành ngày 29 – 8 – 1975) tại trung tâm Quảng trường Ba Đình lịch sử ở Thủ đô Hà Nội, nơi ngày 02 – 9 – 1945, Người đọc bản "Tuyên ngôn Độc lập", khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.



▲Hình 16.6. Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội

Sau khi đất nước thống nhất, năm 1976, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (khoá VI) đã quyết định đổi tên Thành phố Sài Gòn – Gia Định thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn cảm hứng sáng tác âm nhạc, thơ ca, kịch, điện ảnh,… nhiều giải thưởng, huy hiệu mang tên Hồ Chí Minh đã và đang được tổ chức.



▲Hình 16.7. Nhà sàn Bác Hồ trong Khu di tích Phủ Chủ tịch (Hà Nội)



▲Hình 16.8. Bảo tàng Hồ Chí Minh – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Quận 4 (Thành phố Hồ Chí Minh)

Em có biết

Việt Nam ngày nay có hệ thống bảo tàng, khu di tích về Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Thủ đô Hà Nội và trên nhiều địa phương. Cả nước có gần 700 di tích, nhà lưu niệm ở các tỉnh, thành, ghi dấu cuộc đời và sự nghiệp của Người.

Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi trong lòng nhân dân Việt Nam? Nêu những cách thức mà nhân dân Việt Nam lưu giữ Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng dân tộc.

Lắng nghe lịch sử

"Bài ca Hồ Chí Minh" (The Ballad of Ho Chi Minh) do nhạc sĩ người Anh Iu-ân Ma-câu (1915 – 1989) sáng tác vào năm 1954. Ông từng chia sẻ: Chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 07 – 5 – 1954 làm chấn động thế giới. Ngay đêm đó, trong Câu lạc bộ Lao động ở Luân Đôn (Anh), các đại biểu "Phong trào đòi tự do cho các thuộc địa" đã tổ chức một cuộc mít tinh để chào mừng thắng lợi. Rất ngưỡng mộ Chủ tịch Hồ Chí Minh, nên ông đã sáng tác ngay ca khúc.

Năm 1967, bài hát này được biểu diễn tại Đại hội liên hoan quốc tế ca hát phản chiến tổ chức tại La Ha-ba-na (Cu-ba); sau đó được nhạc sĩ Phú Ân đặt lời tiếng Việt và trở thành bài ca đi cùng năm tháng ở Việt Nam ngày nay.

Bài ca Hồ Chí Minh

Nhạc và lời: Iu-ân Ma-câu
Lời Việt phỏng dịch: Phú Ân

Miền Biển Đông xa tắp nơi chân trời,
Người dân ở đó lầm than đói nghèo.
Từ đau thương Người đi khắp năm châu,
Lòng tin Mặt Trời chân lí sáng soi rọi chiếu tới dân mình,
Hồ, Hồ, Hồ Chí Minh! Hồ, Hồ, Hồ Chí Minh!

Vượt trùng sóng Người đi khắp phương trời,
Luyện tôi ý chí lòng nuôi căm thù.
Hồ Chí Minh ngày đêm xót thương dân tộc nô lệ,
Vì đế quốc dã man giày xéo đất nước mình,
Giày xéo Đông Dương này, tàn sát bao con người.

...

LUYỆN TẬP

1. Nêu hình thức nhân dân thế giới thể hiện sự tôn vinh đối với những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
2. Lập bảng thống kê những hình thức tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên các địa phương Việt Nam hiện nay.

VẬN DỤNG

Lập kế hoạch học tập một việc làm, đức tính tốt đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh và trình bày cho thầy, cô cùng các bạn trong lớp được biết.

BẢNG THUẬT NGỮ

A	Trang
Anh hùng Giải phóng dân tộc: người có công lao kiệt xuất trong công cuộc đấu tranh giải phóng và phát triển của dân tộc, được nhân dân ca ngợi và lịch sử dân tộc ghi nhận, là biểu tượng và niềm tự hào của dân tộc.	96, 108
C	
Công nghiệp hoá, hiện đại hoá: quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lí kinh tế – xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học – công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.	65, 66, 67, 72, 88
Đ	
Điều ước quốc tế: thoả thuận bằng văn bản được kí kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ với bên kí kết nước ngoài theo pháp luật quốc tế.	88, 89
Đối tác chiến lược toàn diện: quan hệ gắn bó lợi ích lâu dài, hỗ trợ và thúc đẩy hợp tác sâu rộng, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, xây dựng sự tin cậy lẫn nhau giữa hai hoặc nhiều quốc gia.	88, 89
H	
Hiến chương: điều ước được kí kết giữa nhiều quốc gia, quy định những nguyên tắc và thể lệ về quan hệ quốc tế.	6, 7, 24, 26, 29
Hội nhập kinh tế quốc tế: quá trình kết nối, giao lưu và hợp tác về kinh tế giữa các quốc gia và giữa quốc gia với các tổ chức kinh tế khu vực và toàn cầu.	65, 66
Hội nhập quốc tế: hình thức phát triển cao của hợp tác quốc tế, là quá trình chủ động chấp nhận, áp dụng và tham gia xây dựng các luật lệ và chuẩn mực quốc tế nhằm phục vụ tối đa lợi ích quốc gia, dân tộc.	31, 66, 67, 69, 74, 75, 88
K	
Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: mô hình kinh tế thị trường trong thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa ở Việt Nam. Đây là mô hình kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.	67, 71
Q	
Quan hệ đa phương: hình thức ngoại giao giữa nhiều quốc gia, nhằm mục đích giải quyết những vấn đề chung như chiến tranh, hoà bình, hợp tác và đấu tranh để cùng tồn tại và phát triển.	88
T	
Thể chế đa phương: các tổ chức liên chính phủ được thiết lập nhằm quản lí và điều phối sự tương tác qua lại giữa các quốc gia trong những lĩnh vực nhất định.	89

BẢNG PHIÊN ÂM

Phiên âm	Nguyên gốc	Trang
A		
A-rập	Arab	87
A-pô-lô	Apollo	16
Ác-hen-ti-na	Argentina	85
An-na Lu-y Xtơ-rông	Anna Louise Strong	92
Áp-ga-ni-xtan	Afghanistan	15
A-xa-ba Xa-ki-ta-rô	Asaba Sakitaro	78, 81
B		
Ba-li	Bali	26, 29
Ban-căng	Balkan	19
Băng-la-đét	Bangladesh	5
Béc-lin	Berlin	12, 13, 14
Bru-nây	Brunei	25, 26
C		
Ca-na-đa	Canada	85, 88
Ca-si-qua-ba-ra Bun-ta-rô	Kashiwabara Buntaro	78
Can-tơn	Carlton	109
Cay-xỏn Phôm-vi-hẳn	Kaysone Phomvihane	86
Cam-pu-chia	Cambodia	15, 25, 50, 51, 54, 57, 58, 88
Chi-lê	Chile	90
Cu-a-la Lăm-pơ	Kuala Lumpur	30, 31
Cu-ba	Cuba	8, 14, 109, 111
Cu-rin	Kuril	13
D		
Đờ Ca-xtơ-ri	De Castries	43
E		
En Xan-va-đo	El Salvador	8
Ê-mi-li	Emily	54
Ê-lin-no Ru-dơ-ven	Eleanor Roosevelt	10
G		
G. Bu-sơ	George Bush	15
Giô Bai-đơn	Joe Biden	84
Giô-ri-gi	Jorinji	81
Giơ-ne-vơ	Genève	44, 45, 46, 47, 84
Goa-tê-ma-la	Guatemala	8

H		
Hi-rô-si-ma	Hiroshima	34
I		
I. Xta-lin	Iosif V.Stalin	13
I-an-ta	Yalta	6, 12, 13, 14, 15, 16, 20, 38, 83
In-đô-nê-xi-a	Indonesia	23, 25, 80
I-ta-li-a	Italia	85
Iu-ân Ma-câu	Ewan MacColl	111
I-ran	Iran	6
K		
Kô-phi An-nan	Kofi Annan	9
Khơ-me	Khmer	53
L		
La Ha-ba-na	La Habana	111
La-tinh	Latin	45, 46, 55
La-tu-sơ Tơ-rê-vin	Latouche Treville	97
Lê-nin	Lenin	75, 79, 94, 97, 98, 99, 100

M		
M. Goóc-ba-chốp	Mikhail Gorbachyov	15
Mác-san	Marshall	14
Ma-đa-ga-xca	Madagascar	109
Ma-lai-xi-a	Malaysia	23, 25, 31, 85
Ma-li	Mali	8
Mác – Lê-nin	Marx – Lenin	75, 79, 99, 100
Man-ta	Malta	15
Mát-xcơ-va	Moskva	84, 109
Mê-hi-cô	Mexico	109
Mi-an-ma	Myanmar	25
Mô-dăm-bích	Mozambique	8
Mô-đun	Modun	16
N		
Na-ga-xa-ki	Nagasaki	34
Na-mi-bi-a	Namibia	15
Na-va	Navarre	42, 43, 44
Nây Am-xtroong	Neil Armstrong	16
Niu Oóc	New York	6, 7, 9, 21

Chân trời sáng tạo

No-man Mô-ri-xơn	Norman Morrison	54
Nô-ben	Nobel	9
O		
Oa-sinh-tơn	Washington	6
Ô-ku-mu-ra	Okumura	78
Ô-xtrây-li-a	Australia	85, 88
P		
Pa-ri	Paris	50, 51, 52, 85
Pít-xbớc	Pittsburgh	17
Phnôm Pênh	Phnom Penh	57, 58
Phi-líp-pin	Philippines	23, 25, 80, 109
Ph. Ru-dơ-ven	F. Roosevelt	13
Phi-đen Cát-xtơ-rô	Fidel Castro	54
Phu-cư-rôi	Fukuroi	81
Pôn Ken-nơ-đi	Paul Kennedy	18
Pô-tô-mác	Potomac	54
Pốt-xđam	Potsdam	13
R		
Rô-hin-ya	Rohingya	5
Rơ-ve	Revers	41
S		
Sê-nôn	Chennault	80
T		
Tê-hê-ran	Teheran	6, 13
Tru-man	Truman	14
Tua	Tours	98
U		
U-mê-y-a-ma	Umeyama	81
U. Sớc-xin	Winston Churchill	13
V		
Vác-sa-va	Warszawa	14
Van-cô-vơ	Vancouver	85
Véc-xai	Versailles	97
X		
Xa-kha-lin	Sakhalin	13
Xan Phran-xi-xcô	San Francisco	6
Xan-ti-a-gô	Santiago	90
Xin-ga-po	Singapore	23, 25, 85, 109
Xri Lan-ca	Sri Lanca	109
Xuy-ê	Suez	14

Chân trời sáng tạo

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TÔ HỒNG PHẤN – ĐỖ XUÂN GIANG

Biên tập kĩ – mĩ thuật: PHẠM THỊ HẠ LIÊN

Thiết kế sách: PHẠM THỊ HẠ LIÊN

Trình bày bìa: TỐNG THANH THẢO

Sửa bản in: TÔ HỒNG PHẤN – ĐỖ XUÂN GIANG

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

LỊCH SỬ 12 (Chân trời sáng tạo)

Mã số: .....

In……bản, (QĐ in số….) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:……

Cơ sở in:……..

Số ĐKXB: ……..……

Số QĐXB: …… ngày…. tháng…. năm 20….

In xong và nộp lưu chiểu tháng…. năm 20…

Mã số ISBN: ……..……



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 12, Tập một
2. Toán 12, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 12
4. Ngữ văn 12, Tập một
5. Ngữ văn 12, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 12
7. Tiếng Anh 12
   Friends Global – Student Book
8. Lịch sử 12
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 12
10. Địa lí 12
11. Chuyên đề học tập Địa lí 12
12. Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
13. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 12
14. Vật lí 12
15. Chuyên đề học tập Vật lí 12
16. Hoá học 12
17. Chuyên đề học tập Hoá học 12
18. Sinh học 12
19. Chuyên đề học tập Sinh học 12
20. Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
21. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Tin học ứng dụng
22. Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
23. Chuyên đề học tập Tin học 12 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Âm nhạc 12
25. Chuyên đề học tập Âm nhạc 12
26. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (1)
27. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (2)
28. Giáo dục quốc phòng và an ninh 12

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
  CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: http://hanhtrangso.nxbgd.vn

Chân trời sáng tạo